



Danh Mục Thuốc 2024

Có hiệu lực vào ngày 1 tháng 1 năm 2024



Ambetter.WesternSkyCommunityCare.com

Giới Thiệu về Danh Mục Thuốc

DANH MỤC THUỐC

Danh Mục Thuốc Ambetter from Western Sky Community Care, hay còn gọi là Danh Sách Thuốc Theo Toa, là tài liệu hướng dẫn về các loại thuốc gốc và thuốc biệt dược hiện có đã được Cục Quản Lý Thực Phẩm và Dược Phẩm Hoa Kỳ (FDA) phê duyệt và được đài thọ thông qua quyền lợi thuốc theo toa của quý vị. Thuốc gốc có cùng thành phần hoạt chất như thuốc biệt dược và nên được coi là điều trị bước một. FDA yêu cầu thuốc gốc phải an toàn và có tác dụng giống như thuốc biệt dược. Nếu không có sẵn thuốc gốc, có thể có nhiều hơn một loại thuốc biệt dược để điều trị bệnh trạng. Thuốc biệt dược ưu tiên được liệt kê ở Bậc 2 giúp xác định các loại thuốc biệt dược là các phương án điều trị phù hợp về mặt lâm sàng, an toàn và tiết kiệm chi phí, nếu thuốc gốc trong danh mục thuốc không phù hợp với bệnh trạng của quý vị.

Xin lưu ý rằng Danh Mục Thuốc không phải là một danh sách đầy đủ các thuốc được quyền lợi thuốc theo toa của quý vị đài thọ. Không phải tất cả các dạng bào chế hoặc hàm lượng của một loại thuốc đều có thể được đài thọ. Danh sách này được đánh giá và cập nhật định kỳ và có thể thay đổi. Thuốc có thể được bổ sung hoặc xóa khỏi danh sách, hoặc yêu cầu bổ sung có thể được đưa vào để có thể phê duyệt việc tiếp tục sử dụng một loại thuốc cụ thể.

Các thiết kế chương trình quyền lợi thuốc theo toa cụ thể có thể không bao gồm một số sản phẩm hoặc danh mục nhất định, bất kể chúng xuất hiện trong tài liệu này hay không. Vui lòng kiểm tra quyền lợi của quý vị để biết các giới hạn về bảo hiểm và khoản chia sẻ chi phí cho thuốc của quý vị.

Chú Thích Trong Danh Sách Thuốc:

Thuốc biệt dược được liệt kê bằng CHỮ IN HOA và thuốc gốc được liệt kê bằng chữ in thường.

Các loại thuốc được đài thọ theo các bậc đồng thanh toán khác nhau tùy thuộc vào quyền lợi của quý vị:

Bậc 0 - Không có khoản đồng thanh toán cho những loại thuốc được sử dụng cho mục đích phòng ngừa và được Đạo luật Bảo Vệ Bệnh Nhân và Chăm Sóc Sức Khỏe Giá Phải Chăng quy định. Một số loại thuốc chọn lọc bao gồm thuốc tránh thai đường uống, vitamin D, axit folic cho phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ, aspirin không cần toa (OTC), các sản phẩm dành cho sức khỏe hành vi và cai thuốc lá có thể được đài thọ theo bậc này. Có thể áp dụng một số giới hạn nhất định về độ tuổi.

Bậc 1A- Khoản đồng thanh toán thấp nhất dành cho một số loại thuốc chọn lọc mang lại giá trị lớn nhất so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 1B- Khoản đồng thanh toán thấp nhất dành cho những loại thuốc mang lại giá trị lớn so với các loại thuốc khác được sử dụng để điều trị các bệnh trạng tương tự. Một số thuốc không cần toa (OTC) chọn lọc có thể được đài thọ theo bậc này.

Bậc 2 - Khoản đồng thanh toán trung bình đài thọ các loại thuốc biệt dược thường có giá cả phải chăng hơn hoặc có thể được ưu tiên hơn so với các loại thuốc khác để điều trị cho cùng bệnh trạng.

Bậc 3 - Khoản đồng thanh toán cao đài thọ các loại thuốc biệt dược và thuốc gốc không ưu tiên có chi phí cao hơn.

Bậc 4 - Khoản đồng thanh toán cao nhất dành cho các loại thuốc “chuyên khoa” dùng để điều trị các bệnh trạng phức tạp, mạn tính có thể cần xử lý, bảo quản hoặc quản lý lâm sàng đặc biệt. Các thuốc theo toa được đài thọ theo bậc thuốc chuyên khoa có thể được yêu cầu mua tại nhà thuốc tham gia vào các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của Ambetter. Để biết thêm thông tin về các nhà thuốc trong các hệ thống “chuyên khoa” hoặc “bệnh máu khó đông” của chúng tôi, vui lòng tham khảo phần thông tin nhà thuốc trên trang web của Ambetter.

Sự Ủy Quyền Trước đối với Các Loại Thuốc Không Thuộc Danh Mục Thuốc

Để có được sự ủy quyền trước đối với một loại thuốc không thuộc danh mục thuốc, nhà cung cấp của quý vị phải điền vào mẫu đơn Ủy Quyền Trước. Pharmacy Services sẽ phản hồi qua fax hoặc điện thoại trong vòng 24 giờ kể từ khi nhận được tất cả thông tin cần thiết đối với các yêu cầu khẩn cấp và trong vòng 72 giờ đối với các yêu cầu không khẩn cấp, trừ khi luật tiểu bang yêu cầu phản hồi nhanh hơn. Nếu yêu cầu không được phê duyệt, thông báo từ chối sẽ có phần giải thích rõ ràng về các lý do cụ thể dẫn đến việc từ chối yêu cầu ủy quyền trước hoặc nếu yêu cầu không đầy đủ, phần giải thích sẽ chỉ rõ thông tin quan trọng còn thiếu cần thiết để hoàn thành yêu cầu.

Các Từ Viết Tắt trong Danh Mục Thuốc:

Từ viết tắt	Thuật ngữ	Ý nghĩa
AL	Giới Hạn về Độ Tuổi	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một số độ tuổi nhất định.
QL	Giới Hạn Số Lượng	Một số loại thuốc chỉ được đài thọ cho một lượng nhất định.
PA	Sự Ủy Quyền Trước	Bác sĩ của quý vị phải xin Ambetter phê duyệt trước khi một số loại thuốc được đài thọ.
ST	Liệu Pháp Từng Bước	Trong một số trường hợp, quý vị trước tiên phải dùng thử một số loại thuốc nhất định trước khi Ambetter đài thọ cho một loại thuốc khác để điều trị bệnh trạng của quý vị. Ví dụ: nếu cả Thuốc A và Thuốc B đều điều trị cho bệnh trạng của quý vị, Ambetter có thể không đài thọ cho Thuốc B trừ khi quý vị dùng thử Thuốc A trước.
NF	Không thuộc danh mục thuốc	Sản phẩm này không được đài thọ trừ khi quý vị hoặc nhà cung cấp của quý vị yêu cầu một trường hợp ngoại lệ. Các loại thuốc thay thế được liệt kê bên cạnh sản phẩm không được đài thọ
RX/OTC	Thuốc Theo Toa và OTC	Những loại thuốc này được sản xuất ở cả dạng theo toa và dạng không cần toa (OTC).
SP	Thuốc Chuyên Khoa	Những sản phẩm này là Thuốc Chuyên Khoa có thể có yêu cầu đặc biệt khi mua thuốc.
SF	Chia Nhỏ Lượng Thuốc	Ban đầu, một số loại thuốc nhất định có thể chỉ được cung cấp với các lượng nhỏ đủ dùng trong 15 ngày cho đến khi tình trạng của quý vị ổn định sau khi dùng thuốc. Sau khi quý vị đã dùng thuốc được 90 ngày, hạn chế này có thể không còn được áp dụng nữa.

Nhóm Thuốc Opioid:

Các loại thuốc được xác định trong danh mục thuốc theo yêu cầu **“Các lần mua thuốc đầu tiên được giới hạn ở lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày”** cho phép tối đa hai lần mua thuốc cho lượng thuốc đủ dùng trong 7 ngày trong khoảng thời gian 28 ngày bất kỳ và tối đa tổng lượng thuốc dùng trong 28 ngày không liên tục trong khoảng thời gian 90 ngày bất kỳ. Giới hạn này áp dụng theo hình thức tích lũy cho tất cả các loại thuốc opioid được mua. Đối với những lần mua thuốc vượt quá các giới hạn này, nhà cung cấp của quý vị có thể gửi yêu cầu Ủy Quyền Trước.

Thuốc tránh thai theo danh mục thuốc có sẵn với lượng thuốc đủ dùng lên đến 12 tháng

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ADHD/ANTI-NARCOLEPSY/ANTI-OBESITY/ANOREXIANTS - Drugs to Treat ADHD, Sleep and Eating Disorders					
Amphetamines					
ADZENYS XR-ODT TBED	0		<i>dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>amphetamine sulfate TABS</i>	0		<i>dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG</i>	0	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>dextroamphetamine sulfate SOLN</i>	0	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	0	
<i>amphetamine-dextroamphetamine CP24 12.5 MG-12.5 MG-12.5 MG-12.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 9.375 MG-9.375 MG-9.375 MG-9.375 MG</i>	0		<i>dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	DYANAVEL XR SUER	0	
<i>amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	DYANAVEL XR TBCR	0	
			EVEKEO ODT TBDP	0	
			<i>lisdexamfetamine dimesylate CAPS</i>	0	QL(1 ea daily); ST
			<i>lisdexamfetamine dimesylate CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
			<i>methamphetamine hcl</i>	0	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			VYVANSE CAPS	0	QL(1 ea daily); ST
			XELSTRYM	0	
			Anorexiants Non-Amphetamine		
			<i>phendimetrazine tartrate TABS</i>	1B	PA
			<i>phentermine hcl CAPS</i>	1B	PA
			Anti-Obesity Agents		
			CONTRAVE	3	QL(4 ea daily); PA
			Attention-Deficit/Hyperactivity Disorder (ADHD) Agents		
			<i>atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
			<i>atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clonidine hcl (adhd) TB12</i>	0	
<i>guanfacine hcl (adhd)</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
QELBREE	0	
Dopamine and Norepinephrine Reuptake Inhibitors (DNRI)		
SUNOSI 75 MG	3	QL(2 ea daily); PA
SUNOSI 150 MG	3	QL(1 ea daily); PA
Stimulants - Misc.		
<i>armodafinil</i>	1B	QL(1 ea daily); AL(At least 17 yrs old); PA
COTEMPLA XR-ODT TBED	0	
<i>dexmethylphenidate hcl CP24</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>dexmethylphenidate hcl TABS</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
JORNAY PM CP24	0	
<i>methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 5 MG</i>	0	QL(6 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CHEW 10 MG</i>	0	QL(5 ea daily)
<i>methylphenidate hcl CP24</i>	0	
<i>methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG</i>	0	AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CP24 30 MG</i>	0	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl CPCR</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl SOLN</i>	0	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG</i>	0	QL(5 ea daily); AL(At least 6 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methylphenidate hcl TABS 5 MG</i>	0	QL(6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 72 MG</i>	0	
<i>methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG</i>	0	QL(3 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>methylphenidate PTCH</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>modafinil 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>modafinil 100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
QUILLICHEW ER CHER	0	
QUILLIVANT XR SRER	0	
RELEXXII TBCR 72 MG	0	
ALLERGENIC EXTRACTS/BIOLOGICALS MISC		
Allergenic Extracts		
GRASTEK SUBL	3	PA
AMEBICIDES		
Amebicides		
SOLOSEC	3	PA
AMINOGLYCOSIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminoglycosides		
<i>amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML</i>	1B	
ARIKAYCE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %</i>	1B		CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
<i>gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B		CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
<i>neomycin sulfate TABS</i>	1B		CYLTEZO AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA
<i>streptomycin sulfate SOLR</i>	3		CYLTEZO AJKT	4	QL(0.072 ea daily); PA
<i>tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML</i>	1B		CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	4	QL(0.215 ea daily); PA
<i>tobramycin NEBU</i>	4	QL(280 ml per 56 day(s) retail; 280 ml per 56 days mail); PA	CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
ANALGESICS - ANTI-INFLAMMATORY - Drugs to Treat Pain, Swelling, Muscle and Joint Conditions			HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA
Antirheumatic - Enzyme Inhibitors			HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ	4	QL(0.172 ml daily); PA
RINVOQ TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA
XELJANZ XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA	HADLIMA SOSY	4	QL(0.172 ml daily); PA
XELJANZ SOLN	4	QL(20 ml daily); PA	HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
XELJANZ TABS 10 MG	4	QL(2 ea daily); PA	HUMIRA PEN AJKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
XELJANZ TABS 5 MG	4	QL(2 ea daily); SP; PA	HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML	4	QL(0.072 ea daily); PA
Anti-TNF-alpha - Monoclonal Antibodies			HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	4	QL(0.086 ml daily); PA	HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	4	QL(0.086 ml daily); PA			
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	QL(0.215 ea daily); PA			
CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; 1 package(s) per 180 day(s) mail; PA
HUMIRA PSKT	4	QL(0.143 ea daily); PA
SIMPONI ARIA SOLN	4	PA
Gold Compounds		
RIDAURA	3	QL(3 ea daily)
Interleukin-1 Blockers		
ARCALYST	4	QL(0.286 ea daily); SP; PA
Interleukin-6 Receptor Inhibitors		
ACTEMRA SOLN	4	SP
KEVZARA SOAJ	4	QL(0.082 ml daily); PA
KEVZARA SOSY	4	QL(0.082 ml daily); PA
Nonsteroidal Anti-inflammatory Agents (NSAIDs)		
<i>celecoxib</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diclofenac potassium TABS 50 MG</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TB24</i>	1B	
<i>diclofenac sodium TBEC</i>	1B	
<i>diclofenac w/ misoprostol TBEC</i>	1B	
<i>etodolac CAPS</i>	1B	
<i>etodolac TABS</i>	1B	
<i>fenoprofen calcium TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); ST
<i>flurbiprofen TABS</i>	1B	
<i>ibuprofen SUSP 100 MG/5ML</i>	1B	RX/OTC
<i>ibuprofen TABS 800 MG</i>	1B	
<i>ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG</i>	1A	
<i>indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG</i>	1B	
<i>indomethacin CPCR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ketoprofen CAPS 50 MG</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine TABS</i>	1B	QL(0.667 ea daily)
<i>meclofenamate sodium CAPS</i>	1B	
<i>mefenamic acid CAPS</i>	1B	Must try ibuprofen. ; QL(5 ea daily); ST
<i>meloxicam TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>nabumetone</i>	1B	
<i>naproxen sodium TABS 550 MG</i>	1B	
<i>naproxen SUSP</i>	1B	PA
<i>naproxen TABS</i>	1B	
<i>naproxen TBEC 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>oxaprozin TABS</i>	1B	
<i>piroxicam CAPS</i>	1B	
<i>sulindac TABS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium CAPS</i>	1B	
<i>tolmetin sodium TABS 600 MG</i>	1B	
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
OTEZLA TABS	4	QL(2 ea daily); PA
OTEZLA TBPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
OTEZLA TBPK	4	1 package(s) per 180 day(s) retail; PA
Pyrimidine Synthesis Inhibitors		
<i>leflunomide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Soluble Tumor Necrosis Factor Receptor Agents		
ENBREL MINI SOCT	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SURECLICK SOAJ	4	QL(0.146 ml daily); PA
ENBREL SOLN	4	QL(0.146 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ENBREL SOSY 50 MG/ML	4	QL(0.286 ml daily); SP; PA	<i>fentanyl citrate LPOP</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	4	QL(0.146 ml daily); PA	<i>fentanyl PT72 12 MCG/HR, 25 MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
ANALGESICS - NonNarcotic - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>hydromorphone hcl LIQD</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
Analgesic Combinations			<i>hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML</i>	1B	
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B		<i>hydromorphone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 32 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen-caffeine TABS 40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)	<i>levorphanol tartrate TABS 2 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>butalbital-aspirin-caffeine CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>meperidine hcl SOLN OR 50 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(500 ml per fill retail)
Salicylates			<i>meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML, 50 MG/ML, 100 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin CHEW</i>	0	AL(At least 15 yrs old - Up to 45 yrs old)	<i>meperidine hcl TABS 50 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>aspirin TABS 325 MG</i>	0	AL(At least 45 yrs old - Up to 79 yrs old)	<i>methadone hcl CONC</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>aspirin TBEC 81 MG</i>	0	AL(At least 15 yrs old - Up to 45 yrs old)	<i>methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML</i>	1B	
<i>aspirin TBEC 325 MG</i>	1A		<i>methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	QL(50 ml daily)
<i>diflunisal TABS</i>	1B		<i>methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML</i>	1B	QL(100 ml daily)
<i>salsalate</i>	1B		METHADONE HCL SOLN IJ	1B	
ANALGESICS - OPIOID - Drugs to Treat Pain, Muscle and Joint Conditions			<i>methadone hcl TABS 10 MG</i>	1B	QL(10 ea daily)
Opioid Agonists					
<i>codeine sulfate TABS 30 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply			
CODEINE SULFATE TABS	1B	New starts limited to 7 day supply			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>methadone hcl TABS 5 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>tramadol hcl TABS 50 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
<i>methadone hcl TBSO</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>tramadol hcl TB24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>XTAMPZA ER</i>	2	QL(2 ea daily); PA
<i>morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(100 ml daily)	Opioid Combinations		
<i>morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(50 ml daily)	<i>acetaminophen w/ codeine SOLN</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(75 ml daily)
<i>morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B		<i>acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG</i>	1A	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>morphine sulfate TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>morphine sulfate TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>NUCYNTA ER TB12</i>	2	QL(2 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>NUCYNTA TABS</i>	2	QL(6 ea daily); PA	<i>acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG</i>	3	New starts limited to 7 day supply; PA
<i>oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxycodone hcl TABS</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)	<i>butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TABS</i>	1B	QL(12 ea daily); PA	<i>butalbital-aspirin-caffeine w/cod</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(6 ea daily)
<i>oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA	<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
<i>oxymorphone hcl TB12 40 MG</i>	1B	QL(4 ea daily); PA			
<i>SUBSYS LIQD 100 MCG</i>	3	QL(3 ea daily); PA			
<i>SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG</i>	3	QL(8 ea daily); PA			
<i>SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG</i>	3	QL(4 ea daily); PA			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocodone-acetaminophen SOLN 108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(180 ml daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG</i>	1B	PA
<i>hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(5 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(12 ea daily)
<i>oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(13 ea daily)
<i>tramadol-acetaminophen</i>	1B	New starts limited to 7 day supply; QL(8 ea daily)
Opioid Partial Agonists		
BRIXADI SOSY	0	
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine hcl SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>buprenorphine hcl SUBL</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>buprenorphine PTWK</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML</i>	1B	
<i>butorphanol tartrate NA 10 MG/ML</i>	1B	QL(0.34 ml daily); PA
<i>nalbuphine hcl</i>	1B	QL(8 ml daily)
<i>pentazocine w/ naloxone hcl</i>	1B	New starts limited to 7 day supply
SUBLOCADE SOSY	0	
ZUBSOLV SUBL	0	
ANDROGENS-ANABOLIC - Drugs to Regulate Hormones		
Anabolic Steroids		
<i>oxandrolone</i>	1B	
Androgens		
ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	2	QL(1 ea daily); PA
<i>danazol CAPS</i>	1B	
<i>methyltestosterone TABS</i>	1B	
<i>testosterone cypionate SOLN IM</i>	1B	
TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	1B	
<i>testosterone enanthate SOLN IM</i>	1B	
ANORECTAL AND RELATED PRODUCTS - Rectal Drugs to Treat Pain, Swelling and Itching		
Intrarectal Steroids		
<i>budesonide (intrarectal)</i>	4	QL(3.2 gm daily); PA
<i>hydrocortisone (intrarectal)</i>	1B	
UCERIS (<i>budesonide (intrarectal)</i>)	4	QL(3.2 gm daily); PA
Rectal Steroids		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrocortisone (rectal) EX</i>	1B	RX/OTC
<i>hydrocortisone acetate (rectal)</i>	1B	
Vasodilating Agents		
<i>nitroglycerin (intra-anal)</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))</i>	3	QL(2 gm daily)
ANTHELMINTICS - Drugs to Treat Worm Infections		
Anthelmintics		
<i>albendazole</i>	1B	PA
<i>EMVERM CHEW</i>	2	QL(2 ea daily; 6 ea per fill retail; 6 per fill mail); 1 max fill(s) per 60 day(s) retail; 1 max fill(s) per 60 day(s) mail
<i>ivermectin</i>	1B	QL(9 ea per fill retail; 9 per fill mail); 1 max fill(s) per 75 day(s) retail; 1 max fill(s) per 75 day(s) mail
<i>praziquantel</i>	1B	PA
ANTIANGINAL AGENTS - Drugs to Treat Chest Pain		
Antianginals-Other		
<i>ranolazine TB12 1000 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>ranolazine TB12 500 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
Nitrates		
<i>isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TABS</i>	1B	
<i>isosorbide mononitrate TB24</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NITRO-BID OINT	3	
<i>nitroglycerin CPCR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>nitroglycerin PT24</i>	1B	
NITROGLYCERIN SOLN IV	1B	
<i>nitroglycerin SUBL</i>	1B	
ANTIANGIETY AGENTS - Drugs to Treat Anxiety		
Antianxiety Agents - Misc.		
<i>bupirone hcl</i>	0	
<i>droperidol SOLN 2.5 MG/ML</i>	0	
<i>hydroxyzine hcl SOLN 25 MG/ML, 50 MG/ML</i>	0	
<i>hydroxyzine hcl SYRP</i>	0	
<i>hydroxyzine hcl TABS</i>	0	
<i>hydroxyzine pamoate CAPS</i>	0	
<i>meprobamate</i>	0	QL(6 ea daily)
Benzodiazepines		
ALPRAZOLAM INTENSOL CONC	0	QL(10 ml daily)
<i>alprazolam TABS</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>alprazolam TB24</i>	0	
<i>alprazolam TBDP</i>	0	
<i>chlordiazepoxide hcl CAPS</i>	0	
<i>clorazepate dipotassium TABS</i>	0	
<i>diazepam CONC</i>	0	
DIAZEPAM SOAJ	0	
<i>diazepam SOLN IJ 5 MG/ML, 10 MG/2ML, 50 MG/10ML</i>	0	
<i>diazepam TABS</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>lorazepam CONC</i>	0	
<i>lorazepam SOLN</i>	0	
<i>lorazepam TABS 1 MG</i>	0	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
LOREEV XR CS24	0	
<i>oxazepam CAPS</i>	0	
ANTIARRHYTHMICS - Drugs to treat abnormal heart rhythms		
Antiarrhythmics Type I-A		
<i>disopyramide phosphate CAPS</i>	1B	
<i>procainamide hcl SOLN 500 MG/ML</i>	1B	
<i>quinidine sulfate TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-B		
<i>mexiletine hcl</i>	1B	
Antiarrhythmics Type I-C		
<i>flecainide acetate</i>	1B	
<i>propafenone hcl CP12</i>	1B	
<i>propafenone hcl TABS</i>	1B	
Antiarrhythmics Type III		
<i>amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML</i>	1B	
<i>amiodarone hcl TABS</i>	1B	
<i>dofetilide</i>	1B	
ANTIASTHMATIC AND BRONCHODILATOR AGENTS - Drugs to Treat Lung Conditions		
Antiasthmatic - Monoclonal Antibodies		
FASENRA PEN SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA
FASENRA SOSY 30 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
NUCALA SOAJ	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOLR	4	QL(0.1073 ea daily); PA
NUCALA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.1073 ml daily); PA
NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	4	QL(0.0144 ml daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOLR	4	QL(0.286 ea daily); PA
XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	4	QL(0.286 ml daily); PA
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.036 ml daily); PA
Anti-Inflammatory Agents		
<i>cromolyn sodium NEBU</i>	1B	QL(8 ml daily)
Bronchodilators - Anticholinergics		
ATROVENT HFA	3	QL(0.44 gm daily)
INCRUSE ELLIPTA	2	QL(1 ea daily)
<i>ipratropium bromide SOLN 0.02 %</i>	1B	QL(15 ml daily)
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (<i>tiotropium bromide monohydrate</i>)	2	QL(1 ea daily)
SPIRIVA RESPIMAT AERS	2	QL(0.14 gm daily)
<i>tiotropium bromide monohydrate CAPS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Leukotriene Modulators		
<i>montelukast sodium CHEW</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium PACK</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>montelukast sodium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>zafirlukast</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>zileuton TB12</i>	1B	QL(4 ea daily)
Selective Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors		
<i>roflumilast</i>	3	QL(1 ea daily)
Steroid Inhalants		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALVESCO	3	3 package(s) per 30 day(s) retail; 9 package(s) per 90 day(s) mail; PA	BREO ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
ARNUITY ELLIPTA	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	BREZTRI AEROSPHERE	2	QL(0.38 gm daily)
<i>budesonide (inhalation) SUSP</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>budesonide-formoterol fumarate dihydrate</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
<i>fluticasone propionate (inhalation) AEPB</i>	1B		DULERA	2	
<i>fluticasone propionate hfa</i>	1B	QL(0.8 gm daily)	<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
PULMICORT FLEXHALER AEPB	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
QVAR REDHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>fluticasone-salmeterol AERO</i>	1B	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
Sympathomimetics			<i>formoterol fumarate NEBU</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>albuterol sulfate AERS</i>	1B		<i>ipratropium-albuterol SOLN</i>	1B	QL(18 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML</i>	1B		<i>levalbuterol hcl</i>	1B	QL(12 ml daily)
<i>albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML</i>	1B	QL(15 ml daily)	<i>levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML</i>	1B	
<i>albuterol sulfate SYRP</i>	1B		<i>levalbuterol tartrate</i>	1B	QL(0.5 gm daily)
<i>albuterol sulfate TABS</i>	1B		SEREVENT DISKUS	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail
ANORO ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)			
<i>arformoterol tartrate</i>	1B	QL(4 ml daily)			
BREO ELLIPTA (<i>fluticasone furoate-vilanterol</i>)	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
STIOLTO RESPIMAT	2	1 package(s) per 30 day(s) retail; 3 package(s) per 90 day(s) mail	<i>enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML</i>	4	QL(1.2 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
STRIVERDI RESPIMAT	2		<i>enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML</i>	4	QL(1.6 ml daily)
<i>terbutaline sulfate SOLN</i>	1B		<i>enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML</i>	4	QL(0.8 ml daily; 30 Day(s) limit); SP
<i>terbutaline sulfate TABS</i>	1B		<i>enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML</i>	4	QL(2 ml daily)
TRELEGY ELLIPTA	2	QL(2 ea daily)	<i>fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML</i>	4	QL(4.5 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
Xanthines			<i>fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML</i>	4	QL(3.6 ml per 180 day(s) retail; 4 ml per 180 days mail); SP
<i>aminophylline SOLN</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML</i>	4	QL(7.2 ml per 180 day(s) retail; 7 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline ELIX</i>	1B		<i>fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML</i>	4	QL(5.4 ml per 180 day(s) retail; 5 ml per 180 days mail); SP
<i>theophylline SOLN</i>	1B	QL(56 ml daily)	FRAGMIN SOSY	4	SP; PA
<i>theophylline TB12</i>	1B		<i>heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML</i>	1B	
<i>theophylline TB24</i>	1B		HEPARIN SODIUM/NAACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML	1B	
ANTICOAGULANTS - Blood Thinners			Thrombin Inhibitors		
Coumarin Anticoagulants			<i>dabigatran etexilate mesylate CAPS</i>	1B	
<i>warfarin sodium TABS</i>	1B		ANTICONVULSANTS - Drugs to Treat Seizures		
Direct Factor Xa Inhibitors			AMPA Glutamate Receptor Antagonists		
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	2	QL(2.47 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FYCOMPA SUSP	0	
ELIQUIS TABS	2	QL(2 ea daily)			
XARELTO STARTER PACK TBPK	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail			
XARELTO SUSR	2	QL(900 ml per 30 day(s) retail; 900 ml per 30 days mail)			
XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG	2	QL(2 ea daily)			
XARELTO TABS 10 MG, 20 MG	2	QL(1 ea daily)			
Heparins And Heparinoid-Like Agents					
<i>enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML</i>	4	QL(6 ml daily)			
<i>enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML</i>	4	QL(0.6 ml daily); SP			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FYCOMPA TABS 2 MG	0	QL(6 ea daily)	<i>carbamazepine CP12 100 MG</i>	0	
FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	0	QL(1 ea daily)	<i>carbamazepine SUSP</i>	0	
FYCOMPA TABS 4 MG	0	QL(3 ea daily)	<i>carbamazepine TABS</i>	0	
FYCOMPA TABS 6 MG	0	QL(2 ea daily)	<i>carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
Anticonvulsants - Benzodiazepines			<i>carbamazepine TB12 200 MG</i>	0	QL(6 ea daily)
<i>clobazam SUSP</i>	0	QL(16 ml daily)	DIACOMIT CAPS 250 MG	0	QL(12 ea daily)
<i>clobazam TABS</i>	0	QL(2 ea daily)	DIACOMIT CAPS 500 MG	0	QL(6 ea daily)
<i>clonazepam TABS</i>	0		DIACOMIT PACK 250 MG	0	QL(12 ea daily)
<i>clonazepam TBDP</i>	0		DIACOMIT PACK 500 MG	0	QL(6 ea daily)
<i>diazepam (anticonvulsant) GEL</i>	0	5 package(s) per 30 day(s) retail; 5 package(s) per 30 day(s) mail	ELEPSIA XR TB24	0	
NAYZILAM	0	QL(10 ea per 30 day(s) retail)	EPIDIOLEX	0	
SYMPAZAN FILM	0		EPRONTIA SOLN	0	
VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	0	QL(10 ea per 30 day(s) retail)	FANATREX FUSEPAQ SUSP	0	
VALTOCO 15 MG DOSE LQPK	0	QL(10 ea per 30 day(s) retail)	FINTEPLA	0	
VALTOCO 20 MG DOSE LQPK	0	QL(10 ea per 30 day(s) retail)	GABAPENTIN TINYTABS TABS	0	
VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	0	QL(10 ea per 30 day(s) retail)	<i>gabapentin CAPS</i>	0	
Anticonvulsants - Misc.			<i>gabapentin SOLN</i>	0	QL(60 ml daily)
APTIOM	0	QL(2 ea daily); ST	<i>gabapentin TABS 600 MG, 800 MG</i>	0	
BRIVIACT SOLN IV 50 MG/5ML	0		<i>lacosamide SOLN OR 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML</i>	0	QL(40 ml daily)
BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML	0	QL(20 ml daily)	<i>lacosamide TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
BRIVIACT TABS	0	QL(2 ea daily)	LAMICTAL XR KIT	0	
<i>carbamazepine CHEW 100 MG</i>	0		<i>lamotrigine CHEW 5 MG</i>	0	QL(100 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 300 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>lamotrigine CHEW 25 MG</i>	0	QL(20 ea daily)
<i>carbamazepine CP12 200 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>lamotrigine KIT 25 MG</i>	0	
			<i>lamotrigine TABS</i>	0	
			<i>lamotrigine TB24</i>	0	
			<i>lamotrigine TBDP</i>	0	QL(1 ea daily)
			<i>levetiracetam in sodium chloride</i>	0	
			<i>levetiracetam SOLN OR 100 MG/ML, 500 MG/5ML</i>	0	QL(30 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>felbamate TABS 400 MG</i>	0	QL(9 ea daily)
<i>levetiracetam TABS 500 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>XCOPRI TABS 50 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	0	
<i>levetiracetam TABS 1000 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>XCOPRI TBPK</i>	0	
<i>levetiracetam TB24</i>	0	QL(4 ea daily)	GABA Modulators		
<i>oxcarbazepine SUSP</i>	0	QL(40 ml daily)	<i>tiagabine hcl</i>	0	
<i>oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>vigabatrin PACK</i>	0	QL(6 ea daily); SP
<i>oxcarbazepine TABS 600 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>vigabatrin TABS</i>	0	QL(6 ea daily); SP
<i>oxcarbazepine TB24</i>	0		Hydantoins		
<i>pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>DILANTIN 30 MG</i>	0	
<i>pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>fosphenytoin sodium</i>	0	
<i>pregabalin SOLN</i>	0	QL(30 ml daily)	<i>phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	0	
<i>primidone 50 MG, 250 MG</i>	0		<i>phenytoin sodium SOLN</i>	0	
<i>rufinamide SUSP</i>	0	QL(80 ml daily)	<i>phenytoin CHEW</i>	0	
<i>rufinamide TABS 400 MG</i>	0	QL(8 ea daily)	<i>phenytoin SUSP</i>	0	
<i>rufinamide TABS 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	Succinimides		
<i>SPRITAM TB3D</i>	0		<i>ethosuximide CAPS</i>	0	QL(6 ea daily)
<i>topiramate CP24</i>	0		<i>ethosuximide SOLN</i>	0	QL(30 ml daily)
<i>topiramate CPSP 15 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>methsuximide</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>topiramate CPSP 25 MG</i>	0	QL(8 ea daily)	Valproic Acid		
<i>topiramate CS24</i>	0		<i>divalproex sodium CSDR</i>	0	
<i>topiramate TABS 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>divalproex sodium TB24</i>	0	
<i>topiramate TABS 25 MG, 100 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>divalproex sodium TBEC</i>	0	
<i>topiramate TABS 50 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML</i>	0	
<i>ZONISADE SUSP</i>	0	QL(30 ml daily)	<i>valproic acid CAPS</i>	0	
<i>zonisamide CAPS</i>	0	QL(6 ea daily)	ANTIDEPRESSANTS - Drugs to Treat Depression		
<i>ZTALMY</i>	0		Alpha-2 Receptor Antagonists (Tetracyclics)		
Carbamates			<i>mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>felbamate SUSP</i>	0	QL(30 ml daily)	<i>mirtazapine TABS 30 MG</i>	0	QL(1.5 ea daily)
<i>felbamate TABS 600 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	<i>mirtazapine TABS 15 MG</i>	0	QL(3 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mirtazapine TBDP 45 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS 20 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 30 MG</i>	0	QL(1.5 ea daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS 40 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>mirtazapine TBDP 15 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>citalopram hydrobromide TABS 10 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
Antidepressant Combinations			<i>escitalopram oxalate SOLN</i>	0	QL(20 ml daily)
AUVELITY	0	QL(2 ea daily)	<i>escitalopram oxalate TABS 20 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
Antidepressants - Misc.			<i>escitalopram oxalate TABS 10 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
APLENZIN	0		<i>escitalopram oxalate TABS 5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>bupropion hcl TABS</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 40 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 100 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 20 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CAPS 10 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB12 150 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl CPDR</i>	0	
<i>bupropion hcl TB24 300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>fluoxetine hcl SOLN</i>	0	QL(20 ml daily)
<i>bupropion hcl TB24 450 MG</i>	0		<i>fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>bupropion hcl TB24 150 MG</i>	0	QL(3 ea daily)	<i>fluoxetine hcl TABS 20 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
GABA Receptor Modulator - Neuroactive Steroid			<i>fluvoxamine maleate CP24</i>	0	
ZULRESSO	0		<i>fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
Monoamine Oxidase Inhibitors (MAOIs)			<i>fluvoxamine maleate TABS 100 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
EMSAM	0	QL(1 ea daily)	<i>paroxetine hcl SUSP</i>	0	QL(30 ml daily)
MARPLAN	0	QL(6 ea daily)	<i>paroxetine hcl TABS 10 MG</i>	0	QL(6 ea daily)
<i>phenelzine sulfate</i>	0		<i>paroxetine hcl TABS 30 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>tranylcypromine sulfate</i>	0		<i>paroxetine hcl TABS 20 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
N-Methyl-D-aspartic acid (NMDA) Receptor Antagonists			<i>paroxetine hcl TABS 40 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
SPRAVATO 56MG DOSE	0				
SPRAVATO 84MG DOSE	0				
Selective Serotonin Reuptake Inhibitors (SSRIs)					
CITALOPRAM HYDROBROMIDE CAPS	0				
<i>citalopram hydrobromide SOLN</i>	0	QL(20 ml daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 37.5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>paroxetine hcl TB24 12.5 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>venlafaxine hcl CP24 75 MG</i>	0	QL(5 ea daily)
PEXEVA 10 MG, 20 MG, 30 MG	0		<i>venlafaxine hcl TABS</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>sertraline hcl CONC</i>	0	QL(10 ml daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 100 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	Tricyclic Agents		
SERTRALINE HYDROCHLORIDE CAPS	0	QL(1 ea daily)	<i>amitriptyline hcl TABS</i>	0	
Serotonin Modulators			<i>amoxapine</i>	0	
<i>nefazodone hcl</i>	0		<i>clomipramine hcl</i>	0	
<i>trazodone hcl TABS</i>	0		<i>desipramine hcl TABS</i>	0	
TRINTELLIX	0	QL(1 ea daily)	<i>doxepin hcl CAPS</i>	0	
VIIBRYD STARTER PACK KIT	0	1 package(s) per 180 day(s) retail	<i>doxepin hcl CONC</i>	0	
<i>vilazodone hcl TABS</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>imipramine hcl TABS</i>	0	
Serotonin-Norepinephrine Reuptake Inhibitors (SNRIs)			<i>imipramine pamoate</i>	0	
<i>desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>nortriptyline hcl CAPS</i>	0	
<i>desvenlafaxine succinate 100 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>nortriptyline hcl SOLN</i>	0	
DRIZALMA SPRINKLE CSDR	0		<i>protriptyline hcl</i>	0	
<i>duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>trimipramine maleate CAPS</i>	0	
<i>duloxetine hcl CPEP 40 MG</i>	0		ANTIDIABETICS - Drugs to Regulate Blood Sugar		
FETZIMA TITRATION PACK C4PK	0		Alpha-Glucosidase Inhibitors		
FETZIMA CP24	0	QL(1 ea daily)	<i>acarbose</i>	1B	QL(3 ea daily)
VENLAFAXINE BESYLATE ER	0	QL(3 ea daily)	<i>miglitol</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>venlafaxine hcl CP24 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	Antidiabetic Combinations		
			<i>alogliptin-metformin hcl</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
			<i>alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
			<i>alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
			<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG</i>	2	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>glipizide-metformin hcl</i> 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>glipizide-metformin hcl</i> 500 MG-5 MG	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide-metformin</i> 250 MG-1.25 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide-metformin</i> 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(4 ea daily)
GLYXAMBI	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-100 MG	2	QL(1 ea daily)
JANUMET XR TB24 1000 MG-50 MG, 500 MG-50 MG	2	QL(2 ea daily)
JANUMET TABS	2	QL(2 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-glimepiride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pioglitazone hcl-metformin hcl</i> TABS	1B	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-2.5 MG	1B	QL(2 ea daily)
<i>saxagliptin-metformin hcl</i> 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	1B	QL(1 ea daily)
SOLIQUA 100/33	2	QL(0.5 ml daily); PA
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
SYNJARDY TABS	2	QL(2 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	2	QL(1 ea daily)
TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG-12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	2	QL(1 ea daily)
XIGDUO XR (<i>dapagliflozin propanediol-metformin hcl</i>)	2	QL(2 ea daily)
XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	2	QL(2 ea daily)
XULTOPHY 100/3.6	2	QL(0.5 ml daily); PA
Biguanides		
<i>metformin hcl</i> TABS 1000 MG	1B	QL(2.5 ea daily)
<i>metformin hcl</i> TABS 850 MG	0	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl</i> TABS 500 MG	1B	QL(5 ea daily)
<i>metformin hcl</i> TB24 750 MG	1B	QL(3 ea daily)
<i>metformin hcl</i> TB24 500 MG	1B	QL(4 ea daily)
Diabetic Other		
<i>diazoxide</i>	3	
<i>glucagon (rdna)</i>	1B	QL(0.035 ea daily)
Dipeptidyl Peptidase-4 (DPP-4) Inhibitors		
<i>alogliptin benzoate</i>	1B	QL(1 ea daily)
JANUVIA	2	QL(1 ea daily)
<i>saxagliptin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Incretin Mimetic Agents		
OZEMPIC SOPN 2 MG/3ML	2	QL(0.108 ml daily); PA
OZEMPIC SOPN 4 MG/3ML, 8 MG/3ML	2	QL(0.108 ml daily)
OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	2	QL(0.054 ml daily)
RYBELSUS TABS	2	QL(1 ea daily); PA
TRULICITY	2	QL(0.143 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VICTOZA (<i>liraglutide</i>)	2	QL(0.3 ml daily); PA
Insulin		
APIDRA SOLOSTAR SOPN	3	PA
APIDRA SOLN	3	PA
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	2	
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	2	QL(1.35 ml daily)
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	2	QL(1.35 ml daily)
INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN	1B	
INSULIN ASPART PENFILL SOCT	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART FLEXPEN SUPN	1B	
INSULIN ASPART PROTAMINE/INSULIN ASPART SUSP	1B	
INSULIN ASPART SOLN IJ	1B	
INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH SOPN	2	
INSULIN DEGLUDEC SOLN	2	
LEVEMIR FLEXPEN SOPN	3	PA
LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	3	PA
LEVEMIR SOLN	3	PA
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN 70/30 SUSP	2	
NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	2	
NOVOLIN N SUSP	2	
NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ	2	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NOVOLIN R SOLN IJ	2	
Insulin Sensitizing Agents		
<i>pioglitazone hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
Meglitinide Analogues		
<i>nateglinide</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>repaglinide 2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>repaglinide 0.5 MG, 1 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
Sodium-Glucose Co-Transporter 2 (SGLT2) Inhibitors		
<i>dapagliflozin propanediol</i>	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA (<i>dapagliflozin propanediol</i>)	2	QL(1 ea daily)
FARXIGA	2	QL(1 ea daily)
JARDIANCE	2	QL(1 ea daily)
Sulfonylureas		
<i>glimepiride 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glimepiride 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glipizide TB24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>glyburide TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIDIARRHEAL/PROBIOTIC AGENTS - Drugs to Treat Diarrhea		
Antiperistaltic Agents		
<i>diphenoxylate w/ atropine LIQD</i>	1B	
<i>diphenoxylate w/ atropine TABS</i>	1B	
<i>loperamide hcl CAPS</i>	1B	RX/OTC
MOTOFEN	3	
ANTIDOTES AND SPECIFIC ANTAGONISTS		
Antidotes - Chelating Agents		
CHEMET	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>deferasirox PACK</i>	4	PA
<i>deferasirox TABS</i>	4	SP; PA
<i>deferasirox TBSO</i>	4	SP; PA
<i>deferiprone TABS 500 MG</i>	1B	
Antidotes and Specific Antagonists		
VISTOGARD	4	PA
Opioid Antagonists		
KLOXXADO LIQD	0	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>naloxone hcl LIQD</i>	0	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 30 day(s) retail; RX/OTC
<i>naloxone hcl SOCT</i>	0	
<i>naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML</i>	0	
<i>naloxone hcl SOSY 2 MG/2ML</i>	0	
<i>naltrexone hcl</i>	0	
VIVITROL	0	
ZIMHI SOSY	0	
ANTIEMETICS - Drugs to Treat Nausea and Vomiting		
5-HT3 Receptor Antagonists		
ANZEMET TABS 50 MG	3	QL(0.167 ea daily); PA
<i>granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML</i>	1B	
<i>granisetron hcl TABS</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML</i>	1B	QL(3.34 ml daily)
<i>ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML</i>	1B	
<i>ondansetron hcl SOSY</i>	1B	
<i>ondansetron hcl TABS 4 MG</i>	1B	QL(4 ea daily; 60 ea per fill retail; 60 per fill mail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ondansetron hcl TABS 24 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>ondansetron hcl TABS 8 MG</i>	1B	QL(3 ea daily; 45 ea per fill retail; 45 per fill mail)
<i>ondansetron TBDP 4 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>ondansetron TBDP 8 MG</i>	1B	
<i>palonosetron hcl SOLN</i>	1B	
Antiemetics - Anticholinergic		
<i>meclizine hcl TABS 25 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>meclizine hcl TABS 12.5 MG</i>	1A	RX/OTC
<i>scopolamine</i>	1B	QL(0.34 ea daily)
<i>trimethobenzamide hcl CAPS</i>	1B	
Antiemetics - Miscellaneous		
AKYNZEO	3	PA
<i>doxylamine-pyridoxine TBEC</i>	1B	QL(4 ea daily); 3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
<i>dronabinol CAPS</i>	1B	
Substance P/Neurokinin 1 (NK1) Receptor Antagonists		
<i>aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG</i>	1B	QL(0.067 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS 80 MG</i>	1B	QL(0.134 ea daily); PA
<i>aprepitant CAPS</i>	1B	PA
<i>aprepitant MISC</i>	1B	PA
VARUBI TBPK	3	PA
ANTIFUNGALS - Drugs to Treat Fungal Infections		
Antifungal - Glucan Synthesis Inhibitors		
<i>caspofungin acetate</i>	1B	
ERAXIS	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>miconazole sodium</i>	1B	PA
Antifungals		
ABELCET	3	
<i>amphotericin b IV</i>	3	
<i>amphotericin b liposome</i>	3	
<i>flucytosine</i>	1B	
<i>griseofulvin microsize SUSP</i>	1B	AL(At least 2 yrs old)
<i>griseofulvin microsize TABS</i>	1B	
<i>griseofulvin ultramicrosize</i>	1B	
<i>nystatin TABS</i>	1B	
<i>terbinafine hcl TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
Imidazole-Related Antifungals		
CRESEMBA CAPS 186 MG	3	PA
<i>fluconazole SUSP</i>	1B	
<i>fluconazole TABS</i>	1B	
<i>itraconazole CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
<i>itraconazole SOLN</i>	1B	QL(20 ml daily); PA
<i>ketoconazole</i>	1B	
NOXAFIL SUSP (<i>posaconazole</i>)	3	QL(20 ml daily)
<i>posaconazole SUSP</i>	1B	QL(20 ml daily)
TOLSURA CAPS	4	PA
<i>voriconazole TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)
ANTIHISTAMINES - Drugs to Treat Allergies		
Antihistamines - Alkylamines		
<i>dexchlorpheniramine maleate SOLN</i>	1B	
Antihistamines - Ethanolamines		
<i>carbinoxamine maleate SOLN</i>	1B	
<i>carbinoxamine maleate TABS 4 MG</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clemastine fumarate SYRP</i>	1B	
<i>clemastine fumarate TABS 2.68 MG</i>	1B	
<i>diphenhydramine hcl CAPS 50 MG</i>	0	
<i>diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML</i>	0	
<i>diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML</i>	0	
<i>diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML</i>	0	
Antihistamines - Non-Sedating		
<i>cetirizine hcl TABS</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>desloratadine TBDP 2.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>levocetirizine dihydrochloride SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>levocetirizine dihydrochloride TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); RX/OTC
<i>loratadine CAPS</i>	1B	
<i>loratadine CHEW</i>	1B	
<i>loratadine SOLN</i>	1B	
<i>loratadine TABS</i>	1A	
Antihistamines - Phenothiazines		
<i>promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 50 MG</i>	1B	
<i>promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>promethazine hcl TABS</i>	1B	
Antihistamines - Piperidines		
<i>cyproheptadine hcl SYRP</i>	1B	
<i>cyproheptadine hcl TABS</i>	1B	
ANTIHYPERLIPIDEMICS - Drugs to Treat High Cholesterol		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antihyperlipidemics - Combinations			<i>lovastatin TABS 40 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(2 ea daily); PV
<i>ezetimibe-simvastatin</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>pravastatin sodium</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihyperlipidemics - Misc.			<i>rosuvastatin calcium TABS</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>icosapent ethyl 1 GM</i>	1B	QL(4 ea daily); PA	<i>simvastatin TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>omega-3-acid ethyl esters</i>	1B	QL(4 ea daily)	Intestinal Cholesterol Absorption Inhibitors		
Bile Acid Sequestrants			<i>ezetimibe</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>cholestyramine light PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	Nicotinic Acid Derivatives		
<i>cholestyramine light POWD</i>	1B	QL(24 gm daily)	<i>niacin (antihyperlipidemic) TBCR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>cholestyramine PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	Proprotein Convertase Subtilisin/Kexin Type 9 Inhibitors		
<i>cholestyramine POWD</i>	1B	QL(25.2 gm daily)	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	4	QL(0.25 ml daily); PA
<i>colesevelam hcl PACK</i>	1B	QL(1 ea daily); PA	REPATHA SURECLICK SOAJ	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<i>colesevelam hcl TABS</i>	1B	QL(7 ea daily)	REPATHA SOSY	4	QL(0.0714 ml daily); PA
<i>colestipol hcl GRAN</i>	1B	QL(6 gm daily)	ANTIHYPERTENSIVES - Drugs to Treat High Blood Pressure		
<i>colestipol hcl PACK</i>	1B	QL(6 ea daily)	ACE Inhibitors		
<i>colestipol hcl TABS</i>	1B	QL(16 ea daily)	<i>benazepril hcl</i>	1B	
Fibric Acid Derivatives			<i>captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>choline fenofibrate</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>captopril 12.5 MG</i>	1B	
<i>fenofibrate micronized 43 MG, 67 MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>enalapril maleate TABS</i>	1B	
<i>fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145 MG, 160 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fosinopril sodium</i>	1B	
<i>gemfibrozil TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	1B	
HMG CoA Reductase Inhibitors			<i>moexipril hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>atorvastatin calcium TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>perindopril erbumine 4 MG</i>	1B	
<i>fluvastatin sodium CAPS 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>perindopril erbumine 2 MG, 8 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>fluvastatin sodium CAPS 40 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)			
<i>lovastatin TABS 10 MG, 20 MG</i>	1B	\$0 copay for generic only, age 40 to 76; QL(1 ea daily); PV			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril hcl 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG</i>	1B	
<i>quinapril hcl 20 MG, 40 MG</i>	1B				
<i>ramipril CAPS</i>	1B		<i>benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril 1 MG, 2 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>trandolapril 4 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>bisoprolol & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(2 ea daily)
Agents for Pheochromocytoma					
<i>phenoxybenzamine hcl</i>	0	PA	<i>candesartan cilexetil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>phentolamine mesylate SOLR</i>	0	PA			
Angiotensin II Receptor Antagonists			<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG</i>	1B	
<i>candesartan cilexetil</i>	1B	QL(1 ea daily)			
EDARBI	3	QL(1 ea daily); ST	<i>enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>irbesartan</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>losartan potassium</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>fosinopril sodium & hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>olmesartan medoxomil</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>telmisartan</i>	1B	QL(1 ea daily)	<i>irbesartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>valsartan TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)			
Antiadrenergic Antihypertensives			<i>lisinopril & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>clonidine hcl TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)			
<i>clonidine PTWK</i>	3	QL(0.15 ea daily)	<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-100 MG, 25 MG-100 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>doxazosin mesylate</i>	0				
<i>guanfacine hcl</i>	1B		<i>losartan potassium & hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>methyldopa TABS</i>	0	QL(6 ea daily)			
<i>prazosin hcl CAPS</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>terazosin hcl</i>	0				
Antihypertensive Combinations			<i>metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG</i>	1B	
<i>amlodipine besylate-benazepril hcl</i>	1B				
<i>amlodipine besylate-olmesartan medoxomil</i>	1B	ST	<i>olmesartan medoxomil-amlodipine-hydrochlorothiazide</i>	1B	ST
<i>amlodipine besylate-valsartan</i>	1B	QL(1 ea daily)			
<i>amlodipine-valsartan-hydrochlorothiazide</i>	3		<i>olmesartan medoxomil-hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>atenolol & chlorthalidone</i>	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG-20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>telmisartan-amlodipine</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>telmisartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG</i>	3	
<i>trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>valsartan-hydrochlorothiazide</i>	1B	QL(1 ea daily)
Antihypertensives - Misc.		
VECAMYL	3	PA
Direct Renin Inhibitors		
<i>aliskiren fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily)
Selective Aldosterone Receptor Antagonists (SARAs)		
<i>eplerenone</i>	1B	
Vasodilators		
<i>hydralazine hcl SOLN</i>	1B	
<i>hydralazine hcl TABS</i>	1B	
<i>minoxidil 2.5 MG, 10 MG</i>	1B	
ANTI-INFECTIVE AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Anti-infective Agents - Misc.		
<i>bacitracin</i>	3	
IMPAVIDO	3	QL(3 ea daily); PA
<i>metronidazole TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trimethoprim TABS</i>	1B	
XIFAXAN	3	QL(3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); PA
Anti-infective Misc. - Combinations		
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim SUSP</i>	1B	
<i>sulfamethoxazole-trimethoprim TABS</i>	1A	
Antiprotozoal Agents		
ALINIA SUSR	2	PA
<i>atovaquone</i>	1B	
<i>nitazoxanide TABS</i>	1B	PA
Carbapenems		
<i>ertapenem sodium IJ</i>	1B	
<i>imipenem-cilastatin IV</i>	1B	
<i>meropenem</i>	1B	
Chloramphenicols		
<i>chloramphenicol sodium succinate</i>	4	SP; PA
Cyclic Lipopeptides		
<i>daptomycin 500 MG</i>	1B	
Glycopeptides		
<i>vancomycin hcl CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily; 40 ea per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML</i>	1B	QL(300 ml per fill retail)
<i>vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
Leprostatics		
<i>dapsone</i>	1B	
Lincosamides		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>clindamycin hcl</i>	1B	
<i>clindamycin palmitate hydrochloride</i>	1B	
<i>clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML</i>	1B	
<i>lincomycin hcl</i>	1B	
Monobactams		
<i>aztreonam 1 GM</i>	1B	
CAYSTON	4	QL(3 ml daily); PA
Oxazolidinones		
<i>linezolid SUSR</i>	1B	
<i>linezolid TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
SIVEXTRO TABS	3	PA
Polymyxins		
<i>polymyxin b sulfate SOLR</i>	1B	
Urinary Anti-infectives		
<i>fosfomycin tromethamine</i>	1B	
<i>methenamine hippurate</i>	1B	
<i>nitrofurantoin</i>	1B	
<i>nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nitrofurantoin monohyd macro</i>	1B	
ANTIMALARIALS - Drugs to Treat Malaria (Parasitic Infections)		
Antimalarial Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>atovaquone-proguanil hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
COARTEM	2	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(24 ea per fill retail; 24 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
Antimalarials		
<i>chloroquine phosphate TABS 500 MG</i>	1B	
<i>chloroquine phosphate TABS 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 100 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>hydroxychloroquine sulfate 400 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
KRINTAFEL	3	QL(2 ea per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mefloquine hcl</i>	1B	Covered for malaria treatment only. Limit 1 fill every 180 days; QL(5 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>primaquine phosphate TABS</i>	3	
<i>pyrimethamine</i>	1B	QL(3 ea daily); PA
<i>quinine sulfate CAPS 324 MG</i>	1B	PA
ANTIMYASTHENIC/CHOLINERGIC AGENTS		
Antimychasthenic/Cholinergic Agents		
FIRDAPSE	4	PA
<i>neostigmine methylsulfate SOSY</i>	3	PA
<i>pyridostigmine bromide SOLN OR</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TABS 60 MG</i>	1B	
<i>pyridostigmine bromide TBCR</i>	1B	
ANTIMYCOBACTERIAL AGENTS - Drugs to Treat Tuberculosis (Bacterial Infections)		
Antimycobacterial Agents		
<i>cycloserine</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>ethambutol hcl TABS</i>	1B	
<i>isoniazid SOLN</i>	1B	
<i>isoniazid SYRP</i>	1B	
<i>isoniazid TABS</i>	1B	
PASER PACK	3	QL(3 ea daily)
PRIFTIN	3	
<i>pyrazinamide</i>	1B	
<i>rifabutin</i>	1B	PA
<i>rifampin CAPS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>rifampin SOLR</i>	1B	
SIRTURO	3	PA
TRECTOR	3	QL(4 ea daily)
ANTINEOPLASTICS AND ADJUNCTIVE THERAPIES - Drugs to Treat Cancer		
Alkylating Agents		
<i>bendamustine hcl SOLR</i>	4	SP; PA
<i>busulfan SOLN</i>	4	SP; PA
<i>carboplatin SOLN 50 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>carmustine</i>	4	SP; PA
<i>cisplatin SOLN 100 MG/100ML</i>	4	SP; PA
<i>cyclophosphamide CAPS</i>	1B	PA
<i>cyclophosphamide SOLR IJ</i>	4	
GLEOSTINE 10 MG	4	SP; PA
GLEOSTINE 40 MG, 100 MG	4	PA
<i>ifosfamide SOLN 1 GM/20ML</i>	4	SP; PA
<i>ifosfamide SOLR</i>	4	SP; PA
LEUKERAN	4	SP; PA
<i>melfalan</i>	1B	
<i>melfalan hcl IV</i>	1B	
MYLERAN TABS	4	SP; PA
<i>oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML</i>	4	SP; PA
TEMODAR SOLR	4	
<i>temozolomide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>thiotepa 15 MG</i>	4	SP; PA
ZANOSAR	4	SP; PA
Antimetabolites		
<i>azacitidine SUSR</i>	4	SP; PA
<i>capecitabine</i>	4	SP; PA
<i>clofarabine</i>	4	SP; PA
<i>cytarabine SOLN</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>decitabine</i>	4	SP; PA
<i>floxuridine</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>fludarabine phosphate SOLR</i>	4	SP; PA
<i>fluorouracil 500 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG</i>	4	SP; PA
<i>mercaptopurine TABS</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML</i>	1B	
<i>methotrexate sodium SOLR</i>	1B	SP
<i>methotrexate sodium TABS 2.5 MG</i>	1B	SP
<i>nelarabine</i>	4	SP; PA
<i>pemetrexed disodium SOLR 500 MG</i>	4	SP; PA
<i>pralatrexate 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
TABLOID	4	SP; PA
TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	4	SP; PA
Antineoplastic - Angiogenesis Inhibitors		
INLYTA	4	QL(2 ea daily); SP; PA
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA
LENVIMA 12MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE	4	QL(3 ea daily); PA
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	4	QL(2 ea daily); PA
MVASI	4	PA
ZALTRAP 100 MG/4ML	4	SP; PA
ZIRABEV	4	PA
Antineoplastic - Antibodies		
ADCETRIS	4	SP; PA
ARZERRA	4	SP; PA
RUXIENCE	1B	PA
TRUXIMA	1B	PA
YERVOY	4	SP; PA
Antineoplastic - Anti-HER2 Agents		
KANJINTI	4	PA
OGIVRI	4	PA
PERJETA	4	SP; PA
TRAZIMERA	4	PA
TUKYSA	4	PA
Antineoplastic - EGFR Inhibitors		
ERBITUX	4	SP; PA
<i>erlotinib hcl</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>gefitinib</i>	4	QL(2 ea daily); PA
GILOTRIF	4	QL(1 ea daily); PA
IRESSA (<i>gefitinib</i>)	4	QL(2 ea daily); PA
TAGRISO 80 MG	4	QL(1 ea daily); PA
TAGRISO 40 MG	4	QL(2 ea daily); PA
VECTIBIX 100 MG/5ML	4	SP; PA
VIZIMPRO	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - Hedgehog Pathway Inhibitors		
DAURISMO	4	PA
ERIVEDGE	4	QL(1 ea daily); SP; PA
ODOMZO	4	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antineoplastic - Hormonal and Related Agents		
<i>abiraterone acetate 250 MG</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>abiraterone acetate 500 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>anastrozole</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>bicalutamide</i>	1B	QL(1 ea daily); SP
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	4	SP; PA
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
EMCYT	4	SP; PA
ERLEADA 60 MG	4	QL(4 ea daily); PA
ERLEADA 240 MG	4	QL(1 ea daily); PA
<i>exemestane</i>	0	QL(1 ea daily); SP
FIRMAGON	4	QL(0.143 ea daily); SP; PA
<i>flutamide</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
<i>fulvestrant SOSY</i>	4	QL(0.357 ml daily); SP; PA
<i>letrozole</i>	1B	
<i>leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML</i>	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	4	SP; PA
LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	4	QL(0.1339 ea daily); SP; PA
LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	4	QL(0.0089 ea daily); SP; PA
LYSODREN	4	SP; PA
<i>megestrol acetate SUSP</i>	1B	
<i>megestrol acetate TABS</i>	1B	
<i>nilutamide</i>	1B	QL(2 ea daily)
NUBEQA	4	QL(4 ea daily); PA
ORGOVYX	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>tamoxifen citrate TABS</i>	0	
<i>toremifene citrate</i>	1B	
TRELSTAR MIXJECT	4	SP; PA
XTANDI CAPS	4	QL(4 ea daily); SP; PA
XTANDI TABS 80 MG	4	QL(2 ea daily); PA
XTANDI TABS 40 MG	4	QL(4 ea daily); PA
YONSA	4	QL(4 ea daily); PA
ZOLADEX 3.6 MG	4	QL(0.0357 ea daily); SP; PA
ZOLADEX 10.8 MG	4	QL(0.0119 ea daily); SP; PA
Antineoplastic - Immunomodulators		
POMALYST	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - PDGFR-alpha Inhibitors		
AYVAKIT	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic - XPO1 Inhibitors		
XPOVIO	4	PA
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY	4	PA
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY	4	PA
Antineoplastic Antibiotics		
<i>bleomycin sulfatate 15 UNIT</i>	4	SP; PA
<i>dactinomycin</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl liposomal SUSP</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLN</i>	4	SP; PA
<i>doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
<i>idarubicin hcl 20 MG/20ML</i>	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>mitomycin SOLR IV 20 MG</i>	4	SP; PA	<i>dasatinib</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>mitoxantrone hcl 2 MG/ML</i>	4	SP; PA	<i>everolimus TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>valrubicin</i>	4	SP; PA	IBRANCE CAPS	4	QL(1 ea daily); PA
Antineoplastic Combinations			IBRANCE TABS	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 200 DOSE	4	PA	ICLUSIG	4	QL(1 ea daily); PA
KISQALI FEMARA 400 DOSE	4	PA	<i>imatinib mesylate</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
KISQALI FEMARA 600 DOSE	4	PA	IMBRUVICA CAPS 140 MG	4	QL(3 ea daily); PA
Antineoplastic Enzyme Inhibitors			IMBRUVICA CAPS 70 MG	4	QL(1 ea daily); PA
ALECENSA	4	QL(4 ea daily); PA	IMBRUVICA SUSP	4	QL(8 ml daily); PA
ALUNBRIG TABS	4	QL(1 ea daily); PA	IMBRUVICA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
ALUNBRIG TBPK	4	QL(1 ea daily); PA	INREBIC	4	PA
BALVERSA	4	PA	JAKAFI	4	QL(2 ea daily); SP; PA
<i>bortezomib SOLR IJ</i>	4	SP; PA	KISQALI	4	PA
BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG	4	PA	KOSELUGO	4	PA
BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	4	QL(1 ea daily); SP; PA	KYPROLIS	4	PA
BOSULIF TABS 400 MG	4	QL(1 ea daily); PA	<i>lapatinib ditosylate</i>	4	QL(6 ea daily); SP; PA
BRAFTOVI 75 MG	4	SP; PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
BRUKINSA	4	PA	LORBRENA	4	QL(1 ea daily); PA
CABOMETYX TABS	4	QL(1 ea daily); PA	LYNPARZA TABS	4	QL(4 ea daily); PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKINIST TABS	4	PA
CALQUENCE	4	QL(2 ea daily); PA	MEKTOVI	4	SP; PA
CAPRELSA	4	QL(1 ea daily); SP; PA	NINLARO	4	QL(0.143 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(2 ea daily); SP; PA	<i>pazopanib hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
COMETRIQ KIT	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PEMAZYRE	4	QL(1 ea daily); PA
COMETRIQ KIT	4	QL(3 ea daily); SP; PA	PIQRAY 200MG DAILY DOSE	4	PA
COPIKTRA	4	PA	PIQRAY 250MG DAILY DOSE	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	4	PA	VOTRIENT (<i>pazopanib hcl</i>)	4	QL(4 ea daily); SP; PA
QINLOCK	4	PA	XALKORI CAPS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
RETEVMO CAPS	4	PA	XOSPATA	4	PA
<i>romidepsin SOLR</i>	4	SP; PA	ZEJULA CAPS	4	QL(3 ea daily); PA
ROZLYTREK CAPS	4	PA	ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG	4	QL(1 ea daily); PA
RUBRACA	4	QL(4 ea daily); PA	ZEJULA TABS 100 MG	4	QL(3 ea daily); PA
SCEMBLIX 100 MG	4	QL(4 ea daily); PA	ZELBORAF	4	SP; PA
SCEMBLIX 40 MG	4	QL(10 ea daily); PA	ZOLINZA	4	QL(4 ea daily); SP; PA
SCEMBLIX 20 MG	4	QL(2 ea daily); PA	ZYDELIG	4	QL(2 ea daily); PA
<i>sorafenib tosylate</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA	Antineoplastic Enzymes		
SPRYCEL (<i>dasatinib</i>)	4	QL(1 ea daily); SP; PA	ONCASPAR	4	SP; PA
STIVARGA	4	QL(4 ea daily); SP; PA	Antineoplastics Misc.		
<i>sunitinib malate 12.5 MG, 25 MG, 50 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	4	SP; PA
<i>sunitinib malate 37.5 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>arsenic trioxide 10 MG/10ML</i>	4	SP; PA
TABRECTA	4	PA	<i>bexarotene</i>	4	SP; PA
TAFINLAR CAPS	4	PA	<i>dacarbazine SOLR 200 MG</i>	4	SP; PA
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA	<i>hydroxyurea</i>	1B	
TALZENNA	4	QL(1 ea daily); PA	MATULANE	4	SP; PA
TASIGNA 150 MG, 200 MG	4	QL(4 ea daily); SP; PA	PHOTOFRIN	4	SP; PA
TASIGNA 50 MG	4	QL(4 ea daily); PA	PROLEUKIN	4	SP; PA
TAZVERIK	4	PA	SYNRIBO	4	SP; PA
<i>temsirolimus</i>	4	QL(0.143 ml daily); SP; PA	<i>tretinoin (chemotherapy)</i>	1B	
TIBSOVO	4	PA	UVADEX	4	SP; PA
TURALIO	4	AC; PA	Chemotherapy Adjuncts		
TURALIO	4	PA	KEPIVANCE 6.25 MG	4	SP; PA
VERZENIO	4	PA	Chemotherapy Rescue/Antidote/Protective Agents		
VITRAKVI CAPS	4	PA	<i>leucovorin calcium SOLR</i>	1B	
VITRAKVI SOLN	4	PA	<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	
			<i>leucovorin calcium TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VORAXAZE	4	SP; PA
Mitotic Inhibitors		
<i>docetaxel CONC 20 MG/ML</i>	4	SP; PA
<i>docetaxel SOLN 20 MG/2ML</i>	4	SP; PA
<i>eribulin mesylate</i>	4	SP; PA
ETOPOPHOS	4	SP; PA
<i>etoposide CAPS</i>	4	SP; PA
<i>etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100 MG/5ML, 500 MG/25ML</i>	4	PA
HALAVEN (<i>eribulin mesylate</i>)	4	SP; PA
IXEMPRA KIT 15 MG	4	SP; PA
JEVTANA	4	SP; PA
<i>paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML</i>	4	SP; PA
<i>paclitaxel protein-bound particles</i>	4	SP; PA
<i>vincristine sulfate</i>	4	SP; PA
<i>vinorelbine tartrate 10 MG/ML</i>	4	SP; PA
Topoisomerase I Inhibitors		
HYCAMTIN CAPS	4	SP; PA
<i>irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100 MG/5ML</i>	4	SP; PA
<i>topotecan hcl SOLN</i>	4	
<i>topotecan hcl SOLR</i>	4	
ANTIPARKINSON AND RELATED THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Parkinson's Disease		
Antiparkinson Adjunctive Therapy		
<i>carbidopa</i>	1B	
Antiparkinson Anticholinergics		
<i>benztropine mesylate SOLN</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>benztropine mesylate TABS</i>	0	
<i>trihexyphenidyl hcl SOLN</i>	0	
<i>trihexyphenidyl hcl TABS</i>	0	
Antiparkinson COMT Inhibitors		
<i>entacapone</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>tolcapone</i>	1B	
Antiparkinson Dopaminergics		
<i>amantadine hcl CAPS</i>	1B	
<i>amantadine hcl SOLN</i>	1B	
<i>amantadine hcl TABS</i>	1B	
<i>apomorphine hydrochloride SOCT</i>	4	PA
<i>bromocriptine mesylate CAPS</i>	1B	
<i>bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa-entacapone</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TABS</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBCR</i>	1B	
<i>carbidopa-levodopa TBDP</i>	1B	
NEUPRO	2	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG</i>	0	
<i>pramipexole dihydrochloride TABS 0.125 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>ropinirole hydrochloride TABS</i>	1B	
<i>ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); ST
<i>ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); ST
Antiparkinson Monoamine Oxidase Inhibitors		
<i>rasagiline mesylate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>selegiline hcl CAPS</i>	1B	
<i>selegiline hcl TABS</i>	1B	
ANTIPSYCHOTICS/ANTIMANIC AGENTS - Drugs to Treat Mood Disorders		
Antimanic Agents		
<i>lithium</i>	0	
<i>lithium carbonate CAPS</i>	0	
<i>lithium carbonate TABS</i>	0	
<i>lithium carbonate TBCR</i>	0	
Antipsychotics - Misc.		
CAPLYTA	0	
EQUETRO 300 MG	0	QL(4 ea daily); ST
EQUETRO 200 MG	0	QL(8 ea daily); ST
EQUETRO 100 MG	0	QL(2 ea daily); ST
<i>lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60 MG, 120 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>lurasidone hcl 80 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
NUPLAZID CAPS	0	
NUPLAZID TABS 10 MG	0	
VRAYLAR CAPS	0	
VRAYLAR CPPK	0	
<i>ziprasidone hcl</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>ziprasidone mesylate</i>	0	
Benzisoxazoles		
FANAPT	0	QL(2 ea daily)
FANAPT TITRATION PACK	0	
INVEGA HAFYERA	0	
INVEGA SUSTENNA	0	
INVEGA TRINZA	0	
<i>paliperidone 6 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG</i>	0	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PERSERIS PRSY	0	QL(0.072 ea daily)
<i>risperidone microspheres</i>	0	QL(0.072 ea daily)
<i>risperidone SOLN</i>	0	QL(8 ml daily)
<i>risperidone TABS</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>risperidone TBDP</i>	0	QL(4 ea daily)
Butyrophenones		
<i>haloperidol decanoate</i>	0	QL(0.036 ml daily)
<i>haloperidol lactate CONC</i>	0	
<i>haloperidol lactate SOLN</i>	0	
<i>haloperidol TABS</i>	0	
Dibenzapines		
ADASUVE	0	
<i>asenapine maleate 2.5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>asenapine maleate 5 MG, 10 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>clozapine TABS</i>	0	
<i>clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG</i>	0	QL(6 ea daily)
<i>clozapine TBDP 100 MG</i>	0	QL(9 ea daily)
<i>clozapine TBDP 25 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
<i>clozapine TBDP 200 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>loxapine succinate</i>	0	
<i>olanzapine SOLR</i>	0	QL(0.215 ea daily)
<i>olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG</i>	0	QL(4 ea daily)
<i>olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 20 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG</i>	0	QL(4 ea daily); AL(At least 10 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 10 yrs old)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>quetiapine fumarate TABS 150 MG</i>	0	QL(6 ea daily)	ABILIFY MYCITE STARTER KIT	0	PA
<i>quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>aripiprazole SOLN OR</i>	0	QL(30 ml daily); AL(At least 6 yrs old)
<i>quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>aripiprazole TABS</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
SECUADO	0		<i>aripiprazole TBDP 10 MG</i>	0	
VERSACLOZ SUSP	0		<i>aripiprazole TBDP 15 MG</i>	0	AL(At least 6 yrs old)
ZYPREXA RELPREVV	0		ARISTADA	0	
Dihydroindolones			ARISTADA INITIO	0	
<i>molindone hcl</i>	0		REXULTI	0	
Phenothiazines			Thioxanthenes		
<i>chlorpromazine hcl CONC</i>	1A		<i>thiothixene</i>	0	
<i>chlorpromazine hcl SOLN</i>	0		ANTIVIRALS - Drugs to Treat Viral Infections		
<i>chlorpromazine hcl TABS</i>	0		Antiretrovirals		
<i>fluphenazine decanoate</i>	0		<i>abacavir sulfate-lamivudine</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>fluphenazine hcl CONC</i>	0		<i>abacavir sulfate SOLN</i>	0	QL(32 ml daily)
<i>fluphenazine hcl ELIX</i>	0		<i>abacavir sulfate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>fluphenazine hcl SOLN</i>	0		APTIVUS CAPS	0	QL(4 ea daily)
<i>fluphenazine hcl TABS</i>	0		<i>atazanavir sulfate CAPS 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>perphenazine TABS</i>	0		<i>atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine</i>	0		BIKTARVY	0	QL(1 ea daily)
<i>prochlorperazine edisylate 10 MG/2ML</i>	0		CIMDUO	0	QL(1 ea daily); ST
<i>prochlorperazine maleate TABS</i>	0		COMPLERA	0	QL(1 ea daily)
<i>thioridazine hcl</i>	0		<i>darunavir TABS 800 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>trifluoperazine hcl TABS</i>	0		<i>darunavir TABS 600 MG</i>	0	QL(2 ea daily)
Quinolinone Derivatives			DELSTRIGO	0	QL(1 ea daily)
ABILIFY ASIMTUFII PRSY	0	1 max fill(s) per 60 day(s) retail	DOVATO	0	QL(1 ea daily)
ABILIFY MAINTENA PRSY	0		EDURANT	0	QL(1 ea daily)
ABILIFY MAINTENA SRER	0		<i>efavirenz CAPS 50 MG</i>	0	QL(3 ea daily)
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT	0	PA	<i>efavirenz CAPS 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	0	QL(1 ea daily)	NORVIR PACK	0	QL(12 ea daily)
<i>efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	0	QL(1 ea daily)	NORVIR SOLN	0	QL(15 ml daily)
<i>efavirenz TABS</i>	0	QL(1 ea daily)	ODEFSEY	0	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine CAPS</i>	0	QL(1 ea daily)	PIFELTRO	0	QL(1 ea daily)
<i>emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate</i>	0	QL(1 ea daily)	PREZCOBIX	0	QL(1 ea daily)
EMTRIVA SOLN	0	QL(24 ml daily)	PREZISTA SUSP	0	QL(12 ml daily)
<i>etravirine 200 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	0	QL(2 ea daily)
<i>etravirine 100 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	RETROVIR IV INFUSION SOLN	0	QL(2 ml daily)
EVOTAZ	0	QL(1 ea daily)	<i>ritonavir TABS</i>	0	QL(12 ea daily)
<i>fosamprenavir calcium TABS</i>	0	QL(4 ea daily)	RUKOBIA	0	PA
FUZEON SOLR	0	SP; PA	SELZENTRY SOLN	0	QL(30 ml daily)
GENVOYA	0	QL(1 ea daily)	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG	0	QL(2 ea daily)
INTELENCE 25 MG	0	QL(8 ea daily)	<i>stavudine CAPS</i>	0	QL(2 ea daily)
ISENTRESS HD TABS	0	QL(2 ea daily)	STRIBILD	0	QL(1 ea daily)
ISENTRESS CHEW	0	QL(6 ea daily)	<i>tenofovir disoproxil fumarate TABS</i>	0	QL(1 ea daily)
ISENTRESS TABS	0	QL(2 ea daily)	TIVICAY TABS	0	QL(2 ea daily)
JULUCA	0	QL(1 ea daily)	TRIUMEQ TABS	0	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine SOLN</i>	0	QL(30 ml daily)	TRIZIVIR	0	QL(2 ea daily)
<i>lamivudine TABS 300 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	TYBOST	0	QL(1 ea daily)
<i>lamivudine TABS 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	VIRACEPT TABS 625 MG	0	QL(4 ea daily)
<i>lamivudine-zidovudine</i>	0	QL(2 ea daily)	VIRACEPT TABS 250 MG	0	QL(10 ea daily)
LEXIVA SUSP	0	QL(56 ml daily)	VIREAD POWD	0	QL(7.5 gm daily)
<i>lopinavir-ritonavir SOLN</i>	0	QL(12.5 ml daily)	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	0	QL(1 ea daily)
<i>lopinavir-ritonavir TABS</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine CAPS</i>	0	QL(6 ea daily)
<i>maraviroc TABS 300 MG</i>	0	QL(4 ea daily)	<i>zidovudine SYRP</i>	0	QL(60 ml daily)
<i>maraviroc TABS 150 MG</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>zidovudine TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>nevirapine SUSP</i>	0	QL(40 ml daily)	CMV Agents		
<i>nevirapine TABS</i>	0	QL(2 ea daily)	<i>cidofovir</i>	3	
<i>nevirapine TB24 400 MG</i>	0	QL(1 ea daily)	<i>ganciclovir sodium SOLR</i>	1B	
<i>nevirapine TB24 100 MG</i>	0	QL(3 ea daily; 30 Day(s) limit)	<i>valganciclovir hcl TABS</i>	1B	QL(4 ea daily); PA
NORVIR CAPS	2	QL(12 ea daily)	Hepatitis Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>adefovir dipivoxil</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
BARACLUDE SOLN	4	QL(20 ml daily); SP; PA
<i>entecavir TABS</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
EPIVIR HBV SOLN	4	QL(60 ml daily); SP; PA
<i>lamivudine (hbv) TABS</i>	1B	QL(3 ea daily); SP
MAVYRET PACK	4	QL(6 ea daily); PA
MAVYRET TABS	4	QL(3 ea daily); PA
PEGASYS SOLN	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
PEGASYS SOSY	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>ribavirin (hepatitis c) CAPS</i>	1B	QL(7 ea daily)
<i>ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG</i>	1B	QL(7 ea daily)
SOFOSBUVIR/VELPATA SVIR TABS	1B	QL(1 ea daily); PA
VOSEVI	4	QL(1 ea daily); PA
Herpes Agents		
<i>acyclovir CAPS</i>	1A	QL(5 ea daily; 50 ea per fill retail; 50 per fill mail)
<i>acyclovir SUSP</i>	1B	QL(13.34 ml daily)
<i>acyclovir TABS OR</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>famciclovir 500 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>famciclovir 125 MG, 250 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>valacyclovir hcl 500 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
Influenza Agents		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>oseltamivir phosphate CAPS</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>oseltamivir phosphate SUSR</i>	1B	Limit 1 fill every 90 days.; QL(125 ml per fill retail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail
RELENZA DISKHALER	2	1 package(s) per 30 day(s) retail
<i>rimantadine hydrochloride TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
BETA BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Alpha-Beta Blockers		
<i>carvedilol</i>	1B	
<i>carvedilol phosphate</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>labetalol hcl SOLN</i>	1B	
<i>labetalol hcl TABS 300 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Beta Blockers Cardio-Selective		
<i>acebutolol hcl CAPS</i>	1B	
<i>atenolol TABS</i>	1B	
<i>betaxolol hcl</i>	1B	
<i>bisoprolol fumarate</i>	1B	
<i>metoprolol succinate TB24 200 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG</i>	1B	
<i>nebivolol hcl 20 MG</i>	3	QL(2 ea daily)
<i>nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
Beta Blockers Non-Selective		
<i>HEMANGEOL SOLN OR</i>	4	QL(75 ml daily); PA
<i>nadolol TABS 40 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>nadolol TABS 80 MG</i>	1B	
<i>nadolol TABS 20 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>pindolol TABS</i>	1B	
<i>propranolol hcl CP24</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>propranolol hcl TABS</i>	1B	
<i>sotalol hcl (afib/af)</i>	1B	
<i>sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>sotalol hcl TABS 240 MG</i>	1B	
<i>timolol maleate TABS</i>	1B	
CALCIUM CHANNEL BLOCKERS - Drugs to Treat High Blood Pressure		
Calcium Channel Blockers		
<i>amlodipine besylate TABS</i>	1B	
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG</i>	1B	
<i>diltiazem hcl extended release beads</i>	1B	
<i>diltiazem hcl CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>diltiazem hcl CP24</i>	1B	
<i>diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML</i>	1B	
<i>DILTIAZEM HCL SOLR</i>	1B	
<i>diltiazem hcl TABS</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>diltiazem hcl TB24</i>	1B	
<i>felodipine</i>	1B	
<i>isradipine CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl CAPS</i>	1B	
<i>nicardipine hcl SOLN</i>	1B	
<i>nifedipine CAPS 20 MG</i>	1B	QL(9 ea daily)
<i>nifedipine CAPS 10 MG</i>	1B	
<i>nifedipine TB24 60 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>nifedipine TB24 90 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>nifedipine TB24</i>	1B	
<i>nimodipine CAPS</i>	1B	
<i>nisoldipine</i>	1B	
<i>verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML</i>	1B	
<i>verapamil hcl TABS</i>	1B	
<i>verapamil hcl TBCR</i>	1B	
CARDIOTONICS - Drugs to Treat Heart Failure and Abnormal Heart Rhythm		
Cardiac Glycosides		
<i>digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML</i>	1B	
<i>digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG</i>	1B	
<i>LANOXIN SOLN IJ (digoxin)</i>	2	
<i>LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)</i>	2	
CARDIOVASCULAR AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Cardiovascular Agents Misc. - Combinations		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amlodipine besylate-atorvastatin calcium</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>isosorbide dinitrate-hydralazine hcl</i>	1B	
Impotence Agents		
<i>avanafil</i>	1B	QL(0.134 ea daily)
<i>sildenafil citrate</i>	1B	QL(0.1334 ea daily); PA
STENDRA	3	QL(0.134 ea daily)
<i>tadalafil 5 MG</i>	1B	BPH Only; QL(1 ea daily); PA
Prostaglandin Vasodilators		
<i>epoprostenol sodium</i>	4	PA
ORENITRAM TBCR	4	PA
<i>treprostinil SOLN IJ</i>	4	SP; PA
TYVASO REFILL KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO STARTER KIT SOLN IN	4	PA
TYVASO SOLN IN	4	PA
Pulmonary Hypertension - Endothelin Receptor Antagonists		
<i>ambrisentan</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>bosentan TABS 62.5 MG</i>	4	QL(2 ea daily); PA
<i>bosentan TABS 125 MG</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
OPSUMIT	4	QL(1 ea daily); PA
TRACLEER TBSO	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Phosphodiesterase Inhibitors		
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN</i>	4	QL(37.5 ml daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR</i>	4	QL(6 ml daily); PA
<i>sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
<i>tadalafil (pulmonary hypertension) TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pulmonary Hypertension - Prostacyclin Receptor Agonist		
UPTRAVI TITRATION PACK TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
UPTRAVI TABS 200 MCG	4	PA
UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	4	QL(2 ea daily); PA
Pulmonary Hypertension - Sol Guanylate Cyclase Stimulator		
ADEMPAS	4	QL(3 ea daily); PA
Sinus Node Inhibitors		
CORLANOR SOLN	3	QL(15 ml daily); PA
CORLANOR TABS (<i>ivabradine hcl</i>)	3	QL(2 ea daily); PA
<i>ivabradine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
Transthyretin Stabilizers		
VYNDAMAX	4	QL(1 ea daily); PA
VYNDAQEL	4	QL(4 ea daily); PA
CEPHALOSPORINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Cephalosporins - 1st Generation		
<i>cefadroxil CAPS</i>	1B	
<i>cefadroxil SUSR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>cefadroxil TABS</i>	1B	
<i>cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG</i>	1B	
<i>cephalexin CAPS</i>	1B	
<i>cephalexin SUSR</i>	1B	
Cephalosporins - 2nd Generation		
<i>cefaclor CAPS</i>	1B	
<i>cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML</i>	1B	
<i>cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefoxitin sodium IV</i>	1B	
<i>cefprozil SUSR</i>	1B	
<i>cefprozil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime axetil TABS</i>	1B	
<i>cefuroxime sodium IJ 750 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 3rd Generation		
<i>cefdinir CAPS</i>	1B	
<i>cefdinir SUSR</i>	1B	
<i>cefixime CAPS</i>	1B	
<i>cefixime SUSR</i>	1B	ST
<i>cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil SUSR</i>	1B	
<i>cefpodoxime proxetil TABS</i>	1B	
<i>ceftazidime IV 6 GM</i>	1B	
<i>ceftriaxone sodium IJ 250 MG</i>	1A	
<i>ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG</i>	1B	
Cephalosporins - 4th Generation		
<i>cefepime hcl SOLR IV 2 GM</i>	1B	
Cephalosporins - 5th Generation		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TEFLARO	3	
CONTRACEPTIVES - Drugs to Prevent Pregnancy		
Combination Contraceptives - Oral		
BALCOLTRA (<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>)	0	
<i>desogestrel & ethinyl estradiol</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)</i>	0	
<i>desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol</i>	0	
<i>drospirenone-ethinyl estradiol-levomefolate calcium</i>	0	
<i>ethynodiol diacet & eth estrad</i>	0	
FEMLYV TBDP	0	
<i>levonorgestrel & eth estradiol TABS</i>	0	
<i>levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)</i>	0	
<i>levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron</i>	0	
LO LOESTRIN FE TABS	0	
NATAZIA	0	
NEXTSTELLIS	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CAPS</i>	0	
<i>norethin acet & estrad-fe CHEW</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG</i>	0		DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	0	
<i>norethindrone & eth estradiol</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSP IM</i>	0	
<i>norethindrone & ethinyl estradiol-fe</i>	0		<i>medroxyprogesterone acetate (contraceptive) SUSY IM</i>	0	QL(90 Day(s) limit ; 1 ml per 90 day(s) retail)
<i>norethindrone acet & eth estra TABS</i>	0		Progestin Contraceptives - IUD		
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe</i>	0		KYLEENA	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>norethindrone-eth estradiol (triphasic)</i>	0		LILETTA 20.1 MCG/DAY	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>norgestimate-ethinyl estradiol</i>	0		MIRENA	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)</i>	0		SKYLA	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
<i>norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG</i>	0		Progestin Contraceptives - Oral		
TYBLUME CHEW	0		<i>norethindrone (contraceptive)</i>	0	
Combination Contraceptives - Transdermal			OPILL	0	
<i>norelgestromin-ethinyl estradiol</i>	0		SLYND	0	QL(1 ea daily)
TWIRLA	0	QL(3 ea per 28 day(s) retail)	CORTICOSTEROIDS - Steroid Hormone Drugs to Treat Systemic Swelling Conditions		
Combination Contraceptives - Vaginal			Glucocorticosteroids		
ANNOVERA	0		<i>budesonide CPEP</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>etonogestrel-ethinyl estradiol</i>	0	QL(0.05 ea daily)	<i>deflazacort SUSP</i>	4	PA
Copper Contraceptives - IUD			<i>deflazacort TABS</i>	4	PA
PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail	DEPO-MEDROL SUSP	3	
Emergency Contraceptives			DEXAMETHASONE INTENSOL CONC	1B	
ELLA	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML</i>	1B	
<i>levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG</i>	0		<i>dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML</i>	1B	
Progestin Contraceptives - Injectable					

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dexamethasone ELIX</i>	1B	
<i>dexamethasone SOLN</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG</i>	1B	
<i>dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG</i>	1A	
EMFLAZA SUSP (<i>deflazacort</i>)	4	PA
EMFLAZA TABS (<i>deflazacort</i>)	4	PA
<i>hydrocortisone sod succinate 100 MG</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>hydrocortisone TABS</i>	1B	
MEDROL TABS	3	
<i>methylprednisolone acetate SUSP</i>	1B	
<i>methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG</i>	1B	
<i>methylprednisolone TABS</i>	1B	
<i>methylprednisolone TBPK</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML</i>	1B	
<i>prednisolone sodium phosphate TBDP</i>	3	
<i>prednisolone SOLN</i>	1B	
<i>prednisolone TABS</i>	1B	
<i>prednisone SOLN</i>	1B	
<i>prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG</i>	1A	
<i>prednisone TABS 1 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>prednisone TBPK</i>	1B	
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	3	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
SOLU-CORTEF 250 MG	3	
SOLU-MEDROL 2 GM	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML</i>	1B	
Mineralocorticoids		
<i>fludrocortisone acetate TABS</i>	1B	
COUGH/COLD/ALLERGY - Drugs to Treat Cough, Cold and Allergy Symptoms		
Antitussives		
<i>benzonatate 150 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>benzonatate 200 MG</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>benzonatate 100 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
Cough/Cold/Allergy Combinations		
<i>hydrocodone polistirex-chlorpheniramine polistirex SUER</i>	1B	
TUZISTRA XR	2	PA
Misc. Respiratory Inhalants		
HYPERSAL NEBU	1B	
NEBUSAL NEBU	1B	
<i>sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %</i>	1B	
Mucolytics		
<i>acetylcysteine SOLN</i>	1B	
DERMATOLOGICALS - Drugs to Treat Skin Conditions		
Acne Products		
<i>adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene CREA</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>adapalene GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST; RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
AZELEX	3	QL(50 gm per 30 day(s) retail); AL(At least 12 yrs old); ST	<i>erythromycin (acne aid) PADS</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>erythromycin (acne aid) SOLN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
BENZEPRO FOAM 5.3 %	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG</i>	3	AL(At least 12 yrs old); PA
<i>benzoyl peroxide-erythromycin GEL</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	2	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC
<i>benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); RX/OTC	<i>sulfacetamide sodium (acne)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>benzoyl peroxide GEL 5 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST
<i>benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) FOAM</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	<i>sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)
<i>clindamycin phosphate (topical) GEL</i>	1B	QL(8 gm daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin microsphere 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) LOTN</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); AL(At least 12 yrs old)	<i>tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 12 yrs old - Up to 30 yrs old); PA
<i>clindamycin phosphate (topical) SWAB</i>	1B	AL(At least 12 yrs old)	Agents for External Genital and Perianal Warts		
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	VEREGEN	3	QL(1 gm daily)
<i>clindamycin phosphate-benzoyl peroxide GEL 5 %-1 %</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); PA	Antibiotics - Topical		
<i>clindamycin phosphate-tretinoin</i>	1B	AL(At least 12 yrs old); ST	ALTABAX	2	QL(15 gm per 30 day(s) retail)
DIFFERIN LOTN	2	AL(At least 12 yrs old); ST	<i>gentamicin sulfate (topical) CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
			<i>gentamicin sulfate (topical) OINT</i>	1B	
			<i>mupirocin OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
NEO-SYNALAR	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail); PA
Antifungals - Topical		
<i>butenafine hcl</i>	1B	QL(6 gm daily); RX/OTC
<i>ciclopirox olamine CREA</i>	1B	QL(90 gm per fill retail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>ciclopirox olamine SUSP</i>	1B	
<i>ciclopirox GEL</i>	1B	QL(3.35 gm daily)
<i>ciclopirox SHAM</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>ciclopirox SOLN</i>	1B	QL(0.22 ml daily)
<i>clotrimazole (topical) CREA</i>	1B	QL(4.5 gm daily); RX/OTC
<i>clotrimazole (topical) SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily); RX/OTC
<i>clotrimazole w/ betamethasone CREA</i>	1B	QL(8 gm daily)
<i>clotrimazole w/ betamethasone LOTN</i>	1B	
<i>econazole nitrate CREA</i>	1B	QL(85 gm per fill retail; 85 per fill mail)
ERTACZO	3	QL(2.15 gm daily)
<i>ketconazole (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>ketconazole (topical) SHAM 2 %</i>	1B	QL(20 ml daily)
<i>luliconazole</i>	1B	PA
<i>naftifine hcl CREA 1 %</i>	1B	QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>naftifine hcl CREA 2 %</i>	1B	QL(2 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>nystatin (topical) CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin (topical) OINT</i>	1B	QL(6 gm daily)
<i>nystatin (topical) POWD EX</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone CREA</i>	1B	QL(10 gm daily)
<i>nystatin-triamcinolone OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>oxiconazole nitrate CREA</i>	1B	Limit 1 Fill per 180 days; QL(3 gm daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
OXISTAT LOTN	2	Limit 1 Fill per 180 days; QL(2 ml daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail
<i>sulconazole nitrate CREA</i>	1B	
<i>sulconazole nitrate SOLN</i>	1B	1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail
<i>tavaborole</i>	1B	PA
Anti-inflammatory Agents - Topical		
<i>diclofenac epolamine PTCH EX</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
<i>diclofenac sodium (topical) GEL EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); RX/OTC
Antineoplastic or Premalignant Lesion Agents - Topical		
<i>bexarotene (topical)</i>	4	SP; PA
<i>diclofenac sodium (actinic keratoses) EX</i>	1B	QL(3.34 gm daily); PA
<i>fluorouracil (topical) CREA 5 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluorouracil (topical) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PANRETIN	3	QL(60 gm per 30 day(s) retail)	STELARA SOSY 90 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); SP; PA
Antipruritics - Topical			<i>tazarotene CREA 0.1 %</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>doxepin hcl (antipruritic)</i>	3	Limit 1 fill every 180 days; QL(45 gm per fill retail; 45 per fill mail); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
Antipsoriatics			TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>acitretin 25 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)	TREMFYA SOLN	4	QL(0.72 ml daily); PA
<i>acitretin 10 MG, 17.5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	4	QL(0.018 ml daily); PA
<i>calcipotriene CREA</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	4	QL(0.072 ml daily); PA
<i>calcipotriene OINT</i>	1B	QL(4 gm daily); PA	Antiseborrheic Products		
<i>calcipotriene SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily); PA	<i>selenium sulfide LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>calcitriol (topical)</i>	1B	QL(3.34 gm daily)	Antivirals - Topical		
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>acyclovir topical CREA</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX UNOREADY SOAJ	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>acyclovir topical OINT</i>	1B	1 package(s) per fill retail; 1 package(s) per fill mail
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>penciclovir</i>	3	QL(0.18 gm daily)
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML	4	QL(0.18 ml daily); PA	Burn Products		
COSENTYX SOSY 150 MG/ML	4	QL(0.072 ml daily); PA	<i>mafenide acetate PACK</i>	3	
<i>methoxsalen rapid</i>	1B	QL(4 ea daily)	<i>silver sulfadiazine</i>	1B	QL(20 gm daily)
SKYRIZI PEN SOAJ	4	QL(0.025 ml daily); PA	SULFAMYLLON CREA	3	
SKYRIZI SOSY	4	QL(0.025 ml daily); PA	Corticosteroids - Topical		
STELARA SOLN 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
STELARA SOSY 45 MG/0.5ML	4	QL(0.012 ml daily); PA	<i>alclometasone dipropionate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amcinonide CREA</i>	1B	QL(60 gm per fill retail; 60 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail	<i>clobetasol propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(3 gm daily); PA
<i>amcinonide LOTN</i>	3		<i>clobetasol propionate FOAM</i>	1B	QL(3 gm daily); ST
<i>amcinonide OINT</i>	3		<i>clobetasol propionate GEL 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily); ST
<i>betamethasone dipropionate (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clobetasol propionate OINT 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) LOTN</i>	1B		<i>clobetasol propionate SOLN 0.05 %</i>	1B	QL(3.34 ml daily); PA
<i>betamethasone dipropionate (topical) OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>clocortolone pivalate</i>	3	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	CORDRAN TAPE	3	1 package(s) per 30 day(s) retail; 1 package(s) per 30 day(s) mail
<i>betamethasone dipropionate augmented LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desonide CREA</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone dipropionate augmented OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)	<i>desonide LOTN</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>betamethasone valerate CREA</i>	1B	QL(2.5 gm daily)	<i>desonide OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate FOAM</i>	1B	QL(1.67 gm daily)	<i>desoximetasone CREA 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>betamethasone valerate LOTN</i>	1B	QL(5 ml daily)	<i>desoximetasone GEL</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>betamethasone valerate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)	<i>desoximetasone OINT 0.25 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate CREA</i>	1B	PA
<i>calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP</i>	1B	ST	<i>diflorasone diacetate OINT</i>	1B	PA
<i>clobetasol propionate emollient base 0.05 %</i>	1B	QL(1 gm daily); PA	<i>fluocinolone acetonide CREA 0.025 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluocinolone acetonide CREA 0.01 %</i>	1B	
			<i>fluocinolone acetonide OIL</i>	1B	QL(8 ml daily)
			<i>fluocinolone acetonide OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
			<i>fluocinolone acetonide SOLN</i>	1B	QL(4 ml daily)
			<i>fluocinonide emulsified base</i>	1B	QL(2 gm daily)
			<i>fluocinonide CREA 0.05 %</i>	1B	QL(2 gm daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluocinonide CREA 0.1 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluocinonide GEL</i>	1B	
<i>fluocinonide OINT</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>fluocinonide SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>flurandrenolide CREA</i>	2	QL(2 gm daily)
<i>flurandrenolide LOTN</i>	2	QL(2 ml daily)
<i>fluticasone propionate CREA 0.05 %</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>fluticasone propionate LOTN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>fluticasone propionate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>halcinonide CREA</i>	1B	PA
<i>halobetasol propionate CREA</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
<i>halobetasol propionate OINT</i>	1B	QL(3.5 gm daily)
HALOG OINT	3	PA
<i>hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 ea daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 %</i>	1B	
<i>hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily); RX/OTC
<i>hydrocortisone butyrate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate OINT</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>hydrocortisone butyrate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>hydrocortisone valerate CREA</i>	1B	
<i>hydrocortisone valerate OINT</i>	1B	
<i>mometasone furoate CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>mometasone furoate OINT</i>	1B	QL(4 gm daily)
<i>mometasone furoate SOLN</i>	1B	QL(5 ml daily)
<i>prednicarbate OINT</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %</i>	1B	QL(3.34 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %</i>	1B	
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.025 %, 0.1 %</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
<i>triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %</i>	1B	QL(6 gm daily)
Eczema Agents		
DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML	4	QL(0.048 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML	4	QL(0.082 ml daily); PA
DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML	4	QL(0.29 ml daily); PA
Emollients		
<i>lactic acid (ammonium lactate) CREA</i>	1B	QL(12.9 gm daily); RX/OTC
<i>lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %</i>	1B	RX/OTC
Enzymes - Topical		
SANTYL OINT	3	PA
Immunomodulating Agents - Topical		
<i>imiquimod 5 %</i>	1B	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail)
Immunosuppressive Agents - Topical		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pimecrolimus</i>	1B	QL(3 gm daily); AL(At least 2 yrs old); PA
<i>tacrolimus (topical) OINT</i>	1B	AL(At least 2 yrs old); PA
Keratolytic/Antimitotic/Vesicant Agents		
<i>podofilox SOLN</i>	1B	
Local Anesthetics - Topical		
<i>lidocaine hcl GEL 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl PRSY</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl SOLN</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>lidocaine-prilocaine CREA</i>	1B	QL(1 gm daily)
<i>lidocaine PTCH 5 %</i>	1B	PA
SYNERA PTCH	3	QL(10 ea per fill retail; 10 per fill mail); 1 max fill(s) per 30 day(s) retail; 1 max fill(s) per 30 day(s) mail
Phosphodiesterase 4 (PDE4) Inhibitors - Topical		
EUCRISA	3	QL(2 gm daily); PA
Rosacea Agents		
<i>azelaic acid GEL</i>	1B	QL(1.67 gm daily)
<i>brimonidine tartrate (topical)</i>	3	QL(1 gm daily); PA
<i>metronidazole (topical) CREA</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 0.75 %</i>	1B	QL(3 gm daily)
<i>metronidazole (topical) GEL 1 %</i>	1B	QL(5 gm daily)
<i>metronidazole (topical) LOTN</i>	1B	
Scabicides & Pediculicides		
<i>crotamiton LOTN</i>	1B	PA
<i>ivermectin (pediculicide)</i>	1B	PA
<i>malathion</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>permethrin CREA</i>	1B	
<i>permethrin LIQD EX</i>	1B	
<i>spinosad</i>	1B	PA
Wound Care Products		
REGRANEX	3	QL(0.5 gm daily)
DIAGNOSTIC PRODUCTS		
Diagnostic Drugs		
GLUCAGEN DIAGNOSTIC	3	QL(0.035 ea daily)
THYROGEN 0.9 MG	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; 1 max fill(s) per 365 day(s) mail; PA
Diagnostic Tests		
CHEMSTRIP-K STRP	1B	
FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT	1B	
GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS	1B	
KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
KETONE STRP	1B	
KETOSTIX STRP	1B	
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	1B	
PRECISION XTRA	1B	
RELION KETONE TEST STRIPS STRP	1B	
RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSE TEST STRIPS STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	1B	QL(3.34 ea daily); RX/OTC
TRUETRACK TEST STRP	1B	Limit 100 per month; QL(3.34 ea daily); RX/OTC
DIGESTIVE AIDS - Drugs to Treat Low Digestive Enzymes		
Digestive Enzymes		
CREON CPEP	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
PANCREAZE CPEP 149900 UNIT-97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT-16800 UNIT	3	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT-10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT, 24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT-15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	2	Non-FDA approved uses require Prior Authorization
ZENPEP CPEP 252600 UNIT-189600 UNIT-60000 UNIT	2	
DIURETICS - Drugs to Treat Heart, Circulation Conditions and Blood Pressure		
Carbonic Anhydrase Inhibitors		
<i>acetazolamide sodium</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>acetazolamide CP12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 125 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
<i>acetazolamide TABS 250 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>dichlorphenamide</i>	4	QL(4 ea daily); PA
<i>methazolamide TABS</i>	1B	QL(6 ea daily)
Diuretic Combinations		
<i>amiloride & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>spironolactone & hydrochlorothiazide</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG</i>	1B	
<i>triamterene & hydrochlorothiazide TABS</i>	1B	
Loop Diuretics		
<i>bumetanide SOLN 0.25 MG/ML</i>	1B	
<i>bumetanide TABS</i>	1B	QL(5 ea daily)
<i>ethacrynic acid</i>	1B	QL(16 ea daily)
<i>furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML</i>	1B	
<i>furosemide TABS</i>	1B	
<i>torseamide TABS</i>	1B	
Potassium Sparing Diuretics		
<i>amiloride hcl TABS</i>	1B	
<i>spironolactone TABS</i>	1B	
<i>triamterene CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Thiazides and Thiazide-Like Diuretics		
<i>chlorthalidone 25 MG, 50 MG</i>	1B	
DIURIL SUSP	2	QL(20 ml daily)
<i>hydrochlorothiazide CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG</i>	1A	QL(2 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 2.5 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>indapamide TABS 1.25 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>metolazone</i>	1B	QL(2 ea daily)
ENDOCRINE AND METABOLIC AGENTS - MISC.		
- Drugs to Treat Bone Disease and Regulate Hormones		
Bone Density Regulators		
<i>alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily)
<i>calcitonin (salmon) NA</i>	1B	QL(0.14 ml daily)
FOSAMAX PLUS D	3	QL(0.143 ea daily); PA
<i>ibandronate sodium SOLN</i>	4	SP; PA
<i>ibandronate sodium TABS</i>	1B	QL(0.036 ea daily)
<i>pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML</i>	4	SP; PA
PAMIDRONATE DISODIUM SOLN	4	SP; PA
PROLIA SOSY	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; SP; PA
<i>risedronate sodium TABS 35 MG</i>	1B	QL(0.143 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TABS 150 MG</i>	1B	QL(0.036 ea daily); PA
<i>risedronate sodium TBEC</i>	1B	PA
TERIPARATIDE SOPN	4	QL(0.09 ml daily); PA
TYMLOS	4	PA
XGEVA SOLN	4	SP; PA
<i>zoledronic acid CONC</i>	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>zoledronic acid SOLN</i>	4	SP; PA
Corticotropin		
ACTHAR GEL	3	PA
Fertility Regulators		
CHORIONIC GONADOTROPIN IM	4	PA
GnRH/LHRH Antagonists		
<i>ganirelix acetate</i>	4	PA
ORLISSA	2	PA
Growth Hormone Receptor Antagonists		
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG	4	SP; PA
Growth Hormone Releasing Hormones (GHRH)		
EGRIFTA 2 MG	4	PA
EGRIFTA SV	4	PA
Growth Hormones		
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY	4	PA
GENOTROPIN CART SC	4	PA
HUMATROPE CART IJ	4	SP; PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 30 MG/3ML	4	PA
NORDITROPIN FLEXPRO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	4	SP; PA
ZORBTIVE SC	4	SP; PA
Hormone Receptor Modulators		
OSPHENA	3	PA
<i>raloxifene hcl</i>	0	QL(1 ea daily)
Insulin-Like Growth Factors (Somatomedins)		
INCRELEX	4	SP; PA
LHRH/GnRH Agonist Analog Pituitary Suppressants		
FENSOLVI SC	4	SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 30 MG	4	SP; PA
LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH) 11.25 MG	4	PA
SYNAREL	4	SP; PA
Metabolic Modifiers		
ALDURAZYME	4	SP; PA
<i>betaine</i>	4	SP; PA
<i>calcitriol CAPS</i>	1B	
<i>calcitriol SOLN IV</i>	1B	
<i>cinacalcet hcl</i>	4	QL(4 ea daily); SP; PA
<i>doxercalciferol CAPS</i>	1B	
<i>doxercalciferol SOLN</i>	1B	
ELAPRASE	4	SP; PA
GALAFOLD	4	QL(0.5 ea daily); PA
LUMIZYME	4	SP; PA
MYALEPT	4	PA
NAGLAZYME	4	SP; PA
<i>nitisinone CAPS</i>	4	PA
<i>paricalcitol CAPS</i>	1B	
<i>paricalcitol SOLN</i>	1B	
PHEBURANE PLLT	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride PACK</i>	4	PA
<i>sapropterin dihydrochloride TABS</i>	4	PA
<i>sodium phenylbutyrate POWD</i>	1B	PA
<i>sodium phenylbutyrate TABS</i>	1B	PA
STRENSIQ	4	PA
Posterior Pituitary Hormones		
<i>desmopressin acetate spray</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>desmopressin acetate spray refrigerated</i>	1B	
<i>desmopressin acetate SOLN IJ</i>	1B	PA
DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	4	SP; PA
<i>desmopressin acetate TABS 0.1 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>desmopressin acetate TABS 0.2 MG</i>	1B	QL(8 ea daily)
Progesterone Receptor Antagonists		
<i>mifepristone</i>	1B	QL(1 ea daily)
Prolactin Inhibitors		
<i>cabergoline</i>	1B	
Somatostatic Agents		
<i>octreotide acetate KIT</i>	4	PA
<i>octreotide acetate SOLN</i>	4	SP; PA
<i>octreotide acetate SOSY</i>	4	SP
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT	4	PA
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (<i>octreotide acetate</i>)	4	PA
SIGNIFOR	4	PA
Vasopressin Receptor Antagonists		
JYNARQUE TBPK	4	SP; PA
<i>tolvaptan TABS</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA
ESTROGENS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		
Estrogen Combinations		
CLIMARA PRO	3	
DUAVEE	3	PA
<i>norethindrone acetate-ethinyl estradiol</i>	1B	
PREMPHASE	2	
PREMPRO	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Estrogens		
DELESTROGEN 10 MG/ML (<i>estradiol valerate</i>)	1B	
DEPO-ESTRADIOL	3	
ELESTRIN GEL	3	
<i>estradiol valerate</i>	1B	
<i>estradiol GEL 0.06 %</i>	3	
<i>estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5 MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1 MG/GM, 1.25 MG/1.25GM</i>	1B	
<i>estradiol PTTW</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
<i>estradiol PTWK</i>	1B	
<i>estradiol TABS</i>	1B	
ESTROGEL GEL (<i>estradiol</i>)	3	
EVAMIST SOLN	3	
MENEST	3	
MENOSTAR PTWK	3	
PREMARIN SOLR	2	
PREMARIN TABS	2	QL(1 ea daily)
FLUOROQUINOLONES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluoroquinolones		
BAXDELA SOLR	3	PA
BAXDELA TABS	3	PA
<i>ciprofloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML</i>	3	
<i>ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML</i>	1B	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
CIPRO SUSR	2	2 max fill(s) per 30 day(s) retail
<i>levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML</i>	1B	
<i>levofloxacin SOLN OR</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>levofloxacin TABS 500 MG</i>	1A	
<i>moxifloxacin hcl in sodium chloride</i>	1B	
<i>moxifloxacin hcl TABS</i>	1B	
<i>ofloxacin 300 MG, 400 MG</i>	1B	
GASTROINTESTINAL AGENTS - MISC. - Miscellaneous Gastrointestinal Drugs		
Bile Acid Synthesis Disorder Agents		
CHOLBAM	4	SP; PA
Gallstone Solubilizing Agents		
<i>ursodiol CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>ursodiol TABS</i>	1B	
Gastrointestinal Chloride Channel Activators		
<i>lubiprostone</i>	1B	QL(2 ea daily)
Gastrointestinal Stimulants		
<i>metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML</i>	1B	
<i>metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML</i>	1B	QL(60 ml daily)
<i>metoclopramide hcl TABS</i>	1A	QL(6 ea daily)
Inflammatory Bowel Agents		
<i>balsalazide disodium CAPS</i>	1B	QL(9 ea daily)
DIPENTUM	2	
INFLECTRA SOLR	4	PA
<i>mesalamine CP24</i>	1B	
<i>mesalamine CPDR</i>	1B	
<i>mesalamine ENEM</i>	3	
<i>mesalamine SUPP</i>	3	
<i>mesalamine TBEC 1.2 GM</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>mesalamine TBEC 800 MG</i>	3	QL(6 ea daily)
RENFLXIS	4	PA
SKYRIZI SOCT	4	QL(0.043 ml daily); PA
SKYRIZI SOLN	4	QL(0.36 ml daily); PA
STELARA 130 MG/26ML	4	QL(3.47 ml daily); PA
<i>sulfasalazine TABS</i>	1B	
<i>sulfasalazine TBEC</i>	1B	
Intestinal Acidifiers		
<i>lactulose (encephalopathy)</i>	1B	
Irritable Bowel Syndrome (IBS) Agents		
<i>alosetron hcl</i>	1B	QL(2 ea daily)
LINZESS	2	QL(1 ea daily)
Peripheral Opioid Receptor Antagonists		
<i>alvimopan</i>	1B	
MOVANTIK	3	QL(1 ea daily); PA
Phosphate Binder Agents		
<i>calcium acetate (phosphate binder) CAPS</i>	1B	
<i>calcium acetate (phosphate binder) TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>lanthanum carbonate CHEW</i>	1B	
PHOSLYRA SOLN	2	
<i>sevelamer carbonate PACK</i>	1B	
<i>sevelamer carbonate TABS</i>	1B	
GENERAL ANESTHETICS		
Anesthetics - Misc.		
KETAMINE HYDROCHLORIDE TROC	0	
GENITOURINARY AGENTS - MISCELLANEOUS - Miscellaneous Drugs to Treat Reproductive		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Organs and Urinary System		
Alkalinizers		
<i>potassium citrate (alkalinizer) TBCR</i>	1B	
<i>sodium citrate & citric acid</i>	1B	RX/OTC
Cystinosis Agents		
CYSTAGON CAPS	3	PA
Genitourinary Irrigants		
<i>acetic acid 0.25 %</i>	1B	
<i>glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 %</i>	1B	
<i>sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %</i>	1B	
SORBITOL 3 %	1B	
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	1B	
Interstitial Cystitis Agents		
ELMIRON CAPS	2	QL(3 ea daily)
Prostatic Hypertrophy Agents		
<i>alfuzosin hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dutasteride</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>finasteride</i>	1B	5 mg only
<i>silodosin</i>	1B	
<i>tamsulosin hcl</i>	1B	
Urinary Analgesics		
<i>phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG</i>	1B	
Urinary Stone Agents		
THIOLA EC TBEC 100 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(3 ea daily); PA
THIOLA EC TBEC 300 MG (<i>tiopronin</i>)	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 300 MG</i>	3	QL(10 ea daily); PA
<i>tiopronin TBEC 100 MG</i>	3	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
GOUT AGENTS - Drugs to Treat Gout		
Gout Agent Combinations		
<i>colchicine w/ probenecid</i>	1B	
Gout Agents		
<i>allopurinol 100 MG, 300 MG</i>	1B	
<i>colchicine TABS</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>febuxostat</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
Uricosurics		
<i>probenecid</i>	1B	
HEMATOLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Blood Disorders		
Antihemophilic Products		
ADVATE	4	PA
ADYNOVATE	4	PA
AFSTYLA	4	PA
ALPROLIX	4	PA
ALTUVIIIIO	4	PA
BENEFIX KIT	4	PA
ELOCTATE	4	PA
ESPEROCT	4	PA
IDELVION	4	PA
JIVI	4	PA
KOGENATE FS KIT	4	PA
KOVALTRY	4	PA
NOVOEIGHT	4	PA
XYNTHA	4	PA
XYNTHA SOLOFUSE	4	PA
Bradykinin B2 Receptor Antagonists		
<i>icatibant acetate SOLN</i>	4	QL(9 ml daily); PA
<i>icatibant acetate SOSY</i>	4	QL(9 ml daily); PA
Complement Inhibitors		
HAEGARDA SOLR SC	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Hemataologic - Tyrosine Kinase Inhibitors		
TAVALISSE	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Hematorheologic Agents		
<i>pentoxifylline</i>	1B	QL(3 ea daily)
Plasma Kallikrein Inhibitors		
ORLADEYO	4	PA
TAKHZYRO SOLN	4	PA
TAKHZYRO SOSY	4	PA
Platelet Aggregation Inhibitors		
<i>anagrelide hcl</i>	1B	
<i>aspirin-dipyridamole</i>	1B	QL(2 ea daily); PA
BRILINTA	2	QL(2 ea daily)
CABLIVI	4	PA
<i>cilostazol</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 300 MG</i>	1B	
<i>clopidogrel bisulfate 75 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>dipyridamole</i>	1B	
<i>prasugrel hcl</i>	1B	QL(1 ea daily)
ZONTIVITY	3	PA
HEMATOPOIETIC AGENTS - Drugs to Treat Blood Disorders		
Agents for Gaucher Disease		
CERDELGA	4	QL(2 ea daily); PA
CEREZYME 400 UNIT	4	SP; PA
<i>miglustat</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Agents for Sickle Cell Disease		
DROXIA CAPS	3	
OXBRYTA TABS 500 MG	4	PA
Cobalamins		
<i>cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML</i>	1B	QL(1 ml daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Folic Acid/Folates		
<i>folic acid TABS</i>	0	
Hematopoietic Growth Factors		
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	4	SP
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	4	SP; PA
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	4	SP; PA
DOPTELET	4	QL(3 ea daily); PA
EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
LEUKINE SOLR IJ	4	SP; PA
MIRCERA	4	PA
MULPLETA	4	QL(1 ea daily); PA
NYVEPRIA	4	PA
PROCRIT 40000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	4	SP; PA
PROMACTA PACK	4	QL(1 ea daily); PA
PROMACTA TABS	4	QL(1 ea daily); PA
RETACRIT	4	PA
UDENYCA ONBODY SOSY	4	PA
UDENYCA SOAJ	4	PA
UDENYCA SOSY	4	PA
ZARXIO	4	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ZIEXTENZO	4	PA
Hematopoietic Mixtures		
<i>ferrous fumarate-folic acid</i>	1B	QL(1 ea daily)
Iron		
<i>ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML</i>	0	AL(Up to 1 yrs old)
<i>ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG</i>	0	
<i>ferrous sulfate TBEC 325 MG</i>	0	
Stem Cell Mobilizers		
MOZOBIL (<i>plerixafor</i>)	4	SP; PA
<i>plerixafor</i>	4	SP; PA
HEMOSTATICS - Drugs to Stop Bleeding/Treat Blood Disorders		
Hemostatics - Systemic		
<i>aminocaproic acid TABS</i>	1B	PA
<i>tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML</i>	1B	
<i>tranexamic acid TABS</i>	1B	
HYPNOTICS/SEDATIVES/SLEEP DISORDER AGENTS		
Barbiturate Hypnotics		
<i>phenobarbital ELIX</i>	0	
<i>phenobarbital TABS</i>	0	
Hypnotics - Tricyclic Agents		
<i>doxepin hcl (sleep)</i>	0	QL(1 ea daily)
Non-Barbiturate Hypnotics		
EDLUAR SUBL	0	
<i>estazolam</i>	0	
<i>eszopiclone</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
<i>flurazepam hcl</i>	0	
<i>quazepam</i>	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>temazepam</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>triazolam</i>	0	
<i>zaleplon 10 MG</i>	0	QL(2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zaleplon 5 MG</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate SUBL</i>	0	
<i>zolpidem tartrate TABS</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
<i>zolpidem tartrate TBCR</i>	0	QL(1 ea daily)
ZOLPIMIST SOLN	0	
Orexin Receptor Antagonists		
BELSOMRA	0	
DAYVIGO	0	
Selective Melatonin Receptor Agonists		
<i>ramelteon</i>	0	QL(1 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
LAXATIVES - Bowel Treatment Drugs		
Bulk Laxatives		
<i>calcium polycarbophil TABS</i>	1B	
Laxative Combinations		
<i>peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid</i>	1B	
<i>peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM</i>	0	
<i>peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride</i>	1B	PA
<i>sodium sulfate-potassium sulfate-magnesium sulfate</i>	1B	
Laxatives - Miscellaneous		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lactulose SOLN</i>	1B	
Saline Laxatives		
OSMOPREP	3	PA
Stimulant Laxatives		
<i>bisacodyl SUPP</i>	1A	
<i>bisacodyl TBEC</i>	1A	
Surfactant Laxatives		
<i>docusate calcium</i>	1A	QL(1 ea daily)
<i>docusate sodium CAPS 250 MG</i>	1A	
<i>docusate sodium CAPS 100 MG</i>	1A	QL(4 ea daily)
LOCAL ANESTHETICS-Parenteral - Drugs for Numbing		
Local Anesthetics - Amides		
<i>lidocaine hcl (local anesth.) SOLN 0.5 %, 1 %, 2 %</i>	1B	
MACROLIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Azithromycin		
<i>azithromycin PACK</i>	1B	
<i>azithromycin SOLR</i>	1B	
<i>azithromycin SUSR</i>	1B	
<i>azithromycin TABS 500 MG</i>	1B	QL(4 ea per fill retail; 4 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 250 MG</i>	1B	QL(6 ea per fill retail; 6 per fill mail)
<i>azithromycin TABS 600 MG</i>	1B	QL(0.286 ea daily)
Clarithromycin		
<i>clarithromycin SUSR</i>	1B	
<i>clarithromycin TABS</i>	1B	
<i>clarithromycin TB24</i>	1B	
Erythromycins		
<i>erythromycin base CPEP</i>	3	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>erythromycin base TABS</i>	3		KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin base TBEC</i>	1B		KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate SUSR</i>	1B		KIMONO PS LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
<i>erythromycin ethylsuccinate TABS</i>	3		KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
Fidaxomicin			KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DIFICID TABS	2		KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
MEDICAL DEVICES AND SUPPLIES			KIMONO SPECIAL DEVI	0	QL(2 ea daily)
Contraceptives			K-Y ME & YOU EXTRA LUBRICATED DEVI	0	QL(2 ea daily)
AIMSCO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	K-Y ME & YOU INTENSE DEVI	0	QL(2 ea daily)
CAYA DPRH	0		MAXX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)	MAXX PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	0	QL(2 ea daily)	OMNIFLEX DIAPHRAGM	0	
DUREX TROPICAL MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	0	QL(2 ea daily)
FANTASY LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI	0	QL(2 ea daily)
FC2 FEMALE CONDOM	0	QL(12 ea per fill retail; 12 per fill mail); 1 max fill(s) per 90 day(s) retail; 1 max fill(s) per 90 day(s) mail	TROJAN MAGNUM MISC	0	QL(2 ea daily)
FEMCAP DEVI	0		TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KAMELEON LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	TROJAN ULTRA THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO COLORS DEVI	0	QL(2 ea daily)	TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)
KIMONO LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			
KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	0	QL(2 ea daily)			
KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	0	
TRUE COVER DEVI	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	0	
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 85	0	
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	0	
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	0	
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	0	QL(2 ea daily)	Diabetic Supplies		
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDDDED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC	0	QL(2 ea daily)	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	3	QL(0.072 ea daily); PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	0		FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	3	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	1B	RX/OTC	Migraine Products		
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML</i>	1B	
RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	1B	RX/OTC	<i>dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML</i>	1B	QL(0.27 ml daily); PA
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	1B	RX/OTC	ERGOMAR SUBL	3	QL(0.667 ea daily)
RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	1B	RX/OTC	Serotonin Agonists		
SELECT LANCETS	1B	6.66/day	<i>almotriptan malate 12.5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	1B		<i>almotriptan malate 6.25 MG</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST
Parenteral Therapy Supplies			<i>eletriptan hydrobromide</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
SELECT INSULIN SYRINGES	1B	5/day	<i>frovatriptan succinate</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 18 yrs old); ST
MIGRAINE PRODUCTS - Drugs to Treat Migraine Headaches			<i>naratriptan hcl</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
Calcitonin Gene-Related Peptide (CGRP) Receptor Antag			<i>rizatriptan benzoate TABS 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
AIMOVIG	2	QL(0.04 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TABS 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOAJ	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 5 MG</i>	1B	QL(0.4 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	2	QL(0.07 ml daily); PA	<i>rizatriptan benzoate TBDP 10 MG</i>	1B	QL(0.6 ea daily); AL(At least 6 yrs old)
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	2	QL(0.1 ml daily); PA	<i>sumatriptan</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 18 yrs old)
UBRELVY	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail); ST	Migraine Combinations		
Migraine Combinations			<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)
<i>ergotamine w/ caffeine TABS</i>	1B	QL(1.5 ea daily)	<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)
<i>sumatriptan-naproxen sodium</i>	3	QL(10 ea per 30 day(s) retail; 10 ea per 30 days mail)			

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>sumatriptan succinate SOAJ</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	1B	
<i>sumatriptan succinate SOCT</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	ISOLYTE-S	1B	
<i>sumatriptan succinate SOLN 6 MG/0.5ML</i>	1B	QL(0.134 ml daily); AL(At least 18 yrs old)	KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride</i>)	1B	
<i>sumatriptan succinate TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 18 yrs old)	<i>lactated ringer's</i>	1B	
<i>zolmitriptan SOLN</i>	1B	QL(0.2 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-M/D5W	1B	
<i>zolmitriptan TABS</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	NORMOSOL-R	1B	
<i>zolmitriptan TBDP</i>	1B	QL(0.3 ea daily); AL(At least 12 yrs old); ST	PLASMA-LYTE A (<i>electrolyte-a</i>)	1B	
MINERALS & ELECTROLYTES			PLASMA-LYTE-148 (<i>electrolyte-148</i>)	1B	
Bicarbonates			<i>potassium chloride in dextrose 5 %-20 MEQ/L</i>	1B	
<i>sodium acetate SOLN</i>	1B		<i>potassium chloride in dextrose & sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
SODIUM ACETATE SOLN (<i>sodium acetate</i>)	1B		<i>potassium chloride in nacl 20 MEQ/L-0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L-0.9 %</i>	1B	
Calcium			POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	1B	
<i>calcium chloride (dihydrate) SOLN</i>	1B		POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (<i>potassium chloride in nacl</i>)	1B	
Electrolyte Mixtures			<i>ringer's</i>	1B	
<i>dextrose in lactated ringers</i>	1B		Fluoride		
<i>electrolyte-148</i>	1B		<i>sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG</i>	0	QL(1 ea daily)
<i>electrolyte-a</i>	1B				
IONOSOL-MB/DEXTROSE 5%	1B				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Magnesium			<i>lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG</i>	4	QL(1 ea daily); SP; PA
<i>magnesium sulfate IJ 50 %</i>	1B		THALOMID	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Phosphate			Immunosuppressive Agents		
<i>potassium phosphates 236 MG/ML-224 MG/ML</i>	1B		ATGAM	4	SP; PA
Potassium			AZATHIOPRINE	1B	
<i>potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML</i>	1B		<i>azathioprine TABS</i>	1B	
<i>potassium bicarbonate TBEF</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride microencapsulated crystals er</i>	1B		<i>cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN</i>	1B	
<i>potassium chloride CPCR</i>	1B		<i>cyclosporine CAPS</i>	1B	
<i>potassium chloride PACK OR 20 MEQ</i>	1B	PA	<i>cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML</i>	1B	
<i>potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML</i>	1B		ENSPRYNG	4	PA
POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (<i>potassium chloride</i>)	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG</i>	4	QL(20 ea daily); SP; PA
<i>potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ</i>	1B		<i>everolimus (immunosuppressant) 1 MG</i>	4	QL(10 ea daily); PA
Sodium			<i>mycophenolate mofetil CAPS</i>	1B	
<i>sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %</i>	1B		<i>mycophenolate mofetil TABS</i>	1B	
MISCELLANEOUS THERAPEUTIC CLASSES			<i>mycophenolate sodium</i>	1B	
Chelating Agents			NULOJIX	4	SP; PA
<i>penicillamine CAPS</i>	1B	PA	PROGRAF PACK	2	PA
<i>penicillamine TABS</i>	1B	QL(8 ea daily)	PROGRAF SOLN	2	
<i>trientine hcl 250 MG</i>	4	QL(8 ea daily); SP; PA	SIMULECT	3	
Immunomodulators			<i>sirolimus TABS</i>	1B	
<i>lenalidomide 20 MG</i>	4	QL(1 ea daily); PA	<i>tacrolimus CAPS</i>	1B	
			THYMOGLOBULIN	4	SP; PA
			Irrigation Solutions		
			<i>irrigation solutions, physiological</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>lactated ringer's (irrigation)</i>	1B	
<i>ringer's irrigation</i>	1B	
<i>water for irrigation, sterile</i>	1B	
Potassium Removing Agents		
LOKELMA	3	QL(1 ea daily); PA
<i>sodium polystyrene sulfonate POWD</i>	1B	
<i>sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML</i>	1B	
MOUTH/THROAT/DENTAL AGENTS		
Anesthetics Topical Oral		
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 2 %</i>	1B	QL(4 ml daily)
<i>lidocaine hcl (mouth-throat) 4 %</i>	1B	
Anti-infectives - Throat		
<i>clotrimazole</i>	1B	
<i>nystatin (mouth-throat)</i>	1B	
Antiseptics - Mouth/Throat		
<i>chlorhexidine gluconate (mouth-throat)</i>	1B	
DEBACTEROL	2	
Dental Products		
<i>stannous fluoride CONC</i>	0	RX/OTC
Steroids - Mouth/Throat/Dental		
<i>triamcinolone acetonide (mouth)</i>	1B	
Throat Products - Misc.		
<i>cevimeline hcl</i>	1B	
<i>pilocarpine hcl (oral)</i>	1B	
MULTIVITAMINS		
Ped MV w/ Fluoride		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>pediatric multivitamins w/fl CHEW</i>	1A	RX/OTC
Prenatal Vitamins		
CLASSIC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG-263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	2	QL(1 ea daily)
EQL PRENATAL FORMULA TABS	2	QL(1 ea daily)
GNP PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
MASONATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
M-NATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MULTI PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG-27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NEONATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
NIVA-PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRENATAL ONE DAILY TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL PLUS VITAMIN AND MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG-4000 UNIT-30 UNIT	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL VITAMIN TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
PRENATRIX TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PRENATRYL TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
QC PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	2	QL(1 ea daily)
RA PRENATAL TABS	2	QL(1 ea daily)
SM PRENATAL VITAMINS TABS	2	QL(1 ea daily)
THERANATAL CORE NUTRITION TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
TRICARE TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VITATHELY/GINGER TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
WESTAB PLUS TABS	2	QL(1 ea daily); RX/OTC
MUSCULOSKELETAL THERAPY AGENTS - Drugs to Treat Spasms		
Central Muscle Relaxants		
<i>baclofen TABS</i>	1B	
<i>carisoprodol TABS</i>	1B	
<i>chlorzoxazone TABS 750 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>chlorzoxazone TABS 500 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG</i>	1A	QL(3 ea daily)
<i>metaxalone 800 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>methocarbamol TABS 500 MG, 750 MG</i>	1B	
<i>orphenadrine citrate TB12</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>tizanidine hcl CAPS</i>	1B	
<i>tizanidine hcl TABS</i>	1B	
Direct Muscle Relaxants		
<i>dantrolene sodium CAPS</i>	1B	QL(4 ea daily)
NASAL AGENTS - SYSTEMIC AND TOPICAL - Drugs to treat the Nose or Sinus		
Nasal Antiallergy		
<i>azelastine hcl</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl (nasal)</i>	1B	
Nasal Anticholinergics		
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.06 %</i>	1B	
<i>ipratropium bromide (nasal) 0.03 %</i>	1B	QL(1 ml daily)
Nasal Steroids		
<i>budesonide (nasal)</i>	1B	
<i>flunisolide (nasal) 0.025 %</i>	1B	1 package(s) per fill retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>fluticasone propionate (nasal) SUSP</i>	1B	Limit 2 inhalers per month; QL(32 ml per 30 day(s) retail); RX/OTC	<i>timolol maleate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>mometasone furoate (nasal) SUSP</i>	1B	QL(1.14 gm daily); PA; RX/OTC	Cycloplegic Mydriatics		
<i>triamcinolone acetonide (nasal) AERO</i>	1B		<i>tropicamide SOLN 1 %</i>	1B	
XHANCE EXHU	3	PA	<i>tropicamide SOLN 0.5 %</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
NEUROMUSCULAR AGENTS - Drugs to Relax/Paralyze Muscles			Miotics		
ALS Agents			<i>pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 %</i>	1B	
<i>riluzole TABS</i>	3		Ophthalmic Adrenergic Agents		
Nondepolarizing Muscle Relaxants			<i>apraclonidine hcl</i>	1B	
<i>atracurium besylate 100 MG/10ML</i>	3	PA	<i>brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %</i>	1B	
NUTRIENTS			IOPIDINE	3	
Proteins			Ophthalmic Anti-infectives		
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10%	3		AZASITE	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail)
CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5%	3		<i>bacitracin (ophthalmic)</i>	3	
CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20%	3		<i>ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN</i>	1B	
OPHTHALMIC AGENTS - Drugs to Treat the Eye			<i>erythromycin (ophth)</i>	1B	
Beta-blockers - Ophthalmic			<i>gatifloxacin (ophth)</i>	1B	
<i>betaxolol hcl (ophth) SOLN</i>	1B		<i>gentamicin sulfate (ophth) OINT</i>	1B	
<i>brimonidine tartrate-timolol maleate</i>	1B		<i>gentamicin sulfate (ophth) SOLN</i>	1B	
<i>carteolol hcl (ophth)</i>	1B		KLARITY-A	3	QL(2.5 ml per 30 day(s) retail)
<i>dorzolamide hcl-timolol maleate</i>	1B		<i>levofloxacin (ophth) 0.5 %</i>	1B	
<i>levobunolol hcl 0.5 %</i>	1B		<i>moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP</i>	1B	
<i>timolol maleate (ophth) SOLG</i>	1B		NATACYN	2	
			<i>neomycin-bacitracin zn-polymyxin</i>	1B	
			<i>ofloxacin (ophth)</i>	1B	
			<i>polymyxin b-trimethoprim</i>	1B	
			<i>sulfacetamide sodium (ophth) SOLN</i>	1B	
			<i>tobramycin (ophth) SOLN</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>trifluridine</i>	1B	
ZIRGAN GEL	2	
Ophthalmic Immunomodulators		
<i>cyclosporine (ophth) EMUL</i>	3	PA
Ophthalmic Local Anesthetics		
<i>proparacaine hcl</i>	1B	
Ophthalmic Steroids		
ALREX SUSP (<i>loteprednol etabonate</i>)	3	PA
<i>dexamethasone sodium phosphate (ophth)</i>	1B	QL(0.4 ml daily)
<i>difluprednate</i>	1B	PA
<i>fluorometholone (ophth) SUSP</i>	1B	
FML FORTE SUSP	3	PA
FML OINT	3	PA
LOTEMAX OINT	3	PA
<i>loteprednol etabonate GEL</i>	1B	PA
<i>loteprednol etabonate SUSP</i>	1B	PA
MAXIDEX SUSP OP	3	PA
<i>neomycin-polymyx-dexameth OINT</i>	1B	
<i>neomycin-polymyx-dexameth SUSP</i>	1B	
<i>neomycin-polymyxin-hc (ophth)</i>	1B	QL(2.5 ml daily)
PRED MILD	3	PA
<i>prednisolone acetate (ophth)</i>	1B	
PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	3	
<i>tobramycin-dexamethasone SUSP</i>	1B	
Ophthalmics - Misc.		
ALOCRIAL	3	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
ALOMIDE	3	PA
<i>azelastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>bepotastine besilate</i>	3	PA
<i>brinzolamide</i>	1B	
<i>bromfenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>cromolyn sodium (ophth)</i>	1B	
CYSTARAN	2	QL(2.143 ml daily); PA
<i>diclofenac sodium (ophth)</i>	1B	
<i>dorzolamide hcl</i>	1B	
<i>epinastine hcl (ophth)</i>	1B	
<i>flurbiprofen sodium</i>	1B	
<i>ketorolac tromethamine (ophth)</i>	1B	
<i>ketotifen fumarate (ophth) 0.035 %</i>	1B	
LASTACAFT	3	PA
NEVANAC	3	QL(0.2 ml daily); ST
<i>olopatadine hcl 0.2 %</i>	1B	RX/OTC
<i>olopatadine hcl 0.1 %</i>	1B	QL(0.34 ml daily); RX/OTC
Prostaglandins - Ophthalmic		
<i>bimatoprost SOLN</i>	3	
<i>latanoprost SOLN</i>	1B	
<i>tafluprost</i>	1B	
<i>travoprost SOLN</i>	1B	
OTIC AGENTS - Drugs to Treat the Ear		
Otic Agents - Miscellaneous		
<i>acetic acid (otic)</i>	1B	QL(0.5 ml daily)
Otic Anti-infectives		
<i>ciprofloxacin hcl (otic)</i>	1B	
<i>ofloxacin (otic)</i>	1B	
Otic Combinations		
<i>ciprofloxacin-dexamethasone</i>	1B	PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>ciprofloxacin-fluocinolone acetonide</i>	1B	QL(0.5 ea daily); PA
CORTISPORIN-TC	3	
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN</i>	1B	QL(2 ml daily)
<i>neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP</i>	1B	
Otic Steroids		
<i>fluocinolone acetonide (otic)</i>	1B	
<i>hydrocortisone w/acetic acid</i>	1B	
PASSIVE IMMUNIZING AND TREATMENT AGENTS - Antibody Drugs to Treat Low Immune System		
Immune Serums		
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML	4	PA
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR	4	SP; PA
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML	4	SP; PA
GAMUNEX-C	4	SP; PA
Passive Immunizing Agents - Combinations		
HYQVIA	4	PA
PENICILLINS - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Aminopenicillins		
<i>amoxicillin CAPS</i>	1A	
<i>amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG</i>	1B	
<i>amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML</i>	1B	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>amoxicillin SUSR 125 MG/5ML</i>	1A	
<i>amoxicillin TABS</i>	1B	
<i>ampicillin sodium IJ 1 GM</i>	1B	
<i>ampicillin CAPS 500 MG</i>	1B	
Natural Penicillins		
<i>penicillin g potassium 5000000 UNIT</i>	1B	
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML	1B	
PENICILLIN G PROCAINE	3	
<i>penicillin g sodium</i>	3	
<i>penicillin v potassium SOLR</i>	1B	
<i>penicillin v potassium TABS</i>	1B	
Penicillin Combinations		
<i>amoxicillin & pot clavulanate CHEW</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate SUSR</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TABS</i>	1B	
<i>amoxicillin & pot clavulanate TB12</i>	1B	
<i>ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM</i>	1B	
<i>piperacillin sodium-tazobactam sodium</i>	1B	
Penicillinase-Resistant Penicillins		
<i>dicloxacillin sodium</i>	1B	
<i>nafcillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
<i>oxacillin sodium IV 10 GM</i>	1B	
PROGESTINS - Hormone Replacement/Modifying Drugs		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Progestins		
<i>medroxyprogesterone acetate 2.5 MG, 5 MG</i>	1B	
<i>medroxyprogesterone acetate 10 MG</i>	1A	
<i>megestrol acetate (appetite)</i>	1B	PA
<i>norethindrone acetate TABS</i>	0	
<i>progesterone CAPS</i>	1B	
PSYCHOTHERAPEUTIC AND NEUROLOGICAL AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Mental and Emotional Conditions		
Agents for Chemical Dependency		
<i>acamprosate calcium</i>	0	
<i>disulfiram</i>	0	
<i>lofexidine hcl</i>	0	QL(224 ea per 14 day(s) retail)
Antidementia Agents		
<i>donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TABS 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 10 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>donepezil hydrochloride TBDP 5 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>galantamine hydrobromide SOLN</i>	1B	QL(6 ml daily)
<i>galantamine hydrobromide TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>memantine hcl TABS</i>	1B	
<i>rivastigmine tartrate CAPS</i>	1B	
Combination Psychotherapeutics		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>chlordiazepoxide-amitriptyline</i>	0	
LYBALVI	0	QL(1 ea daily); PA
<i>olanzapine-fluoxetine hcl</i>	0	
<i>perphenazine-amitriptyline</i>	0	QL(4 ea daily)
Fibromyalgia Agents		
SAVELLA TITRATION PACK MISC	2	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; PA
SAVELLA TABS	2	QL(2 ea daily); PA
Movement Disorder Drug Therapy		
AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPk	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	4	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; 1 max fill(s) per 180 day(s) mail; PA
AUSTEDO XR TB24	4	QL(1 ea daily); PA
AUSTEDO TABS	0	QL(4 ea daily); PA
INGREZZA CAPS	0	QL(1 ea daily); 1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPPK	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail; PA
INGREZZA CPSP	4	QL(1 ea daily); PA
<i>tetrabenazine</i>	4	QL(3 ea daily); SP; PA
Multiple Sclerosis Agents		
AVONEX PEN AJKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
AVONEX PSKT	4	QL(0.0714 ml daily); SP; PA
BETASERON KIT	4	QL(0.5 ea daily); SP; PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>dalfampridine</i>	4	QL(2 ea daily); SP; PA	Psychotherapeutic and Neurological Agents - Misc.		
<i>dimethyl fumarate CDPK</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>ergoloid mesylates TABS</i>	1B	
<i>dimethyl fumarate CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)	<i>pimozide</i>	0	
<i> fingolimod hcl</i>	4	QL(1 ea daily)	Smoking Deterrents		
<i>glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML</i>	3	QL(0.43 ml daily)	<i>bupropion hcl (smoking deterrent)</i>	0	QL(2 ea daily)
<i>glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML</i>	3	QL(1 ml daily)	<i>nicotine polacrilex GUM</i>	0	
KESIMPTA	4	QL(0.0144 ml daily); PA	<i>nicotine polacrilex LOZG</i>	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	0	
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>nicotine MISC XX</i>	0	QL(1 ea daily)
PLEGRIDY SOAJ	4	QL(0.036 ml daily); PA	<i>nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR</i>	0	QL(1 ea daily)
PLEGRIDY SOSY IM	4	QL(0.036 ml daily); PA	NICOTROL INHALER INHA	0	
REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	NICOTROL NS SOLN	0	
REBIF REBIDOSE SOAJ	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA	<i>varenicline tartrate TABS</i>	0	QL(2 ea daily)
REBIF TITRATION PACK SOSY	4	1 max fill(s) per 365 day(s) retail; SP; PA	<i>varenicline tartrate TBPK</i>	0	
REBIF SOSY	4	QL(0.214 ml daily); SP; PA	Transthyretin Amyloidosis Agents		
<i>teriflunomide</i>	4	QL(1 ea daily)	TEGSEDI	4	PA
Postherpetic Neuralgia (PHN)/Neuropathic Pain Agents			RESPIRATORY AGENTS - MISC. - Drugs to Treat Lung Conditions		
<i>pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG</i>	3	QL(1 ea daily); PA	Alpha-Proteinase Inhibitor (Human)		
<i>pregabalin (once-daily) 330 MG</i>	3	QL(2 ea daily); PA	PROLASTIN-C SOLN	4	PA
Premenstrual Dysphoric Disorder (PMDD) Agents			Cystic Fibrosis Agents		
<i>fluoxetine hcl (pmdd) TABS</i>	0		KALYDECO TABS	4	QL(2 ea daily); SP; PA
Pseudobulbar Affect (PBA) Agents			ORKAMBI PACK	4	QL(2 ea daily); PA
NUEDEXTA	3	QL(2 ea daily); PA	ORKAMBI TABS	4	QL(4 ea daily); PA
			PULMOZYME	4	QL(2.5 ml daily); SP; PA
			TRIKAFTA TBPK	4	QL(3 ea daily); PA

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Pulmonary Fibrosis Agents		
OFEV	4	QL(2 ea daily); PA
<i>pirfenidone TABS 534 MG</i>	4	QL(3 ea daily); PA
SULFONAMIDES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Sulfonamides		
<i>sulfadiazine TABS</i>	1B	
TETRACYCLINES - Drugs to Treat Bacterial Infections		
Fluorocyclines		
XERAVA	4	PA
Glycylcyclines		
<i>tigecycline</i>	1B	
Tetracyclines		
<i>demeclocycline hcl TABS</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate CAPS</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>doxycycline hyclate SOLR</i>	1B	
<i>doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>minocycline hcl CAPS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>minocycline hcl TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
<i>tetracycline hcl CAPS</i>	1B	QL(8 ea daily)
THYROID AGENTS - Drugs to Regulate Thyroid Hormones		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Antithyroid Agents		
<i>methimazole TABS</i>	1B	
<i>propylthiouracil</i>	1B	
Thyroid Hormones		
ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	2	
ARMOUR THYROID TABS	2	QL(1 ea daily)
<i>levothyroxine sodium TABS</i>	1B	
<i>liothyronine sodium SOLN</i>	1B	
<i>liothyronine sodium TABS</i>	0	
NP THYROID 120 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 15 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 30 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 60 TABS	1B	QL(1 ea daily)
NP THYROID 90 TABS	1B	QL(1 ea daily)
SYNTHROID TABS (<i>levothyroxine sodium</i>)	2	
TOXOIDS		
Toxoid Combinations		
ADACEL SUSP	0	
BOOSTRIX SUSP	0	
BOOSTRIX SUSY	0	
DAPTACEL	0	
DIPHTHERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP	0	
INFANRIX	0	
KINRIX SUSY	0	
PEDIARIX SUSY	0	
PENTACEL	0	
QUADRACEL SUSP	0	
QUADRACEL SUSY	0	
TDVAX SUSP	0	
TENIVAC INJ	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS-ADSORBED ADULT SUSP	0	
ULCER DRUGS - Drugs to Treat Bowel, Intestine and Stomach Conditions		
Antispasmodics		
<i>atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML</i>	1B	
<i>atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML</i>	1B	
<i>chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl CAPS</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl SOLN OR</i>	1B	
<i>dicyclomine hcl TABS</i>	1B	
<i>glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML</i>	1B	
<i>glycopyrrolate TABS 2 MG</i>	1B	QL(6 ea daily)
<i>glycopyrrolate TABS 1 MG</i>	1B	
<i>methscopolamine bromide</i>	1B	
H-2 Antagonists		
<i>cimetidine TABS</i>	1B	RX/OTC
<i>famotidine in nacl SOLN</i>	1B	
<i>famotidine SOLN 20 MG/2ML</i>	1A	
<i>famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200 MG/20ML</i>	1B	
<i>famotidine SUSR</i>	1B	QL(10 ml daily)
<i>famotidine TABS 20 MG, 40 MG</i>	1B	RX/OTC
<i>nizatidine CAPS</i>	1B	
<i>ranitidine hcl TABS 150 MG</i>	1B	
Misc. Anti-Ulcer		
<i>sucralfate SUSP</i>	1B	QL(40 ml daily)
<i>sucralfate TABS</i>	1B	QL(4 ea daily)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
Proton Pump Inhibitors		
<i>dexlansoprazole</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium CPDR 20 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
<i>esomeprazole magnesium CPDR 40 MG</i>	3	QL(1 ea daily)
<i>esomeprazole magnesium TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>lansoprazole CPDR 30 MG</i>	1B	
<i>lansoprazole CPDR 15 MG</i>	1B	QL(2 ea daily); RX/OTC
NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole magnesium CPDR</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>omeprazole CPDR</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>omeprazole TBEC</i>	1B	QL(2 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 20 MG</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>pantoprazole sodium TBEC 40 MG</i>	1B	
<i>rabeprazole sodium TBEC</i>	3	QL(1 ea daily)
Ulcer Drugs - Prostaglandins		
<i>misoprostol</i>	1B	QL(4 ea daily)
Ulcer Therapy Combinations		
<i>amoxicillin-clarithromycin w/ lansoprazole THPK</i>	1B	14 day(s) max supply per 365 day(s) retail; 14 day(s) max supply per 365 day(s) mail
<i>omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG</i>	1B	RX/OTC
URINARY ANTISPASMODICS - Drugs to Treat Miscellaneous Bladder Spasms		
Urinary Antispasmodic - Antimuscarinics (Anticholinergic)		

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>darifenacin hydrobromide</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>fesoterodine fumarate</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>oxybutynin chloride SOLN</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TABS 5 MG</i>	1B	
<i>oxybutynin chloride TB24</i>	1B	
<i>solifenacin succinate TABS</i>	1B	QL(1 ea daily); PA
<i>tolterodine tartrate CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tolterodine tartrate TABS</i>	1B	
<i>tropium chloride CP24</i>	1B	QL(1 ea daily)
<i>tropium chloride TABS</i>	1B	QL(3 ea daily)
Urinary Antispasmodics - Cholinergic Agonists		
<i>bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG</i>	1B	QL(4 ea daily)
<i>bethanechol chloride 25 MG</i>	1B	
Urinary Antispasmodics - Direct Muscle Relaxants		
<i>flavoxate hcl</i>	1B	
VACCINES		
Bacterial Vaccines		
ACTHIB SOLR IM	0	
BEXSERO	0	
HIBERIX SOLR IJ	0	
MENACTRA	0	
MENQUADFI	0	
MENVEO SOLR	0	
PEDVAX HIB SUSP	0	
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	0	
PNEUMOVAX 23 SOSY	0	
PREVNAR 13	0	
PREVNAR 20	0	1 max fill(s) per 999 day(s) retail
TRUMENBA	0	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
VAXNEUVANCE	0	4 max fill(s) per 999 day(s) retail
Viral Vaccines		
ABRYSVO	0	
AFLURIA 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
AREXVY	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSP	0	
COMIRNATY 2023-24 SUSY	0	
COMIRNATY 2024-25 SUSY	0	
COMIRNATY SUSP	0	
ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
ENGERIX-B SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail; 3 max fill(s) per 365 day(s) mail
FLUAD 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUARIX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST NASAL VACCINE 2024-2025	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022-2023	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUMIST QUADRIVALENT	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-2024	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE 2024-2025 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022-2023	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	Limit 1 dose per season; 1 max fill(s) per 180 day(s) retail	FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023-2024	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail
			FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits	Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
FLUZONE QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
FLUZONE QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	0	1 max fill(s) per 180 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSP	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP	0	
GARDASIL 9 SUSY	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP	0	
HAVRIX	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP	0	
HEPLISAV-B SOSY	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP	0	
IPOL INACTIVATED IPV	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP	0	
JANSSEN COVID-19 VACCINE	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP	0	
M-M-R II SOLR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/5-11Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6 M-4Y	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSY	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/B A.4/BA.5	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6M O-5Y	0		PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP	0	
MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA. 4/BA.5	0		PREHEVBRIO	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	0				
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	0				
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0				

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
PRIORIX SUSR	0	3 max fill(s) per 365 day(s) retail
PROQUAD SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
RECOMBIVAX HB SUSP	0	
RECOMBIVAX HB SUSY	0	
ROTARIX SUSP	0	
ROTARIX SUSR	0	
ROTATEQ SOLN	0	
SHINGRIX	0	2 max fill(s) per 999 day(s) retail; AL(At least 18 yrs old)
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	0	
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	0	
TWINRIX SUSY	0	
VAQTA	0	
VARIVAX SUSR	0	2 max fill(s) per 365 day(s) retail
VAGINAL AND RELATED PRODUCTS		
Miscellaneous Vaginal Products		
INTRAROSA	3	QL(1 ea daily); PA
Spermicides		
TODAY SPONGE MISC	0	
Vaginal Anti-infectives		
<i>clindamycin phosphate vaginal CREA</i>	1B	
<i>clotrimazole vaginal CREA 1 %</i>	1B	
GYNAZOLE-1	3	QL(5 gm per 30 day(s) retail)

Drug Name	Drug Tier	Requirements/Limits
<i>metronidazole vaginal</i>	1B	
<i>miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG</i>	1B	
<i>terconazole vaginal CREA</i>	1B	
<i>terconazole vaginal SUPP</i>	1B	
Vaginal Anti-inflammatory Agents		
<i>hydrocortisone vaginal</i>	1B	QL(15.15 gm daily)
Vaginal Contraceptive - pH Modulators		
PHEXXI	0	PV
Vaginal Estrogens		
<i>estradiol vaginal CREA</i>	1B	QL(2 gm daily)
<i>estradiol vaginal TABS</i>	1B	
FEMRING	3	PA
PREMARIN	2	QL(1.5 gm daily)
VASOPRESSORS - Drugs to Treat Heart and Circulation Conditions		
Anaphylaxis Therapy Agents		
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML</i>	2	QL(2 ea per fill retail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail
<i>epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML</i>	1B	QL(2 ea per fill retail; 2 per fill mail); 2 max fill(s) per 365 day(s) retail; 2 max fill(s) per 365 day(s) mail
Vasopressors		
<i>midodrine hcl</i>	1B	
VITAMINS		
Oil Soluble Vitamins		
<i>cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT</i>	1A	

Drug Name	Drug Tier	Requirements/ Limits
<i>cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT</i>	0	
<i>ergocalciferol CAPS</i>	0	
<i>ergocalciferol SOLN OR</i>	1B	
VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	0	AL(At least 65 yrs old)
Water Soluble Vitamins		
NIACIN TR TBCR	1B	
<i>niacinamide TABS 500 MG</i>	1A	
<i>niacinamide TABS 100 MG</i>	1B	
<i>niacin CPCR 250 MG, 500 MG</i>	1A	
<i>niacin TABS</i>	1A	
<i>niacin TBCR</i>	1A	

INDEX

abacavir sulfate SOLN	31	acitretin 10 MG, 17.5 MG	41	AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	67
abacavir sulfate TABS	31	acitretin 25 MG	41	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	67
abacavir sulfate-lamivudine	31	ACTEMRA SOLN	4	AFLURIA QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	67
ABELCET	19	ACTHAR GEL	46	AFSTYLA	50
ABILIFY ASIMTUFII PRSY	31	ACTHIB SOLR IM	67	AIMOVIG	55
ABILIFY MAINTENA PRSY	31	ACTIMMUNE 100 MCG/0.5ML	28	AIMSCO LUBRICATED MISC	53
ABILIFY MAINTENA SRER	31	acyclovir CAPS	33	AKYNZEO	18
ABILIFY MYCITE MAINTENANCE KIT	31	acyclovir SUSP	33	albendazole	8
ABILIFY MYCITE STARTER KIT	31	acyclovir TABS OR	33	albuterol sulfate AERS	10
abiraterone acetate 250 MG	26	acyclovir topical CREA	41	albuterol sulfate NEBU 0.083 %, 0.63 MG/3ML, 1.25 MG/3ML	10
abiraterone acetate 500 MG	26	acyclovir topical OINT	41	albuterol sulfate NEBU 0.5 %, 2.5 MG/0.5ML	10
ABRYSVO	67	ADACEL SUSP	65	albuterol sulfate SYRP	10
acamprosate calcium	63	ADALIMUMAB-ADAZ SOAJ	3	albuterol sulfate TABS	10
acarbose	15	ADALIMUMAB-ADAZ SOSY	3	alclometasone dipropionate CREA	41
acebutolol hcl CAPS	33	adapalene CREA	38	alclometasone dipropionate OINT	41
acetaminophen w/ codeine SOLN	6	adapalene GEL	38	ALDURAZYME	47
acetaminophen w/ codeine TABS 15 MG-300 MG	6	adapalene-benzoyl peroxide GEL 2.5 %-0.1 %	38	ALECENSA	27
acetaminophen w/ codeine TABS 30 MG-300 MG	6	ADASUVE	30	alendronate sodium TABS 35 MG, 70 MG	46
acetaminophen w/ codeine TABS 60 MG-300 MG	6	ADCETRIS	25	alendronate sodium TABS 5 MG, 10 MG	46
acetaminophen-caff-dihydrocod CAPS 30 MG-320.5 MG-16 MG	6	adefovir dipivoxil	33	alfuzosin hcl	49
acetazolamide CP12	45	ADEMPAS	35	ALINIA SUSR	22
acetazolamide sodium	45	ADTHYZA TABS 16.25 MG, 32.5 MG, 65 MG, 97.5 MG, 130 MG	65	aliskiren fumarate	22
acetazolamide TABS 125 MG	45	ADVATE	50	allopurinol 100 MG, 300 MG	50
acetazolamide TABS 250 MG	45	ADYNOVATE	50	almotriptan malate 12.5 MG	55
acetic acid (otic)	61	ADZENYS XR-ODT TBED	1	almotriptan malate 6.25 MG	55
acetic acid 0.25 %	49	AFLURIA 2024-2025 SUSP	67		
acetylcysteine SOLN	38	AFLURIA 2024-2025 SUSY	67		
		AFLURIA QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	67		

ALOCRIL	61	amiloride & hydrochlorothiazide ..	45	lansoprazole THPK	66
alogliptin benzoate	16	amiloride hcl TABS	45	amphetamine sulfate TABS	1
alogliptin-metformin hcl	15	aminocaproic acid TABS	51	amphetamine-dextroamphetamine CP24 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG	1
alogliptin-pioglitazone 15 MG-25 MG, 30 MG-25 MG, 45 MG-25 MG	15	aminophylline SOLN	11	amphetamine-dextroamphetamine CP24 12.5 MG-12.5 MG-12.5 MG- 12.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG- 3.75 MG-3.75 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 9.375 MG- 9.375 MG-9.375 MG-9.375 MG	1
alogliptin-pioglitazone 30 MG-12.5 MG	15	amiodarone hcl SOLN 50 MG/ML ..	9	amphetamine-dextroamphetamine CP24 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG, 6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG-6.25 MG, 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALOMIDE	61	amiodarone hcl TABS	9	amphetamine-dextroamphetamine TABS 1.25 MG-1.25 MG-1.25 MG- 1.25 MG, 1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG-1.875 MG, 2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG-2.5 MG, 3.125 MG-3.125 MG- 3.125 MG-3.125 MG, 3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG-3.75 MG, 5 MG-5 MG-5 MG-5 MG	1
alose tron hcl	49	amitriptyline hcl TABS	15	amphetamine-dextroamphetamine TABS 7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG-7.5 MG	1
ALPRAZOLAM INTENSOL CONC ..	8	amlodipine besylate TABS	34	amphotericin b IV	19
alprazolam TABS	8	amlodipine besylate-atorvastatin calcium	35	amphotericin b liposome	19
alprazolam TB24	8	amlodipine besylate-benazepril hcl 21		ampicillin & sulbactam sodium IJ 1 GM-0.5 GM, 2 GM-1 GM	62
alprazolam TBDP	8	amlodipine besylate-olmesartan medoxomil	21	ampicillin CAPS 500 MG	62
ALPROLIX	50	amlodipine besylate-valsartan	21	ampicillin sodium IJ 1 GM	62
ALREX SUSP (loteprednol etabonate)	61	amlodipine-valsartan- hydrochlorothiazide	21	anagrelide hcl	50
ALTABAX	39	amoxapine	15	anastrozole	26
ALTUVIIIIO	50	amoxicillin & pot clavulanate CHEW . 62		ANDRODERM PT24 2 MG/24HR, 4 MG/24HR	7
ALUNBRIG TABS	27	amoxicillin & pot clavulanate SUSR 62			
ALUNBRIG TBPk	27	amoxicillin & pot clavulanate TABS 62			
ALVESCO	10	amoxicillin CAPS	62		
alvimopan	49	amoxicillin CHEW 125 MG, 250 MG . 62			
amantadine hcl CAPS	29	amoxicillin SUSR 125 MG/5ML	62		
amantadine hcl SOLN	29	amoxicillin SUSR 200 MG/5ML, 250 MG/5ML, 400 MG/5ML	62		
amantadine hcl TABS	29	amoxicillin TABS	62		
ambrisentan	35	amoxicillin-clarithromycin w/			
amcinonide CREA	42				
amcinonide LOTN	42				
amcinonide OINT	42				
amikacin sulfate SOLN 1 GM/4ML, 500 MG/2ML	2				

ANNOVERA	37	armodafinil	2	AUSTEDO PATIENT TITRATION KIT TBPB	63
ANORO ELLIPTA	10	ARMOUR THYROID TABS	65	AUSTEDO TABS	63
ANZEMET TABS 50 MG	18	ARNUITY ELLIPTA	10	AUSTEDO XR PATIENT TITRATION KIT TEPK	63
APIDRA SOLN	17	arsenic trioxide 10 MG/10ML	28	AUSTEDO XR TB24	63
APIDRA SOLOSTAR SOPN	17	ARZERRA	25	AUVELITY	14
APLENZIN	14	asenapine maleate 2.5 MG	30	avanafil	35
apomorphine hydrochloride SOCT	29	asenapine maleate 5 MG, 10 MG	30	AVONEX PEN AJKT	63
apraclonidine hcl	60	aspirin CHEW	5	AVONEX PSKT	63
aprepitant CAPS 40 MG, 125 MG	18	aspirin TABS 325 MG	5	AYVAKIT	26
aprepitant CAPS 80 MG	18	aspirin TBEC 325 MG	5	azacitidine SUSR	24
aprepitant CAPS	18	aspirin TBEC 81 MG	5	AZASITE	60
aprepitant MISC	18	aspirin-dipyridamole	50	AZATHIOPRINE	57
APTIOM	12	atazanavir sulfate CAPS 150 MG, 300 MG	31	azathioprine TABS	57
APTIVUS CAPS	31	atazanavir sulfate CAPS 200 MG	31	azelaic acid GEL	44
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 25 MCG/ML	51	atenolol & chlorthalidone	21	azelastine hcl (ophth)	61
ARANESP ALBUMIN FREE SOLN 40 MCG/ML, 60 MCG/ML, 100 MCG/ML	51	atenolol TABS	33	azelastine hcl	59
ARANESP ALBUMIN FREE SOSY 150 MCG/0.3ML, 200 MCG/0.4ML, 300 MCG/0.6ML, 500 MCG/ML	51	ATGAM	57	AZELEX	39
ARCALYST	4	atomoxetine hcl 10 MG, 18 MG, 25 MG, 40 MG	1	azithromycin PACK	52
AREXVY	67	atomoxetine hcl 60 MG, 80 MG, 100 MG	1	azithromycin SOLR	52
arformoterol tartrate	10	atorvastatin calcium TABS	20	azithromycin SUSR	52
ARIKAYCE	2	atovaquone	22	azithromycin TABS 250 MG	52
aripiprazole SOLN OR	31	atovaquone-proguanil hcl	23	azithromycin TABS 500 MG	52
aripiprazole TABS	31	atracurium besylate 100 MG/10ML 60		azithromycin TABS 600 MG	52
aripiprazole TBDP 10 MG	31	atropine sulfate SOLN IJ 0.4 MG/ML, 1 MG/ML	66	aztreonam 1 GM	23
aripiprazole TBDP 15 MG	31	atropine sulfate SOSY IJ 0.25 MG/5ML	66	bacitracin (ophthalmic)	60
ARISTADA	31	ATROVENT HFA	9	bacitracin	22
ARISTADA INITIO	31			baclofen TABS	59

balsalazide disodium CAPS	48	betamethasone dipropionate (topical) CREA	42	bleomycin sulfate 15 UNIT	26
BALVERSA	27	betamethasone dipropionate (topical) LOTN	42	BOOSTRIX SUSP	65
BARACLUDE SOLN	33	betamethasone dipropionate (topical) OINT	42	BOOSTRIX SUSY	65
BASAGLAR KWIKPEN SOPN	17	betamethasone dipropionate augmented CREA	42	bortezomib SOLR IJ	27
BAXDELA SOLR	48	betamethasone dipropionate augmented LOTN	42	BORTEZOMIB SOLR IV 3.5 MG ..	27
BAXDELA TABS	48	betamethasone dipropionate augmented OINT	42	bosentan TABS 125 MG	35
BELSOMRA	52	betamethasone dipropionate augmented LOTN	42	bosentan TABS 62.5 MG	35
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG, 25 MG-20 MG ...	21	betamethasone dipropionate augmented OINT	42	BOSULIF TABS 100 MG, 500 MG	27
benazepril & hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG, 6.25 MG-5 MG ..	21	betamethasone dipropionate augmented LOTN	42	BOSULIF TABS 400 MG	27
benazepril hcl	20	betamethasone valerate CREA ...	42	BRAFTOVI 75 MG	27
bendamustine hcl SOLR	24	betamethasone valerate FOAM ...	42	BREO ELLIPTA (fluticasone furoate- vilanterol)	10
BENEFIX KIT	50	betamethasone valerate LOTN ...	42	BREO ELLIPTA	10
BENZEPRO CREAMY WASH LIQD .	39	betamethasone valerate OINT	42	BREZTRI AEROSPHERE	10
BENZEPRO FOAM 5.3 %	39	BETASERON KIT	63	BRILINTA	50
benzonatate 100 MG	38	betaxolol hcl (ophth) SOLN	60	brimonidine tartrate (topical)	44
benzonatate 150 MG	38	betaxolol hcl	33	brimonidine tartrate 0.15 %, 0.2 %	60
benzonatate 200 MG	38	bethanechol chloride 25 MG	67	brimonidine tartrate-timolol maleate .	60
benzoyl peroxide FOAM 5.3 %, 9.8 %	39	bethanechol chloride 5 MG, 10 MG, 50 MG	67	brinzolamide	61
benzoyl peroxide GEL 10 %	39	bexarotene (topical)	40	BRIVIACT SOLN IV 50 MG/5ML ..	12
benzoyl peroxide GEL 5 %	39	bexarotene	28	BRIVIACT SOLN OR 10 MG/ML ..	12
benzoyl peroxide LIQD 4 %, 7 %, 10 %	39	BEXSERO	67	BRIVIACT TABS	12
benzoyl peroxide-erythromycin GEL .	39	bicalutamide	26	BRIXADI SOSY	7
benztropine mesylate SOLN	29	BIKTARVY	31	bromfenac sodium (ophth)	61
benztropine mesylate TABS	29	bimatoprost SOLN	61	bromocriptine mesylate CAPS	29
bepotastine besilate	61	bisacodyl SUPP	52	bromocriptine mesylate TABS 2.5 MG	29
betaine	47	bisacodyl TBEC	52	BRUKINSA	27
		bisoprolol & hydrochlorothiazide ..	21	budesonide (inhalation) SUSP	10
		bisoprolol fumarate	33	budesonide (intrarectal)	7

budesonide (nasal)	59	TABS 40 MG-50 MG-325 MG	5	CALQUENCE	27
budesonide CPEP	37	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-300 MG	6	candesartan cilexetil	21
budesonide-formoterol fumarate dihydrate	10	butalbital-acetaminophen-caffeine w/ codeine 30 MG-40 MG-50 MG-325 MG	6	candesartan cilexetil- hydrochlorothiazide	21
bumetanide SOLN 0.25 MG/ML	45	butalbital-aspirin-caffeine CAPS	5	capecitabine	24
bumetanide TABS	45	butalbital-aspirin-caffeine w/cod	6	CAPLYTA	30
buprenorphine hcl SOLN	7	butenafine hcl	40	CAPRELSA	27
buprenorphine hcl SUBL	7	butorphanol tartrate IJ 1 MG/ML, 2 MG/ML	7	captopril 12.5 MG	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 0.5 MG-2 MG, 1 MG-4 MG, 2 MG-8 MG	7	butorphanol tartrate NA 10 MG/ML	7	captopril 25 MG, 50 MG, 100 MG	20
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate FILM SL 3 MG-12 MG	7	cabergoline	47	carbamazepine CHEW 100 MG	12
buprenorphine hcl-naloxone hcl dihydrate SUBL	7	CABLIVI	50	carbamazepine CP12 100 MG	12
buprenorphine PTWK	7	CABOMETYX TABS	27	carbamazepine CP12 200 MG	12
bupropion hcl (smoking deterrent)	64	calcipotriene CREA	41	carbamazepine CP12 300 MG	12
bupropion hcl TABS	14	calcipotriene OINT	41	carbamazepine CP12 300 MG	12
bupropion hcl TB12 100 MG	14	calcipotriene SOLN	41	carbamazepine SUSP	12
bupropion hcl TB12 150 MG	14	calcipotriene-betamethasone dipropionate OINT	42	carbamazepine TABS	12
bupropion hcl TB12 200 MG	14	calcipotriene-betamethasone dipropionate SUSP	42	carbamazepine TB12 100 MG, 400 MG	12
bupropion hcl TB24 150 MG	14	calcitonin (salmon) NA	46	carbamazepine TB12 200 MG	12
bupropion hcl TB24 300 MG	14	calcitriol (topical)	41	carbidopa	29
bupropion hcl TB24 450 MG	14	calcitriol CAPS	47	carbidopa-levodopa TABS	29
buspiron hcl	8	calcitriol SOLN IV	47	carbidopa-levodopa TBCR	29
busulfan SOLN	24	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	49	carbidopa-levodopa TBCR	29
butalbital-acetaminophen TABS 50 MG-325 MG	5	calcium acetate (phosphate binder) CAPS	49	carbidopa-levodopa TBCR	29
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-300 MG	5	calcium chloride (dihydrate) SOLN	56	carbidopa-levodopa-entacapone	29
butalbital-acetaminophen-caffeine CAPS 40 MG-50 MG-325 MG	5	calcium polycarbophil TABS	52	carbinoxamine maleate SOLN	19
butalbital-acetaminophen-caffeine				carbinoxamine maleate TABS 4 MG	19
				carboplatin SOLN 50 MG/5ML	24
				carisoprodol TABS	59
				carmustine	24
				carteolol hcl (ophth)	60
				carvedilol	33

carvedilol phosphate	33	cephalexin CAPS	36	cholestyramine light POWD	20
caspofungin acetate	18	cephalexin SUSR	36	cholestyramine PACK	20
CAYA DPRH	53	CERDELGA	50	cholestyramine POWD	20
CAYSTON	23	CEREZYME 400 UNIT	50	choline fenofibrate	20
cefaclor CAPS	36	cetirizine hcl TABS	19	CHORIONIC GONADOTROPIN IM	46
cefaclor SUSR 125 MG/5ML, 250 MG/5ML, 375 MG/5ML	36	cevimeline hcl	58	ciclopirox GEL	40
cefadroxil CAPS	35	CHEMET	17	ciclopirox olamine CREA	40
cefadroxil SUSR	35	CHEMSTRIP-K STRP	44	ciclopirox olamine SUSP	40
cefadroxil TABS	36	chloramphenicol sodium succinate	22	ciclopirox SHAM	40
cefazolin sodium SOLR IJ 1 GM, 10 GM, 500 MG	36	chlordiazepoxide hcl CAPS	8	ciclopirox SOLN	40
cefdinir CAPS	36	chlordiazepoxide hcl-clidinium bromide	66	cidofovir	32
cefdinir SUSR	36	chlordiazepoxide-amitriptyline	63	cilostazol	50
cefepime hcl SOLR IV 2 GM	36	chlorhexidine gluconate (mouth- throat)	58	CIMDUO	31
cefixime CAPS	36	chloroquine phosphate TABS 250 MG	23	cimetidine TABS	66
cefixime SUSR	36	chloroquine phosphate TABS 500 MG	23	cinacalcet hcl	47
cefotaxime sodium IJ 1 GM, 2 GM	36	chlorpromazine hcl CONC	31	CIPRO SUSR	48
cefotetan disodium IJ 1 GM, 2 GM	36	chlorpromazine hcl SOLN	31	ciprofloxacin hcl (ophth) SOLN	60
cefoxitin sodium IV	36	chlorpromazine hcl TABS	31	ciprofloxacin hcl (otic)	61
cefpodoxime proxetil SUSR	36	chlorthalidone 25 MG, 50 MG	45	ciprofloxacin hcl TABS	48
cefpodoxime proxetil TABS	36	chlorzoxazone TABS 500 MG	59	ciprofloxacin in d5w 5 %-200 MG/100ML	48
cefprozil SUSR	36	chlorzoxazone TABS 750 MG	59	ciprofloxacin SUSR 5 GM/100ML, 500 MG/5ML	48
cefprozil TABS	36	CHOLBAM	48	ciprofloxacin-dexamethasone	61
ceftazidime IV 6 GM	36	cholecalciferol CAPS 1.25 MG, 1.25 MG, 10 MCG, 50 MCG, 400 UNIT, 2000 UNIT, 50000 UNIT	70	ciprofloxacin-fluocinolone acetonide	62
ceftriaxone sodium IJ 1 GM, 2 GM, 500 MG	36	cholecalciferol TABS 10 MCG, 400 UNIT	71	cisplatin SOLN 100 MG/100ML	24
ceftriaxone sodium IJ 250 MG	36	cholestyramine light PACK	20	CITALOPRAM HYDROBROMIDE CAPS	14
cefuroxime axetil TABS	36			citalopram hydrobromide SOLN	14
cefuroxime sodium IJ 750 MG	36			citalopram hydrobromide TABS 10	
celecoxib	4				

MG	14	peroxide GEL 5 %-1 %	39	clotrimazole	58
citalopram hydrobromide TABS 20 MG	14	clindamycin phosphate-tretinoin ..	39	clotrimazole vaginal CREA 1 % ...	70
citalopram hydrobromide TABS 40 MG	14	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 10% 60		clotrimazole w/ betamethasone CREA	40
clarithromycin SUSR	52	CLINIMIX 4.25%/DEXTROSE 5% 60		clotrimazole w/ betamethasone LOTN	40
clarithromycin TABS	52	CLINIMIX E 5%/DEXTROSE 20% 60		clozapine TABS	30
clarithromycin TB24	52	clobazam SUSP	12	clozapine TBDP 100 MG	30
CLASSIC PRENATAL TABS	58	clobazam TABS	12	clozapine TBDP 12.5 MG, 150 MG 30	
clemastine fumarate SYRP	19	clobetasol propionate CREA 0.05 % . 42		clozapine TBDP 200 MG	30
clemastine fumarate TABS 2.68 MG . 19		clobetasol propionate emollient base 0.05 %	42	clozapine TBDP 25 MG	30
CLIMARA PRO	47	clobetasol propionate FOAM	42	COARTEM	23
clindamycin hcl	23	clobetasol propionate GEL 0.05 % 42		codeine sulfate TABS 30 MG	5
clindamycin palmitate hydrochloride . 23		clobetasol propionate OINT 0.05 % 42		CODEINE SULFATE TABS	5
clindamycin phosphate (topical) FOAM	39	clobetasol propionate SOLN 0.05 % . 42		colchicine TABS	50
clindamycin phosphate (topical) GEL 39		clocortolone pivalate	42	colchicine w/ probenecid	50
clindamycin phosphate (topical) LOTN	39	clofarabine	24	colesevelam hcl PACK	20
clindamycin phosphate (topical) SOLN	39	clomipramine hcl	15	colesevelam hcl TABS	20
clindamycin phosphate (topical) SWAB	39	clonazepam TABS	12	colestipol hcl GRAN	20
clindamycin phosphate SOLN IJ 9 GM/60ML, 300 MG/2ML, 600 MG/4ML, 900 MG/6ML, 9000 MG/60ML	23	clonazepam TBDP	12	colestipol hcl TABS	20
clindamycin phosphate vaginal CREA	70	clonidine hcl (adhd) TB12	2	COMETRIQ KIT	27
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	39	clonidine hcl TABS	21	COMIRNATY 2023-24 SUSP	67
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	39	clonidine PTWK	21	COMIRNATY 2023-24 SUSY	67
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	39	clopidogrel bisulfate 300 MG	50	COMIRNATY 2024-25 SUSY	67
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	39	clopidogrel bisulfate 75 MG	50	COMIRNATY SUSP	67
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	39	clorazepate dipotassium TABS	8	COMPLERA	31
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	39	clotrimazole (topical) CREA	40	CONTRACE	1
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	39	clotrimazole (topical) SOLN	40	COPIKTRA	27
clindamycin phosphate-benzoyl peroxide (refrigerate)	39			CORDRAN TAPE	42

CORLANOR SOLN	35	CYLTEZO AJKT	3	dasatinib	27
CORLANOR TABS (ivabradine hcl) 35		CYLTEZO PSKT 10 MG/0.2ML, 40 MG/0.4ML	3	DAURISMO	25
CORTISPORIN-TC	62	CYLTEZO PSKT 20 MG/0.4ML, 40 MG/0.8ML	3	DAYVIGO	52
COSENTYX SENSOREADY PEN SOAJ	41	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR CROHNS DISEASE/UC/HS AJKT	3	DEBACTEROL	58
COSENTYX SOSY 150 MG/ML ...	41	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS AJKT	3	decitabine	25
COSENTYX SOSY 75 MG/0.5ML .	41	CYLTEZO STARTER PACKAGE FOR PSORIASIS/UVEITIS AJKT ...	3	deferasirox PACK	18
COSENTYX UNOREADY SOAJ ..	41	cyproheptadine hcl SYRP	19	deferasirox TABS	18
COTEMPLA XR-ODT TBED	2	cyproheptadine hcl TABS	19	deferasirox TBSO	18
CREON CPEP	45	CYTAGON CAPS	49	deferiprone TABS 500 MG	18
CRESEMBA CAPS 186 MG	19	CYSTARAN	61	deflazacort SUSP	37
cromolyn sodium (ophth)	61	cytarabine SOLN	24	deflazacort TABS	37
cromolyn sodium NEBU	9	dabigatran etexilate mesylate CAPS . 11		DELESTROGEN 10 MG/ML (estradiol valerate)	48
crotamiton LOTN	44	dacarbazine SOLR 200 MG	28	DELSTRIGO	31
CVS PRENATAL TABS 100 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-4 MCG-1.7 MG-18 MG-27 MG-1.5 MG-25 MG- 263 MG-11 UNIT-4000 UNIT	58	dactinomycin	26	demeclocycline hcl TABS	65
cyanocobalamin SOLN IJ 1000 MCG/ML	50	dalfampridine	64	DEPO-ESTRADIOL	48
cyclobenzaprine hcl TABS 5 MG, 10 MG	59	danazol CAPS	7	DEPO-MEDROL SUSP	37
cyclophosphamide CAPS	24	dantrolene sodium CAPS	59	DEPO-SUBQ PROVERA 104 SUSY SC	37
cyclophosphamide SOLR IJ	24	dapagliflozin propanediol	17	desipramine hcl TABS	15
cycloserine	24	dapagliflozin propanediol-metformin hcl 1000 MG-5 MG	15	desloratadine TABS	19
cyclosporine (ophth) EMUL	61	dapsone	22	desloratadine TBDP 2.5 MG	19
cyclosporine CAPS	57	DAPTACEL	65	desmopressin acetate SOLN IJ ...	47
cyclosporine modified (for microemulsion) CAPS	57	daptomycin 500 MG	22	DESMOPRESSIN ACETATE SOLN NA	47
cyclosporine modified (for microemulsion) SOLN	57	darifenacin hydrobromide	67	desmopressin acetate spray	47
cyclosporine SOLN IV 50 MG/ML .	57	darunavir TABS 600 MG	31	desmopressin acetate spray refrigerated	47
		darunavir TABS 800 MG	31	desmopressin acetate TABS 0.1 MG 47	
				desmopressin acetate TABS 0.2 MG 47	

desogestrel & ethinyl estradiol36	dextroamphetamine sulfate CP24 10 MG, 15 MG1	dicloxacillin sodium62
desogestrel-ethinyl estradiol (biphasic)36	dextroamphetamine sulfate CP24 5 MG1	dicyclomine hcl CAPS66
desogestrel-ethinyl estradiol (triphasic)36	dextroamphetamine sulfate SOLN	..1	dicyclomine hcl SOLN OR66
desonide CREA42	dextroamphetamine sulfate TABS 2.5 MG, 7.5 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG	..1	dicyclomine hcl TABS66
desonide LOTN42	1		DIFFERIN LOTN39
desonide OINT42	dextroamphetamine sulfate TABS 5 MG, 10 MG1	DIFICID TABS53
desoximetasone CREA 0.25 %42	dextrose in lactated ringers56	diflorasone diacetate CREA42
desoximetasone GEL42	DIACOMIT CAPS 250 MG12	diflorasone diacetate OINT42
desoximetasone OINT 0.25 %42	DIACOMIT CAPS 500 MG12	diflunisal TABS5
desvenlafaxine succinate 100 MG	.15	DIACOMIT PACK 250 MG12	difluprednate61
desvenlafaxine succinate 25 MG, 50 MG15	DIACOMIT PACK 500 MG12	digoxin SOLN OR 0.05 MG/ML34
dexamethasone ELIX38	DIACOMIT PACK 500 MG12	digoxin TABS 0.0625 MG, 0.125 MG, 0.25 MG, 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG34
DEXAMETHASONE INTENSOL CONC37	diazepam (anticonvulsant) GEL	...12	dihydroergotamine mesylate SOLN IJ 1 MG/ML55
dexamethasone sodium phosphate (ophth)61	diazepam CONC8	dihydroergotamine mesylate SOLN NA 4 MG/ML55
dexamethasone sodium phosphate SOLN IJ 4 MG/ML, 20 MG/5ML, 120 MG/30ML37	DIAZEPAM SOAJ8	DILANTIN 30 MG13
dexamethasone sodium phosphate SOSY IJ 4 MG/ML37	diazepam SOLN IJ 5 MG/ML, 10 MG/2ML, 50 MG/10ML8	diltiazem hcl coated beads CP24 120 MG, 300 MG, 360 MG34
dexamethasone SOLN38	diazepam TABS8	diltiazem hcl coated beads CP24 180 MG, 240 MG34
dexamethasone TABS 0.5 MG, 0.75 MG38	diazoxide16	diltiazem hcl CP1234
dexamethasone TABS 1 MG, 1.5 MG, 2 MG, 4 MG, 6 MG38	dichlorphenamide45	diltiazem hcl CP2434
dexchlorpheniramine maleate SOLN	..19	diclofenac epolamine PTCH EX	...40	diltiazem hcl extended release beads34
dexlansoprazole66	diclofenac potassium TABS 50 MG	..4	diltiazem hcl SOLN 50 MG/10ML	..34
dexmethylphenidate hcl CP242	diclofenac sodium (actinic keratoses) EX40	DILTIAZEM HCL SOLR34
dexmethylphenidate hcl TABS2	diclofenac sodium (ophth)61	diltiazem hcl TABS34
		diclofenac sodium (topical) GEL EX	40	diltiazem hcl TB2434
		diclofenac sodium TB244	diltiazem hcl TB2434
		diclofenac sodium TBEC4	dimethyl fumarate CDPK64
		diclofenac w/ misoprostol TBEC4		

dimethyl fumarate CPDR	64	MG	63	dronabinol CAPS	18
DIPENTUM	48	donepezil hydrochloride TBDP 5 MG 63		droperidol SOLN 2.5 MG/ML	8
diphenhydramine hcl CAPS 50 MG 19		DOPTELET	51	drosiprenone-ethinyl estradiol	36
diphenhydramine hcl ELIX 12.5 MG/5ML	19	doxolamide hcl	61	drosiprenone-ethinyl estradiol- levomefolate calcium	36
diphenhydramine hcl LIQD 12.5 MG/5ML, 25 MG/10ML, 50 MG/20ML	19	doxolamide hcl-timolol maleate ..	60	DROXIA CAPS	50
diphenhydramine hcl SOLN 50 MG/ML	19	DOVATO	31	DUAVEE	47
diphenoxylate w/ atropine LIQD ...	17	doxazosin mesylate	21	DULERA	10
diphenoxylate w/ atropine TABS ...	17	doxepin hcl (antipruritic)	41	duloxetine hcl CPEP 20 MG, 30 MG, 60 MG	15
DIPHThERIA/TETANUS TOXOIDS ADSORBED PEDIATRIC SUSP ...	65	doxepin hcl (sleep)	51	duloxetine hcl CPEP 40 MG	15
dipyridamole	50	doxepin hcl CAPS	15	DUPIXENT SOAJ 200 MG/1.14ML 43	
disopyramide phosphate CAPS	9	doxepin hcl CONC	15	DUPIXENT SOAJ 300 MG/2ML ...	43
disulfiram	63	doxercalciferol CAPS	47	DUPIXENT SOSY 100 MG/0.67ML 43	
DIURIL SUSP	45	doxercalciferol SOLN	47	DUPIXENT SOSY 200 MG/1.14ML 43	
divalproex sodium CSDR	13	doxorubicin hcl liposomal SUSP ...	26	DUPIXENT SOSY 300 MG/2ML ...	43
divalproex sodium TB24	13	doxorubicin hcl SOLN	26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN DEVI	53
divalproex sodium TBEC	13	doxorubicin hcl SOLR 10 MG, 50 MG	26	DUREX EXTRA SENSITIVE THIN MISC	53
docetaxel CONC 20 MG/ML	29	doxycycline (monohydrate) CAPS 50 MG, 100 MG	65	DUREX TROPICAL MISC	53
docetaxel SOLN 20 MG/2ML	29	doxycycline (monohydrate) CAPS 75 MG	65	dutasteride	49
docusate calcium	52	doxycycline (monohydrate) TABS 100 MG	65	DYANA VEL XR SUER	1
docusate sodium CAPS 100 MG ..	52	doxycycline (monohydrate) TABS 50 MG, 75 MG	65	DYANA VEL XR TBCR	1
docusate sodium CAPS 250 MG ..	52	doxycycline hyclate CAPS	65	econazole nitrate CREA	40
dofetilide	9	doxycycline hyclate SOLR	65	EDARBI	21
donepezil hydrochloride TABS 10 MG	63	doxycycline hyclate TABS 20 MG, 100 MG	65	EDLUAR SUBL	51
donepezil hydrochloride TABS 5 MG, 23 MG	63	doxylamine-pyridoxine TBEC	18	EDURANT	31
donepezil hydrochloride TBDP 10		DRIZALMA SPRINKLE CSDR	15	efavirenz CAPS 200 MG	31

efavirenz CAPS 50 MG	31	fumarate	32	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.15 MG/0.3ML	70
efavirenz TABS	32	EMTRIVA SOLN	32	epinephrine (anaphylaxis) SOAJ 0.3 MG/0.3ML	70
efavirenz-emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	32	EMVERM CHEW	8	EPIVIR HBV SOLN	33
efavirenz-lamivudine-tenofovir disoproxil fumarate	32	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 12.5 MG-5 MG 21		eplerenone	22
EGRIFTA 2 MG	46	enalapril maleate & hydrochlorothiazide 25 MG-10 MG	21	EPOGEN 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	51
EGRIFTA SV	46	enalapril maleate TABS	20	epoprostenol sodium	35
ELAPRASE	47	ENBREL MINI SOCT	4	EPRONTIA SOLN	12
electrolyte-148	56	ENBREL SOLN	4	EQL PRENATAL FORMULA TABS 58	
electrolyte-a	56	ENBREL SOSY 25 MG/0.5ML	5	EQUETRO 100 MG	30
ELEPSIA XR TB24	12	ENBREL SOSY 50 MG/ML	5	EQUETRO 200 MG	30
ELESTRIN GEL	48	ENBREL SURECLICK SOAJ	4	EQUETRO 300 MG	30
eletriptan hydrobromide	55	ENGERIX-B SUSP 20 MCG/ML	67	ERAXIS	18
ELIGARD KIT SC 7.5 MG	26	ENGERIX-B SUSY	67	ERBITUX	25
ELIGARD SC 22.5 MG, 30 MG, 45 MG	26	enoxaparin sodium SOLN IJ 300 MG/3ML	11	ergocalciferol CAPS	71
ELIQUIS STARTER PACK TBPK	11	enoxaparin sodium SOSY 100 MG/ML, 150 MG/ML	11	ergocalciferol SOLN OR	71
ELIQUIS TABS	11	enoxaparin sodium SOSY 30 MG/0.3ML	11	ergoloid mesylates TABS	64
ELLA	37	enoxaparin sodium SOSY 40 MG/0.4ML	11	ERGOMAR SUBL	55
ELMIRON CAPS	49	enoxaparin sodium SOSY 60 MG/0.6ML	11	ergotamine w/ caffeine TABS	55
ELOCTATE	50	enoxaparin sodium SOSY 80 MG/0.8ML, 120 MG/0.8ML	11	eribulin mesylate	29
EMCYT	26	ENSPRYNG	57	ERIVEDGE	25
EMFLAZA SUSP (deflazacort)	38	entacapone	29	ERLEADA 240 MG	26
EMFLAZA TABS (deflazacort)	38	entecavir TABS	33	ERLEADA 60 MG	26
EMGALITY SOAJ	55	EPIDIOLEX	12	erlotinib hcl	25
EMGALITY SOSY 100 MG/ML	55	epinastine hcl (ophth)	61	ERTACZO	40
EMGALITY SOSY 120 MG/ML	55			ertapenem sodium IJ	22
EMSAM	14			erythromycin (acne aid) PADS	39
emtricitabine CAPS	32			erythromycin (acne aid) SOLN	39
emtricitabine-tenofovir disoproxil fumarate	32				

erythromycin (ophth)	60	ethacrynic acid	45	MG/20ML	66
erythromycin base CPEP	52	ethambutol hcl TABS	24	famotidine SUSR	66
erythromycin base TABS	53	ethosuximide CAPS	13	famotidine TABS 20 MG, 40 MG ..	66
erythromycin base TBEC	53	ethosuximide SOLN	13	FANAPT	30
erythromycin ethylsuccinate SUSR	53	ethynodiol diacet & eth estrad	36	FANAPT TITRATION PACK	30
53		etodolac CAPS	4	FANATREX FUSEPAQ SUSP	12
erythromycin ethylsuccinate TABS	53	etodolac TABS	4	FANTASY LUBRICATED MISC ...	53
escitalopram oxalate SOLN	14	etonogestrel-ethinyl estradiol	37	FANTASY	
escitalopram oxalate TABS 10 MG	14	ETOPOPHOS	29	LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	53
14		etoposide CAPS	29		
escitalopram oxalate TABS 20 MG	14	etoposide SOLN 1 GM/50ML, 100	29	FARXIGA (dapagliflozin propanediol)	
14		MG/5ML, 500 MG/25ML	29	17
escitalopram oxalate TABS 5 MG .	14	etravirine 100 MG	32	FARXIGA	17
esomeprazole magnesium CPDR 20	66	etravirine 200 MG	32	FASENRA PEN SOAJ	9
MG	66	EUCRISA	44	FASENRA SOSY 30 MG/ML	9
esomeprazole magnesium CPDR 40	66	EVAMIST SOLN	48	FC2 FEMALE CONDOM	53
MG	66	EVEKEO ODT TBDP	1	febuxostat	50
esomeprazole magnesium TBEC ..	66	everolimus (immunosuppressant)		felbamate SUSP	13
ESPEROCT	50	0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG	57	felbamate TABS 400 MG	13
estazolam	51	everolimus (immunosuppressant) 1	57	felbamate TABS 600 MG	13
estradiol GEL 0.06 %	48	MG	57	felodipine	34
estradiol GEL 0.25 MG/0.25GM, 0.5	48	everolimus TABS	27	FEMCAP DEVI	53
MG/0.5GM, 0.75 MG/0.75GM, 1	48	EVOTAZ	32	FEMLYV TBDP	36
MG/GM, 1.25 MG/1.25GM	48	exemestane	26	FEMRING	70
estradiol PTTW	48	ezetimibe	20	fenofibrate micronized 43 MG, 67	
estradiol PTWK	48	ezetimibe-simvastatin	20	MG, 130 MG, 134 MG, 200 MG ...	20
estradiol TABS	48	famciclovir 125 MG, 250 MG	33	fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
estradiol vaginal CREA	70	famciclovir 500 MG	33	MG, 160 MG	20
estradiol vaginal TABS	70	famotidine in nacl SOLN	66	fenoprofen calcium TABS	4
estradiol valerate	48	famotidine SOLN 20 MG/2ML	66	FENSOLVI SC	46
ESTROGEL GEL (estradiol)	48	famotidine SOLN 40 MG/4ML, 200		fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
eszopiclone	51			MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4
				FENSOLVI SC	46
				fenofibrate TABS 48 MG, 54 MG, 145	
				MG, 160 MG	20
				fenoprofen calcium TABS	4

MCG/HR, 50 MCG/HR, 75 MCG/HR, 100 MCG/HR	5	2024	68	fluocinolone acetonide SOLN	42
ferrous fumarate-folic acid	51	FLUCELVAX 2024-2025 SUSP ...	68	fluocinonide CREA 0.05 %	42
ferrous sulfate SOLN 15 MG/ML ..	51	FLUCELVAX 2024-2025 SUSY ...	68	fluocinonide CREA 0.1 %	43
ferrous sulfate TABS 65 MG, 325 MG	51	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSP	68	fluocinonide emulsified base	42
ferrous sulfate TBEC 325 MG	51	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2022-2023 SUSY	68	fluocinonide GEL	43
fesoterodine fumarate	67	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSP	68	fluocinonide OINT	43
FETZIMA CP24	15	FLUCELVAX QUADRIVALENT 2023-2024 SUSY	68	fluocinonide SOLN	43
FETZIMA TITRATION PACK C4PK 15		fluconazole SUSR	19	fluorometholone (ophth) SUSP	61
finasteride	49	fluconazole TABS	19	fluorouracil (topical) CREA 5 % ...	40
fingolimod hcl	64	flucytosine	19	fluorouracil (topical) SOLN	40
FINTEPLA	12	fludarabine phosphate SOLN	25	fluorouracil 500 MG/10ML	25
FIRDAPSE	24	fludarabine phosphate SOLR	25	fluoxetine hcl (pmdd) TABS	64
FIRMAGON	26	fludrocortisone acetate TABS	38	fluoxetine hcl CAPS 10 MG	14
flavoxate hcl	67	FLULAVAL 2024-2025 SUSY	68	fluoxetine hcl CAPS 20 MG	14
flecainide acetate	9	FLULAVAL QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	68	fluoxetine hcl CAPS 40 MG	14
floxuridine	25	FLULAVAL QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	68	fluoxetine hcl CPDR	14
FLUAD 2024-2025	67	FLUMIST NASAL VACCINE 2024- 2025	68	fluoxetine hcl SOLN	14
FLUAD QUADRIVALENT 2022-2023	68	FLUMIST QUADRIVALENT	68	fluoxetine hcl TABS 10 MG, 60 MG 14	
FLUAD QUADRIVALENT 2023-2024	68	flunisolide (nasal) 0.025 %	59	fluoxetine hcl TABS 20 MG	14
FLUARIX 2024-2025 SUSY	68	fluocinolone acetonide (otic)	62	fluphenazine decanoate	31
FLUARIX QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSY	68	fluocinolone acetonide CREA 0.01 % 42		fluphenazine hcl CONC	31
FLUARIX QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	68	fluocinolone acetonide CREA 0.025 %	42	fluphenazine hcl ELIX	31
FLUBLOK 2024-2025 SOSY	68	fluocinolone acetonide OIL	42	fluphenazine hcl SOLN	31
FLUBLOK QUADRIVALENT 2022- 2023	68	fluocinolone acetonide OINT	42	fluphenazine hcl TABS	31
FLUBLOK QUADRIVALENT 2023-				flurandrenolide CREA	43

flutamide	26	2023 SUSY	69	FREESTYLE LIBRE 2 PLUS/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITOR SYSTEM	54
fluticasone furoate-vilanterol	10	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSP	69	FREESTYLE LIBRE 2/READER/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluticasone propionate (inhalation) AEPB	10	FLUZONE QUADRIVALENT 2023- 2024 SUSY	69	FREESTYLE LIBRE 2/SENSOR/FLASH GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluticasone propionate (nasal) SUSP . 60		FML FORTE SUSP	61	FREESTYLE LIBRE 3/READER/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluticasone propionate CREA 0.05 % 43		FML OINT	61	FREESTYLE LIBRE 3 PLUS/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluticasone propionate hfa	10	folic acid TABS	51	FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluticasone propionate LOTN	43	fondaparinux sodium 10 MG/0.8ML 11		FREESTYLE LIBRE 3/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	54
fluticasone propionate OINT	43	fondaparinux sodium 2.5 MG/0.5ML . 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluticasone-salmeterol AEPB 100 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 250 MCG/ACT-50 MCG/ACT, 500 MCG/ACT-50 MCG/ACT	10	fondaparinux sodium 5 MG/0.4ML .11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluticasone-salmeterol AERO	10	fondaparinux sodium 7.5 MG/0.6ML . 11		FREESTYLE LIBRE 3/SENSOR/GLUCOSE MONITORING SYSTEM	54
fluvastatin sodium CAPS 20 MG ..	20	FORA GTEL BLOOD KETONE TEST STRIPS	44	FREESTYLE LIBRE/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	54
fluvastatin sodium CAPS 40 MG ..	20	FORA TEST N' GO ADVANCE/VOICE/6 CONNECT ..	44	frovatriptan succinate	55
fluvoxamine maleate CP24	14	formoterol fumarate NEBU	10	fulvestrant SOSY	26
fluvoxamine maleate TABS 100 MG . 14		FOSAMAX PLUS D	46	furosemide SOLN OR 10 MG/ML, 40 MG/5ML	45
fluvoxamine maleate TABS 25 MG, 50 MG	14	fosamprenavir calcium TABS	32	furosemide TABS	45
FLUZONE 2024-2025 SUSP	68	fosfomycin tromethamine	23	FUZEON SOLR	32
FLUZONE 2024-2025 SUSY	68	fosinopril sodium & hydrochlorothiazide	21	FYCOMPA SUSP	11
FLUZONE HIGH-DOSE 2024-2025 SUSY	68	fosinopril sodium	20	FYCOMPA TABS 2 MG	12
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2022- 2023	68	fosphenytoin sodium	13	FYCOMPA TABS 4 MG	12
FLUZONE HIGH-DOSE PF 2023- 2024	68	FRAGMIN SOSY	11	FYCOMPA TABS 6 MG	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/READER/FLASH MONITORING SYSTEM	54	FYCOMPA TABS 8 MG, 10 MG, 12 MG	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	68	FREESTYLE LIBRE 14 DAY/SENSOR/FLASH MONITORING SYSTEM	54	gabapentin CAPS	12
FLUZONE QUADRIVALENT 2022- 2023 SUSP	68			gabapentin SOLN	12

gabapentin TABS 600 MG, 800 MG 12	gentamicin sulfate (ophth) SOLN ..60	glycopyrrolate TABS 1 MG 66
GABAPENTIN TINYTABS TABS ..12	gentamicin sulfate (topical) CREA .39	glycopyrrolate TABS 2 MG 66
GALAFOLD47	gentamicin sulfate (topical) OINT ..39	GLYXAMBI 16
galantamine hydrobromide CP24 ..63	gentamicin sulfate IJ 40 MG/ML, 80 MG/2ML 3	GNP PRENATAL TABS 58
galantamine hydrobromide SOLN .63	GENVOYA32	GOJJI BLOOD KETONE TEST STRIPS44
galantamine hydrobromide TABS . 63	GILOTRIF 25	granisetron hcl SOLN IV 1 MG/ML 18
GAMMAGARD LIQUID 1 GM/10ML, 2.5 GM/25ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 62	glatiramer acetate SOSY 20 MG/ML . 64	granisetron hcl TABS 18
GAMMAGARD LIQUID 30 GM/300ML62	glatiramer acetate SOSY 40 MG/ML . 64	GRASTEK SUBL2
GAMMAGARD S/D IGA LESS THAN 1MCG/ML SOLR62	GLEOSTINE 10 MG 24	griseofulvin microsize SUSP19
GAMMAKED 1 GM/10ML, 5 GM/50ML, 10 GM/100ML, 20 GM/200ML 62	GLEOSTINE 40 MG, 100 MG 24	griseofulvin microsize TABS19
GAMUNEX-C62	glimepiride 1 MG, 2 MG17	griseofulvin ultramicrosize19
ganciclovir sodium SOLR32	glimepiride 4 MG17	guanfacine hcl (adhd) 2
ganirelix acetate46	glipizide TABS 5 MG, 10 MG 17	guanfacine hcl21
GARDASIL 9 SUSP69	glipizide TB24 17	GYNAZOLE-1 70
GARDASIL 9 SUSY69	glipizide-metformin hcl 250 MG-2.5 MG, 500 MG-2.5 MG16	HADLIMA PUSHTOUCH SOAJ3
gatifloxacin (ophth)60	glipizide-metformin hcl 500 MG-5 MG16	HADLIMA SOSY 3
gefitinib25	GLUCAGEN DIAGNOSTIC 44	HAEGARDA SOLR SC 50
gemcitabine hcl SOLR 2 GM, 200 MG 25	glucagon (rdna)16	HALAVEN (eribulin mesylate)29
gemfibrozil TABS20	glyburide micronized 1.5 MG, 3 MG, 6 MG 17	halcinonide CREA 43
GENOTROPIN CART SC 46	glyburide TABS 17	halobetasol propionate CREA43
GENOTROPIN MINIQUICK PRSY 46	glyburide-metformin 250 MG-1.25 MG 16	halobetasol propionate OINT43
gentamicin in saline 0.8 MG/ML-0.9 %, 1 MG/ML-0.9 %, 1.2 MG/ML-0.9 %, 1.6 MG/ML-0.9 %3	glyburide-metformin 500 MG-2.5 MG, 500 MG-5 MG16	HALOG OINT 43
gentamicin sulfate (ophth) OINT ...60	glycine (gu irrigant) SOLN 1.5 % ..49	haloperidol decanoate30
	glycopyrrolate SOLN IJ 0.2 MG/ML, 4 MG/20ML66	haloperidol lactate CONC30
		haloperidol lactate SOLN 30
		haloperidol TABS 30
		HAVRIX 69
		HEMANGEOL SOLN OR34
		heparin sodium (porcine) SOLN IJ 5000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML,

20000 UNIT/ML	11	108 MG/5ML-2.5 MG/5ML, 217 MG/10ML-5 MG/10ML, 325 MG/15ML-7.5 MG/15ML	7	hydromorphone hcl LIQD	5
HEPARIN SODIUM/NACL 0.45% SOLN IV 0.45 %-12500 UNIT/250ML 11		hydrocodone-acetaminophen SOLN 325 MG/15ML-10 MG/15ML	6	hydromorphone hcl SOLN IJ 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 500 MG/50ML .	5
HEPLISAV-B SOSY	69	hydrocodone-acetaminophen TABS 300 MG-10 MG, 300 MG-5 MG, 300 MG-7.5 MG	7	hydromorphone hcl TABS	5
HIBERIX SOLR IJ	67	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	hydromorphone hcl TB24 32 MG ...	5
HUMATROPE CART IJ	46	hydrocodone-acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	hydromorphone hcl TB24 8 MG, 12 MG, 16 MG	5
HUMIRA PEDIATRIC CROHNS DISEASE STARTER PACK PSKT 80 MG/0.8ML	3	hydrocodone-ibuprofen 10 MG-200 MG, 5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 100 MG	23
HUMIRA PEN AJKT 80 MG/0.8ML .	3	hydrocodone-ibuprofen 7.5 MG-200 MG	7	hydroxychloroquine sulfate 200 MG	23
HUMIRA PEN AJKT	3	hydrocortisone (intrarectal)	7	hydroxychloroquine sulfate 400 MG	23
HUMIRA PEN-CD/UC/HS STARTER AJKT	3	hydrocortisone (rectal) EX	8	hydroxyurea	28
HUMIRA PEN-PEDIATRIC UC STARTER PACK AJKT	3	hydrocortisone (topical) CREA 1 %, 2.5 %	43	hydroxyzine hcl SOLN 25 MG/ML, 50 MG/ML	8
HUMIRA PEN-PS/UV STARTER AJKT	4	hydrocortisone (topical) LOTN 2.5 % .	43	hydroxyzine hcl SYRP	8
HUMIRA PSKT	4	hydrocortisone (topical) OINT 1 %, 2.5 %	43	hydroxyzine hcl TABS	8
HUMULIN R U-500 (CONCENTRATED) SOLN SC	17	hydrocortisone acetate (rectal)	8	hydroxyzine pamoate CAPS	8
HUMULIN R U-500 KWIKPEN SOPN SC	17	hydrocortisone butyrate CREA	43	HYPERSAL NEBU	38
HYCAMTIN CAPS	29	hydrocortisone butyrate OINT	43	HYQVIA	62
hydralazine hcl SOLN	22	hydrocortisone butyrate SOLN	43	ibandronate sodium SOLN	46
hydralazine hcl TABS	22	hydrocortisone sod succinate 100 MG	38	ibandronate sodium TABS	46
hydrochlorothiazide CAPS	45	hydrocortisone TABS	38	IBRANCE CAPS	27
hydrochlorothiazide TABS 12.5 MG 46		hydrocortisone vaginal	70	IBRANCE TABS	27
hydrochlorothiazide TABS 25 MG, 50 MG	45	hydrocortisone valerate CREA	43	ibuprofen SUSP 100 MG/5ML	4
hydrocodone polistirex- chlorpheniramine polistirex SUER .	38	hydrocortisone valerate OINT	43	ibuprofen TABS 400 MG, 600 MG ..	4
hydrocodone-acetaminophen SOLN		hydrocortisone w/acetic acid	62	ibuprofen TABS 800 MG	4
				icatibant acetate SOLN	50
				icatibant acetate SOSY	50
				ICLUSIG	27

icosapent ethyl 1 GM	20	INSULIN ASPART FLEXPEN SOPN .	17	irrigation solutions, physiological ..	57
idarubicin hcl 20 MG/20ML	26	INSULIN ASPART PENFILL SOCT	17	ISENTRESS CHEW	32
idarubicin hcl 5 MG/5ML, 10				ISENTRESS HD TABS	32
MG/10ML	26	INSULIN ASPART		ISENTRESS TABS	32
IDELVION	50	PROTAMINE/INSULIN ASPART		ISOLYTE-P/DEXTROSE 5%	56
ifosfamide SOLN 1 GM/20ML	24	FLEXPEN SUPN	17	ISOLYTE-S	56
ifosfamide SOLR	24	INSULIN ASPART		isoniazid SOLN	24
imatinib mesylate	27	PROTAMINE/INSULIN ASPART		isoniazid SYRP	24
IMBRUVICA CAPS 140 MG	27	SUSP	17	isoniazid TABS	24
IMBRUVICA CAPS 70 MG	27	INSULIN ASPART SOLN IJ	17	isosorbide dinitrate TABS 5 MG, 10	
IMBRUVICA SUSP	27	INSULIN DEGLUDEC FLEXTOUCH		MG, 20 MG, 30 MG	8
IMBRUVICA TABS	27	SOPN	17	isosorbide dinitrate-hydralazine hcl	
imipenem-cilastatin IV	22	INSULIN DEGLUDEC SOLN	17	35	
imipramine hcl TABS	15	INTELENCE 25 MG	32	isosorbide mononitrate TABS	8
imipramine pamoate	15	INTRAROSA	70	isosorbide mononitrate TB24	8
imiquimod 5 %	43	INVEGA HAFYERA	30	isotretinoin 10 MG, 20 MG, 30 MG,	
IMPAVIDO	22	INVEGA SUSTENNA	30	40 MG	39
INCRELEX	46	INVEGA TRINZA	30	isradipine CAPS	34
INCRUSE ELLIPTA	9	IONOSOL-MB/DEXTROSE 5% ..	56	itraconazole CAPS	19
indapamide TABS 1.25 MG	46	IOPIDINE	60	itraconazole SOLN	19
indapamide TABS 2.5 MG	46	IPOL INACTIVATED IPV	69	ivabradine hcl TABS	35
indomethacin CAPS 25 MG, 50 MG 4		ipratropium bromide (nasal) 0.03 %		ivermectin (pediculicide)	44
indomethacin CPCP	4	59		ivermectin	8
INFANRIX	65	ipratropium bromide (nasal) 0.06 %		IXEMPRA KIT 15 MG	29
INFLECTRA SOLR	48	59		JAKAFI	27
INGREZZA CAPS	63	ipratropium bromide SOLN 0.02 % .	9	JANSSEN COVID-19 VACCINE ..	69
INGREZZA CPPK	63	ipratropium-albuterol SOLN	10	JANUMET TABS	16
INGREZZA CPSP	63	irbesartan	21	JANUMET XR TB24 1000 MG-100	
INLYTA	25	irbesartan-hydrochlorothiazide ...	21	MG	16
INREBIC	27	IRESSA (gefitinib)	25	JANUMET XR TB24 1000 MG-50	
		irinotecan hcl 40 MG/2ML, 100		MG, 500 MG-50 MG	16
		MG/5ML	29	JANUVIA	16

JARDIANCE	17	KIMONO MAXX/LARGE FLARE MISC	53	LUBRICATED DEVI	53
JEVTANA	29	KIMONO MICRO THIN PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 53		K-Y ME & YOU INTENSE DEVI ...	53
JIVI	50	KIMONO PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC	53	KYLEENA	37
JORNAY PM CP24	2	KIMONO PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 53		KYPROLIS	27
JULUCA	32	KIMONO PS LUBRICATED MISC	53	labetalol hcl SOLN	33
JYNARQUE TBPB	47	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 53		labetalol hcl TABS 100 MG, 200 MG .	33
KALYDECO TABS	64	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 53		labetalol hcl TABS 300 MG	33
KAMELEON LUBRICATED MISC	53	KIMONO PS PLUS SPERMICIDE/LUBRICATED MISC 53		lacosamide SOLN OR 10 MG/ML, 50 MG/5ML, 100 MG/10ML	12
KANJINTI	25	KIMONO SENSATION LUBRICATED MISC	53	lacosamide TABS	12
KCL 0.3%/D5W/NACL 0.9% (potassium chloride in dextrose & sodium chloride)	56	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 53		lactated ringer's (irrigation)	58
KEPIVANCE 6.25 MG	28	KIMONO SENSATION PLUS SPERMICIDE LUBRICATED MISC 53		lactated ringer's	56
KESIMPTA	64	KIMONO SPECIAL DEVI	53	lactic acid (ammonium lactate) CREA	43
KETAMINE HYDROCHLORIDE TROC	49	KINRIX SUSY	65	lactic acid (ammonium lactate) LOTN 12 %	43
ketoconazole (topical) CREA	40	KISQALI	27	lactulose (encephalopathy)	49
ketoconazole (topical) SHAM 2 %	40	KISQALI FEMARA 200 DOSE ...	27	lactulose SOLN	52
ketoconazole	19	KISQALI FEMARA 400 DOSE ...	27	LAMICTAL XR KIT	12
KETONE STRP	44	KISQALI FEMARA 600 DOSE ...	27	lamivudine (hcv) TABS	33
KETONE TEST STRIPS STRP ...	44	KLARITY-A	60	lamivudine SOLN	32
ketoprofen CAPS 50 MG	4	KLOXXADO LIQD	18	lamivudine TABS 150 MG	32
ketorolac tromethamine (ophth) ..	61	KOGENATE FS KIT	50	lamivudine TABS 300 MG	32
ketorolac tromethamine TABS	4	KOSELUGO	27	lamivudine-zidovudine	32
KETOSTIX STRP	44	KOVALTRY	50	lamotrigine CHEW 25 MG	12
ketotifen fumarate (ophth) 0.035 % 61		KP PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	58	lamotrigine CHEW 5 MG	12
KEVZARA SOAJ	4	KRINTAFEL	23	lamotrigine KIT 25 MG	12
KEVZARA SOSY	4	K-Y ME & YOU EXTRA		lamotrigine TABS	12
KIMONO COLORS DEVI	53			lamotrigine TB24	12
KIMONO LUBRICATED MISC	53			lamotrigine TBDP	12

LANOXIN SOLN IJ (digoxin)	34	LEVEMIR FLEXPEN SOPN	17	36	levorphanol tartrate TABS 2 MG	5
LANOXIN TABS 62.5 MCG, 125 MCG, 250 MCG (digoxin)	34	LEVEMIR FLEXTOUCH SOPN	17		levothyroxine sodium TABS	65
lansoprazole CPDR 15 MG	66	LEVEMIR SOLN	17		LEXIVA SUSP	32
lansoprazole CPDR 30 MG	66	levetiracetam in sodium chloride ..	12		lidocaine hcl (local anesth.) SOLN	
lanthanum carbonate CHEW	49	levetiracetam SOLN OR 100 MG/ML, 500 MG/5ML	12		0.5 %, 1 %, 2 %	52
lapatinib ditosylate	27	levetiracetam TABS 1000 MG	13		lidocaine hcl (mouth-throat) 2 % ...	58
LASTACRAFT	61	levetiracetam TABS 250 MG, 750 MG	13		lidocaine hcl (mouth-throat) 4 % ...	58
latanoprost SOLN	61	levetiracetam TABS 500 MG	13		lidocaine hcl GEL 2 %	44
leflunomide	4	levetiracetam TB24	13		lidocaine hcl PRSY	44
lenalidomide 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 15 MG, 25 MG	57	levobunolol hcl 0.5 %	60		lidocaine hcl SOLN	44
lenalidomide 20 MG	57	levocetirizine dihydrochloride SOLN 19			lidocaine PTCH 5 %	44
LENVIMA 10 MG DAILY DOSE ..	25	levocetirizine dihydrochloride TABS 19			lidocaine-prilocaine CREA	44
LENVIMA 12MG DAILY DOSE ...	25	levofloxacin (ophth) 0.5 %	60		LILETTA 20.1 MCG/DAY	37
LENVIMA 14 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin in d5w 5 %-500 MG/100ML	48		lincomycin hcl	23
LENVIMA 18 MG DAILY DOSE ...	25	levofloxacin SOLN OR	48		linezolid SUSR	23
LENVIMA 20 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin TABS 250 MG, 750 MG .	48		linezolid TABS	23
LENVIMA 24 MG DAILY DOSE ..	25	levofloxacin TABS 500 MG	48		LINZESS	49
LENVIMA 4 MG DAILY DOSE	25	levonorgestrel & eth estradiol TABS 36			liothyronine sodium SOLN	65
LENVIMA 8 MG DAILY DOSE	25	levonorgestrel (emergency oc) 1.5 MG	37		liothyronine sodium TABS	65
letrozole	26	levonorgestrel-eth estradiol (triphasic)	36		lisdexamfetamine dimesylate CAPS 1	
leucovorin calcium SOLR	28	levonorgestrel-ethinyl estradiol (91-day) 0.03 MG-0.15 MG	36		lisdexamfetamine dimesylate CHEW .	1
leucovorin calcium TABS	28	levonorgestrel-ethinyl estradiol (continuous)	36		lisinopril & hydrochlorothiazide ...	21
LEUKERAN	24	levonorgestrel-ethinyl estradiol-iron			lisinopril TABS 2.5 MG, 5 MG, 10 MG, 20 MG, 30 MG, 40 MG	20
LEUKINE SOLR IJ	51				lithium	30
leuprolide acetate KIT IJ 1 MG/0.2ML	26				lithium carbonate CAPS	30
levalbuterol hcl	10				lithium carbonate TABS	30
levalbuterol hcl 1.25 MG/0.5ML ...	10				lithium carbonate TBCR	30
levalbuterol tartrate	10				LO LOESTRIN FE TABS	36

lofexidine hcl	63	LUPRON DEPOT (1-MONTH) KIT IM	26	meclizine hcl TABS 12.5 MG	18
LOKELMA	58	26	meclizine hcl TABS 25 MG	18
loperamide hcl CAPS	17	LUPRON DEPOT (3-MONTH) KIT IM	26	meclofenamate sodium CAPS	4
lopinavir-ritonavir SOLN	32	26	MEDROL TABS	38
lopinavir-ritonavir TABS	32	LUPRON DEPOT (4-MONTH) IM	26	medroxyprogesterone acetate	
loratadine CAPS	19	LUPRON DEPOT (6-MONTH) IM	26	(contraceptive) SUSP IM	37
loratadine CHEW	19	LUPRON DEPOT-PED (1-MONTH)	47	medroxyprogesterone acetate	
loratadine SOLN	19	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)	47	(contraceptive) SUSY IM	37
loratadine TABS	19	11.25 MG	47	medroxyprogesterone acetate 10 MG	63
lorazepam CONC	8	LUPRON DEPOT-PED (3-MONTH)	47	63
lorazepam SOLN	8	30 MG	47	medroxyprogesterone acetate 2.5	
lorazepam TABS 0.5 MG, 2 MG	9	lurasidone hcl 20 MG, 40 MG, 60	30	MG, 5 MG	63
lorazepam TABS 1 MG	8	MG, 120 MG	30	mefenamic acid CAPS	4
LORBRENA	27	lurasidone hcl 80 MG	30	mefloquine hcl	24
LOREEV XR CS24	9	LYBALVI	63	megestrol acetate (appetite)	63
losartan potassium &		LYNPARZA TABS	27	megestrol acetate SUSP	26
hydrochlorothiazide 12.5 MG-100		LYSODREN	26	megestrol acetate TABS	26
MG, 25 MG-100 MG	21	mafenide acetate PACK	41	MEKINIST TABS	27
losartan potassium &		magnesium sulfate IJ 50 %	57	MEKTOVI	27
hydrochlorothiazide 12.5 MG-50 MG	21	malathion	44	meloxicam TABS	4
21		maraviroc TABS 150 MG	32	melphalan	24
losartan potassium	21	maraviroc TABS 300 MG	32	melphalan hcl IV	24
LOTEMAX OINT	61	MARPLAN	14	memantine hcl TABS	63
loteprednol etabonate GEL	61	MASONATAL TABS	58	MENACTRA	67
loteprednol etabonate SUSP	61	MATULANE	28	MENEST	48
lovastatin TABS 10 MG, 20 MG	20	MAVYRET PACK	33	MENOSTAR PTWK	48
lovastatin TABS 40 MG	20	MAVYRET TABS	33	MENQUADFI	67
loxapine succinate	30	MAXIDEX SUSP OP	61	MENVEO SOLR	67
lubiprostone	48	MAXX LUBRICATED MISC	53	meperidine hcl SOLN IJ 25 MG/ML,	
luliconazole	40	MAXX PLUS SPERMICIDE		50 MG/ML, 100 MG/ML	5
LUMIZYME	47	LUBRICATED MISC	53	meperidine hcl SOLN OR 50	
				MG/5ML	5

meperidine hcl TABS 50 MG5	MG 59	methylphenidate PTCH 2
meprobamate8	methotrexate sodium SOLN 50 MG/2ML, 250 MG/10ML 25	methylprednisolone acetate SUSP 38
mercaptopurine TABS 25	methotrexate sodium SOLR 25	methylprednisolone sod succ 40 MG, 125 MG, 500 MG, 1000 MG 38
meropenem 22	methotrexate sodium TABS 2.5 MG 25	methylprednisolone TABS 38
mesalamine CP24 48	methoxsalen rapid41	methylprednisolone TBPK 38
mesalamine CPDR 48	methscopolamine bromide 66	methyltestosterone TABS7
mesalamine ENEM 48	methsuximide13	metoclopramide hcl SOLN IJ 5 MG/ML 48
mesalamine SUPP48	methyldopa TABS21	metoclopramide hcl SOLN OR 5 MG/5ML, 10 MG/10ML 48
mesalamine TBEC 1.2 GM 48	methylphenidate hcl CHEW 10 MG .2	metoclopramide hcl TABS 48
mesalamine TBEC 800 MG 49	methylphenidate hcl CHEW 2.5 MG 2	metolazone46
metaxalone 800 MG 59	methylphenidate hcl CHEW 5 MG ..2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-100 MG, 50 MG-100 MG 21
metformin hcl TABS 1000 MG16	methylphenidate hcl CP24 20 MG, 40 MG2	metoprolol & hydrochlorothiazide TABS 25 MG-50 MG21
metformin hcl TABS 500 MG 16	methylphenidate hcl CP24 30 MG ..2	metoprolol succinate TB24 200 MG 33
metformin hcl TABS 850 MG 16	methylphenidate hcl CP24 2	metoprolol succinate TB24 25 MG, 50 MG, 100 MG33
metformin hcl TB24 500 MG16	methylphenidate hcl CPR 2	metoprolol tartrate SOLN IV 5 MG/5ML33
metformin hcl TB24 750 MG16	methylphenidate hcl SOLN2	metoprolol tartrate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG 34
methadone hcl CONC5	methylphenidate hcl TABS 10 MG, 20 MG 2	metronidazole (topical) CREA 44
methadone hcl SOLN IJ 10 MG/ML .5	methylphenidate hcl TABS 5 MG ...2	metronidazole (topical) GEL 0.75 % 44
METHADONE HCL SOLN IJ5	methylphenidate hcl TB24 18 MG, 27 MG2	metronidazole (topical) GEL 1 % ..44
methadone hcl SOLN OR 10 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TB24 36 MG, 54 MG2	metronidazole (topical) LOTN 44
methadone hcl SOLN OR 5 MG/5ML 5	methylphenidate hcl TBCR 10 MG, 20 MG 2	metronidazole TABS22
methadone hcl TABS 10 MG5	methylphenidate hcl TBCR 18 MG, 27 MG 2	metronidazole vaginal70
methadone hcl TABS 5 MG6	methylphenidate hcl TBCR 36 MG, 54 MG2	mexiletine hcl9
methadone hcl TBSO 6	methylphenidate hcl TBCR 72 MG ..2	
methamphetamine hcl1		
methazolamide TABS 45		
methenamine hippurate23		
methimazole TABS 65		
methocarbamol TABS 500 MG, 750		

micafungin sodium	19	69	moxifloxacin hcl TABS	48	
miconazole nitrate vaginal SUPP 200 MG	70	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/6MO-5Y	69	MOZOBIL (plerixafor)	51
midodrine hcl	70	MODERNA COVID-19 VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5	69	MULPLETA	51
mifepristone	47	MODERNA COVID-19 VACCINE6MO-5Y SUSP	69	MULTI PRENATAL TABS	58
miglitol	15	moexipril hcl	20	mupirocin OINT	39
miglustat	50	molindone hcl	31	MVASI	25
minocycline hcl CAPS	65	mometasone furoate (nasal) SUSP	60	MYALEPT	47
minocycline hcl TABS	65	mometasone furoate CREA	43	mycophenolate mofetil CAPS	57
minoxidil 2.5 MG, 10 MG	22	mometasone furoate OINT	43	mycophenolate mofetil TABS	57
MIRCERA	51	mometasone furoate SOLN	43	mycophenolate sodium	57
MIRENA	37	montelukast sodium CHEW	9	MYLERAN TABS	24
mirtazapine TABS 15 MG	13	montelukast sodium PACK	9	nabumetone	4
mirtazapine TABS 30 MG	13	montelukast sodium TABS	9	nadolol TABS 20 MG	34
mirtazapine TABS 7.5 MG, 45 MG	13	morphine sulfate CP24 10 MG, 20 MG, 30 MG, 50 MG, 60 MG, 80 MG, 100 MG	6	nadolol TABS 40 MG	34
mirtazapine TBDP 15 MG	14	morphine sulfate SOLN IJ 0.5 MG/ML, 1 MG/ML	6	nadolol TABS 80 MG	34
mirtazapine TBDP 30 MG	14	morphine sulfate SOLN OR 10 MG/5ML	6	nafcillin sodium IV 10 GM	62
mirtazapine TBDP 45 MG	14	morphine sulfate SOLN OR 20 MG/5ML	6	naftifine hcl CREA 1 %	40
misoprostol	66	morphine sulfate TABS	6	naftifine hcl CREA 2 %	40
mitomycin SOLR IV 20 MG	27	morphine sulfate TBCR	6	NAGLAZYME	47
mitoxantrone hcl 2 MG/ML	27	MOTOFEN	17	nalbuphine hcl	7
M-M-R II SOLR	69	MOVANTIK	49	naloxone hcl LIQD	18
M-NATAL PLUS TABS	58	moxifloxacin hcl (ophth) SOLN OP	60	naloxone hcl SOCT	18
modafinil 100 MG	2	moxifloxacin hcl in sodium chloride	48	naloxone hcl SOLN 0.4 MG/ML, 4 MG/10ML	18
modafinil 200 MG	2			naloxone hcl SOSY 2 MG/2ML	18
MODERNA COVID-19 VACCINE SUSP	69			naltrexone hcl	18
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2023-24 SUSP	69			naproxen sodium TABS 550 MG	4
MODERNA COVID-19 VACCINE/6MO-11Y/2024-25 SUSP				naproxen SUSP	4
				naproxen TABS	4
				naproxen TBEC 500 MG	4

naratriptan hcl	55	NEVANAC	61	nilutamide	26
NATACYN	60	nevirapine SUSP	32	nimodipine CAPS	34
NATAZIA	36	nevirapine TABS	32	NINLARO	27
nateglinide	17	nevirapine TB24 100 MG	32	nisoldipine	34
NAYZILAM	12	nevirapine TB24 400 MG	32	nitazoxanide TABS	22
nebivolol hcl 2.5 MG, 5 MG, 10 MG 34		NEXIUM 24HR TBEC (esomeprazole magnesium)	66	nitisinone CAPS	47
nebivolol hcl 20 MG	34	NEXTSTELLIS	36	NITRO-BID OINT	8
NEBUSAL NEBU	38	niacin (antihyperlipidemic) TBCR ..	20	nitrofurantoin	23
nefazodone hcl	15	niacin CPCR 250 MG, 500 MG ...	71	nitrofurantoin macrocrystal 50 MG, 100 MG	23
nelarabine	25	niacin TABS	71	nitrofurantoin monohyd macro	23
neomycin sulfate TABS	3	niacin TBCR	71	nitroglycerin (intra-anal)	8
neomycin-bacitracin zn-polymyxin	60	NIACIN TR TBCR	71	nitroglycerin CPCR	8
neomycin-polymy-dexameth OINT	61	niacinamide TABS 100 MG	71	nitroglycerin PT24	8
neomycin-polymy-dexameth SUSP	61	niacinamide TABS 500 MG	71	NITROGLYCERIN SOLN IV	8
neomycin-polymyxin-hc (ophth) ...	61	nicardipine hcl CAPS	34	nitroglycerin SUBL	8
neomycin-polymyxin-hc (otic) SOLN .	62	nicardipine hcl SOLN	34	NIVA-PLUS TABS	58
neomycin-polymyxin-hc (otic) SUSP .	62	nicotine MISC XX	64	nizatidine CAPS	66
NEONATAL COMPLETE TABS 120 MG-10 MG-9.2 MG-1000 MCG-10 MCG-12 MCG-3 MG-5 MG-20 MG- 27 MG-200 MG-1.84 MG-25 MG-2 MG-1200 MCG-2 MG-0.2 MG	58	nicotine polacrilex GUM	64	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 30 MG/3ML	46
NEONATAL PLUS TABS	58	nicotine polacrilex LOZG	64	NORDITROPIN FLEXPPO SOPN 5 MG/1.5ML, 10 MG/1.5ML, 15 MG/1.5ML	46
NEONATAL PRENATAL VITAMIN TABS	58	nicotine PT24 TD 7 MG/24HR, 14 MG/24HR, 21 MG/24HR	64	norelgestromin-ethinyl estradiol ...	37
NEONATAL VITAMIN TABS	58	NICOTINE TRANSDERMAL SYSTEM KIT	64	norethin acet & estrad-fe CAPS ...	36
neostigmine methylsulfate SOSY ..	24	NICOTROL INHALER INHA	64	norethin acet & estrad-fe CHEW ...	36
NEO-SYNALAR	40	NICOTROL NS SOLN	64	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	37
NEUPRO	29	nifedipine CAPS 10 MG	34	norethin acet & estrad-fe TABS 1 MG-20 MCG-75 MG, 1.5 MG-30 MCG-75 MG	37
		nifedipine CAPS 20 MG	34	norethindrone & eth estradiol	37
		nifedipine TB24 60 MG	34	norethindrone & ethinyl estradiol-fe 37	
		nifedipine TB24 90 MG	34		
		nifedipine TB24	34		

norethindrone (contraceptive)	37	NOVOLIN N FLEXPEN SUPN	17	octreotide acetate SOLN	47
norethindrone acet & eth estra TABS 37		NOVOLIN N SUSP	17	octreotide acetate SOSY	47
norethindrone acetate TABS	63	NOVOLIN R FLEXPEN SOPN IJ ..	17	ODEFSEY	32
norethindrone acetate-ethinyl estradiol	47	NOVOLIN R SOLN IJ	17	ODOMZO	25
norethindrone acetate-ethinyl estradiol-fe	37	NOXAFIL SUSP (posaconazole) ..	19	OFEV	65
norethindrone-eth estradiol (triphasic)	37	NP THYROID 120 TABS	65	ofloxacin (ophth)	60
norgestimate-ethinyl estradiol (triphasic)	37	NP THYROID 15 TABS	65	ofloxacin (otic)	61
norgestimate-ethinyl estradiol	37	NP THYROID 30 TABS	65	ofloxacin 300 MG, 400 MG	48
norgestrel & ethinyl estradiol 30 MCG-0.3 MG	37	NP THYROID 60 TABS	65	OGIVRI	25
NORMOSOL-M/D5W	56	NP THYROID 90 TABS	65	olanzapine SOLR	30
NORMOSOL-R	56	NUBEQA	26	olanzapine TABS 2.5 MG, 5 MG ..	30
nortriptyline hcl CAPS	15	NUCALA SOAJ	9	olanzapine TABS 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG	30
nortriptyline hcl SOLN	15	NUCALA SOLR	9	olanzapine TBDP 20 MG	30
NORVIR CAPS	32	NUCALA SOSY 100 MG/ML	9	olanzapine TBDP 5 MG, 10 MG, 15 MG	30
NORVIR PACK	32	NUCALA SOSY 40 MG/0.4ML	9	olanzapine-fluoxetine hcl	63
NORVIR SOLN	32	NUCYNTA ER TB12	6	olmesartan medoxomil	21
NOVA MAX PLUS KETONE TESTSTRIPS	44	NUCYNTA TABS	6	olmesartan medoxomil-amlodipine- hydrochlorothiazide	21
NOVAVAX COVID-19 VACCINE SUSP	69	NUEDEXTA	64	olmesartan medoxomil- hydrochlorothiazide	21
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	69	NULOJIX	57	olopatadine hcl (nasal)	59
NOVAVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	69	NUPLAZID CAPS	30	olopatadine hcl 0.1 %	61
NOVOEIGHT	50	NUPLAZID TABS 10 MG	30	olopatadine hcl 0.2 %	61
NOVOLIN 70/30 FLEXPEN SUPN 17		nystatin (mouth-throat)	58	omega-3-acid ethyl esters	20
NOVOLIN 70/30 SUSP	17	nystatin (topical) CREA	40	omeprazole CPDR	66
		nystatin (topical) OINT	40	omeprazole magnesium CPDR ...	66
		nystatin (topical) POWD EX	40	omeprazole TBEC	66
		nystatin TABS	19	omeprazole-sodium bicarbonate CAPS 1100 MG-20 MG	66
		nystatin-triamcinolone CREA	40	OMNIFLEX DIAPHRAGM	53
		nystatin-triamcinolone OINT	40		
		NYVEPRIA	51		
		octreotide acetate KIT	47		

ONCASPAR	28	OTEZLA TABS	4	OZEMPIC SOPN 2 MG/3ML	16
ondansetron hcl SOLN IJ 4 MG/2ML 18		OTEZLA TBPK	4	OZEMPIC SOPN 4 MG/3ML, 8 MG/3ML	16
ondansetron hcl SOLN OR 4 MG/5ML	18	oxacillin sodium IV 10 GM	62	paclitaxel 6 MG/ML, 100 MG/16.7ML, 150 MG/25ML	29
ondansetron hcl SOSY	18	oxaliplatin SOLN 50 MG/10ML, 100 MG/20ML	24	paclitaxel protein-bound particles ..	29
ondansetron hcl TABS 24 MG	18	oxandrolone	7	paliperidone 1.5 MG, 3 MG, 9 MG ..	30
ondansetron hcl TABS 4 MG	18	oxaprozin TABS	4	paliperidone 6 MG	30
ondansetron hcl TABS 8 MG	18	oxazepam CAPS	9	palonosetron hcl SOLN	18
ondansetron TBDP 4 MG	18	OXBRYTA TABS 500 MG	50	pamidronate disodium SOLN 30 MG/10ML, 90 MG/10ML	46
ondansetron TBDP 8 MG	18	oxcarbazepine SUSP	13	PAMIDRONATE DISODIUM SOLN 46	
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN PLUS TABS ..	58	oxcarbazepine TABS 150 MG, 300 MG	13	PANCREAZE CPEP 149900 UNIT- 97300 UNIT-37000 UNIT, 15200 UNIT-8800 UNIT-2600 UNIT, 24600 UNIT-14200 UNIT-4200 UNIT, 61500 UNIT-35500 UNIT-10500 UNIT, 83900 UNIT-54700 UNIT-21000 UNIT, 98400 UNIT-56800 UNIT- 16800 UNIT	45
ONE VITE WOMENS PRENATALVITAMIN TABS	58	oxcarbazepine TABS 600 MG	13	PANRETIN	41
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE	55	oxcarbazepine TB24	13	pantoprazole sodium TBEC 20 MG 66	
ONETOUCH DELICA SAFETY LANCING DEVICE 30G	55	oxiconazole nitrate CREA	40	pantoprazole sodium TBEC 40 MG 66	
OPILL	37	OXISTAT LOTN	40	PARAGARD INTRAUTERINE COPPER CONTRACEPTIVE T380A	37
OPSUMIT	35	oxybutynin chloride SOLN	67	paricalcitol CAPS	47
ORENITRAM TBCR	35	oxybutynin chloride TABS 5 MG ..	67	paricalcitol SOLN	47
ORGOVYX	26	oxybutynin chloride TB24	67	paroxetine hcl SUSP	14
ORLISSA	46	oxycodone hcl T12A 10 MG, 20 MG, 40 MG, 80 MG	6	paroxetine hcl TABS 10 MG	14
ORKAMBI PACK	64	oxycodone hcl TABS	6	paroxetine hcl TABS 20 MG	14
ORKAMBI TABS	64	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-10 MG, 325 MG-5 MG, 325 MG-7.5 MG	7	paroxetine hcl TABS 30 MG	14
ORLADEYO	50	oxycodone w/ acetaminophen TABS 325 MG-2.5 MG	7		
orphenadrine citrate TB12	59	oxymorphone hcl TABS	6		
oseltamivir phosphate CAPS	33	oxymorphone hcl TB12 40 MG	6		
oseltamivir phosphate SUSP	33	oxymorphone hcl TB12 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG, 20 MG, 30 MG 6	6		
OSMOPREP	52	OZEMPIC SOPN 2 MG/1.5ML	16		
OSPHENA	46				

paroxetine hcl TABS 40 MG 14	penicillin v potassium TABS 62	19VACCINE/BIVALENT/5-11Y ... 69
paroxetine hcl TB24 12.5 MG15	PENTACEL65	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/6M-4Y ...69
paroxetine hcl TB24 25 MG, 37.5 MG15	pentazocine w/ naloxone hcl 7	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/BIVALENT/BA.4/BA.5 69
PASER PACK24	pentoxifylline50	
pazopanib hcl27	perindopril erbumine 2 MG, 8 MG .20	
PEDIARIX SUSY65	perindopril erbumine 4 MG 20	PHEBURANE PLLT 47
pediatric multivitamins w/fl CHEW .58	PERJETA25	phenazopyridine hcl TABS 100 MG, 100 MG, 200 MG 49
PEDVAX HIB SUSP 67	permethrin CREA 44	phendimetrazine tartrate TABS 1
peg 3350-kcl-nacl-na sulfate-na ascorbate-ascorbic acid52	permethrin LIQD EX 44	phenelzine sulfate14
peg 3350-kcl-sod bicarb-sod chloride-sod sulfate SOLR 6.74 GM-2.97 GM-5.86 GM-22.74 GM-236 GM52	perphenazine TABS31	phenobarbital ELIX 51
peg 3350-potassium chloride-sod bicarbonate-sod chloride52	perphenazine-amitriptyline 63	phenobarbital TABS 51
PEGASYS SOLN 33	PERSERIS PRSY30	phenoxybenzamine hcl21
PEGASYS SOSY33	PEXEVA 10 MG, 20 MG, 30 MG .. 15	phentermine hcl CAPS1
PEMAZYRE27	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE SUSP 69	phentolamine mesylate SOLR21
pemetrexed disodium SOLR 500 MG 25	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y SUSP 69	phenytoin CHEW13
peniclovir41	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2023-24 SUSP 69	phenytoin sodium extended 100 MG, 200 MG, 300 MG13
penicillamine CAPS57	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/5-11Y/2024-25 SUSP 69	phenytoin sodium SOLN13
penicillamine TABS57	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y SUSP69	phenytoin SUSP 13
penicillin g potassium 5000000 UNIT 62	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2023-24 SUSP69	PHEXXI70
PENICILLIN G POTASSIUM IN ISO-OSMOTIC DEXTROSE 40000 UNIT/ML, 60000 UNIT/ML62	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/6MO-4Y/2024-25 SUSP69	PHOSLYRA SOLN 49
PENICILLIN G PROCAINE 62	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..69	PHOTOFRIN 28
penicillin g sodium62	PFIZER-BIONTECH COVID-19VACCINE/ADULT RTU SUSP ..69	PIFELTRO32
penicillin v potassium SOLR62		pilocarpine hcl (oral)58
		pilocarpine hcl SOLN 1 %, 2 %, 4 % . 60
		pimecrolimus 44
		pimozide64
		pindolol TABS34
		pioglitazone hcl17

pioglitazone hcl-glimepiride	16	sodium chloride 5 %-0.075 %-0.45 %, 5 %-0.15 %-0.9 %, 5 %-10 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.2 %, 5 %-20 MEQ/L-0.45 %, 5 %-20 MEQ/L-0.9 %, 5 %-30 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.45 %, 5 %-40 MEQ/L-0.9 %	56	0.125 MG	29
pioglitazone hcl-metformin hcl TABS . 16				pramipexole dihydrochloride TABS 0.25 MG, 0.5 MG, 0.75 MG, 1 MG, 1.5 MG	29
piperacillin sodium-tazobactam sodium	62			prasugrel hcl	50
PIQRAY 200MG DAILY DOSE	27	potassium chloride in dextrose 5 %- 20 MEQ/L	56	pravastatin sodium	20
PIQRAY 250MG DAILY DOSE	27	potassium chloride in nacl 20 MEQ/L- 0.45 %, 20 MEQ/L-0.9 %, 40 MEQ/L- 0.9 %	56	praziquantel	8
PIQRAY 300MG DAILY DOSE	28	potassium chloride microencapsulated crystals er	57	prazosin hcl CAPS	21
pirfenidone TABS 534 MG	65	potassium chloride PACK OR 20 MEQ	57	PRECISION XTRA	44
piroxicam CAPS	4	POTASSIUM CHLORIDE SOLN IV 10 MEQ/50ML (potassium chloride) 57		PRED MILD	61
PLASMA-LYTE A (electrolyte-a)	56	potassium chloride SOLN IV 2 MEQ/ML, 10 MEQ/50ML, 20 MEQ/50ML	57	prednicarbate OINT	43
PLASMA-LYTE-148 (electrolyte-148)	56	potassium chloride TBCR 8 MEQ, 10 MEQ, 20 MEQ	57	prednisolone acetate (ophth)	61
PLEGRIDY SOAJ	64	POTASSIUM CHLORIDE/DEXTROSE/LACTATED RINGERS	56	PREDNISOLONE SODIUM PHOSPHATE	61
PLEGRIDY SOSY IM	64	POTASSIUM CHLORIDE/SODIUM CHLORIDE 20 MEQ/L-0.45 % (potassium chloride in nacl)	56	prednisolone sodium phosphate SOLN 5 MG/5ML, 6.7 MG/5ML, 10 MG/5ML, 15 MG/5ML, 25 MG/5ML 38	
PLEGRIDY STARTER PACK SOAJ . 64		potassium citrate (alkalinizer) TBCR . 49		prednisolone sodium phosphate TBDP	38
PLEGRIDY STARTER PACK SOSY SC	64	potassium phosphates 236 MG/ML- 224 MG/ML	57	prednisolone SOLN	38
plerixafor	51	PR BENZOYL PEROXIDE WASH LIQD	39	prednisone SOLN	38
PNEUMOVAX 23 SOSY	67	pralatrexate 20 MG/ML	25	prednisone TABS 1 MG, 5 MG	38
PNEUMOVAX 23/1 DOSE SOLN	67	pramipexole dihydrochloride TABS		prednisone TABS 2.5 MG, 10 MG, 20 MG, 50 MG	38
podofilox SOLN	44			prednisone TBPK	38
polymyxin b sulfate SOLR	23			pregabalin (once-daily) 330 MG	64
polymyxin b-trimethoprim	60			pregabalin (once-daily) 82.5 MG, 165 MG	64
POMALYST	26			pregabalin CAPS 225 MG, 300 MG 13	
posaconazole SUSP	19			pregabalin CAPS 25 MG, 50 MG, 75 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	13
potassium acetate SOLN 2 MEQ/ML . 57					
potassium bicarbonate TBEF	57				
potassium chloride CPCR	57				
potassium chloride in dextrose &					

pregabalin SOLN	13	PREZISTA TABS 75 MG, 150 MG	32	proparacaine hcl	61
PREHEVBRIO	69	PRIFTIN	24	propranolol hcl CP24	34
PREMARIN	70	primaquine phosphate TABS	24	propranolol hcl SOLN OR 20 MG/5ML, 40 MG/5ML	34
PREMARIN SOLR	48	primidone 50 MG, 250 MG	13	propranolol hcl TABS	34
PREMARIN TABS	48	PRIORIX SUSR	70	propylthiouracil	65
PREMPHASE	47	probenecid	50	PROQUAD SUSR	70
PREMPRO	47	procainamide hcl SOLN 500 MG/ML . 9		protriptyline hcl	15
PRENATAL MULTIVITAMIN TABS 58		prochlorperazine	31	PULMICORT FLEXHALER AEPB .	10
PRENATAL ONE DAILY TABS	59	prochlorperazine edisylate 10 MG/2ML	31	PULMOZYME	64
PRENATAL PLUS TABS	59	prochlorperazine maleate TABS ...	31	PX PRENATAL MULTIVITAMINS TABS	59
PRENATAL PLUS VITAMIN ANDMINERAL TABS	59	PROCRIT 2000 UNIT/ML, 3000 UNIT/ML, 4000 UNIT/ML, 10000 UNIT/ML, 20000 UNIT/ML	51	pyrazinamide	24
PRENATAL TABS	59	PROCRIT 40000 UNIT/ML	51	pyridostigmine bromide SOLN OR	24
PRENATAL VITAMIN & MINERAL TABS	59	progesterone CAPS	63	pyridostigmine bromide TABS 60 MG	24
PRENATAL VITAMIN TABS	59	PROGRAF PACK	57	pyridostigmine bromide TBCR	24
PRENATAL VITAMIN/IRON TABS	59	PROGRAF SOLN	57	pyrimethamine	24
PRENATAL VITAMINS PLUS LOW IRON TABS	59	PROLASTIN-C SOLN	64	QC PRENATAL TABS	59
PRENATAL VITAMINS TABS 100 MG-800 MCG-1.84 MG-18 MG-2.6 MG-1.7 MG-27 MG-10 MCG-4.95 MG-25 MG-200 MG-160 MG-1200 MCG-4 MCG, 120 MG-2.6 MG-800 MCG-400 UNIT-8 MCG-1.7 MG-20 MG-28 MG-200 MG-1.8 MG-25 MG- 4000 UNIT-30 UNIT	59	PROLEUKIN	28	QELBREE	2
PRENATRIX TABS	59	PROLIA SOSY	46	QINLOCK	28
PRENATRYL TABS	59	PROMACTA PACK	51	QUADRACEL SUSP	65
PREVNAR 13	67	PROMACTA TABS	51	QUADRACEL SUSY	65
PREVNAR 20	67	promethazine hcl SOLN OR 6.25 MG/5ML	19	quazepam	51
PREZCOBIX	32	promethazine hcl SUPP 12.5 MG, 25 MG	19	quetiapine fumarate TABS 150 MG 31	
PREZISTA SUSP	32	promethazine hcl SUPP 50 MG ...	19	quetiapine fumarate TABS 25 MG, 50 MG, 100 MG, 200 MG	30
		promethazine hcl TABS	19	quetiapine fumarate TABS 300 MG, 400 MG	30
		propafenone hcl CP12	9	quetiapine fumarate TB24 300 MG, 400 MG	31
		propafenone hcl TABS	9		

quetiapine fumarate TB24 50 MG, 150 MG, 200 MG	31	REBIF REBIDOSE TITRATIONPACK SOAJ	64	ribavirin (hepatitis c) TABS 200 MG 33
QUILLICHEW ER CHER	2	REBIF SOSY	64	RIDAURA
QUILLIVANT XR SRER	2	REBIF TITRATION PACK SOSY ..	64	rifabutin
quinapril hcl 20 MG, 40 MG	21	RECOMBIVAX HB SUSP	70	rifampin CAPS
quinapril hcl 5 MG, 10 MG	21	RECOMBIVAX HB SUSY	70	rifampin SOLR
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-10 MG	22	RECTIV (nitroglycerin (intra-anal))	.8	riluzole TABS
quinapril-hydrochlorothiazide 12.5 MG-20 MG	22	REGRANEX	44	rimantadine hydrochloride TABS ..
quinapril-hydrochlorothiazide 25 MG- 20 MG	22	RELENZA DISKHALER	33	ringer's
quinidine sulfate TABS	9	RELEXXII TBCR 72 MG	2	ringer's irrigation
quinine sulfate CAPS 324 MG	24	RELION 2-IN-1 LANCET DEVICES 30G	55	RINVOQ TB24
QVAR REDIHALER	10	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 25G	55	risedronate sodium TABS 150 MG
RA PRENATAL FORMULA/FOLICACID TABS	59	RELION 2-IN-1 LANCING DEVICE 30G	55	46
RA PRENATAL TABS	59	RELION KETONE TEST STRIPS STRP	44	risedronate sodium TABS 35 MG ..
rabeprazole sodium TBEC	66	RELION TRUE METRIX BLOODGLUCOSE TEST STRIPS STRP	44	46
raloxifene hcl	46	RENFLXIS	49	risedronate sodium TABS 5 MG, 30 MG
ramelteon	52	repaglinide 0.5 MG, 1 MG	17	46
ramipril CAPS	21	repaglinide 2 MG	17	risedronate sodium TBEC
ranitidine hcl TABS 150 MG	66	REPATHA PUSHTRONEX SYSTEM SOCT	20	46
ranolazine TB12 1000 MG	8	REPATHA SOSY	20	risperidone microspheres
ranolazine TB12 500 MG	8	REPATHA SURECLICK SOAJ	20	30
rasagiline mesylate	29	RETACRIT	51	risperidone SOLN
REALITY LATEX CONDOMS/LUBRICATED MISC ..	53	RETEVMO CAPS	28	30
REALITY LATEX/ULTRA TEXTURED DEVI	53	RETROVIR IV INFUSION SOLN ..	32	risperidone TABS
REALITY LATEX/ULTRA THIN DEVI 53		REXULTI	31	30
REBIF REBIDOSE SOAJ	64	ribavirin (hepatitis c) CAPS	33	risperidone TBDP
				30
				ritonavir TABS
				32
				rivastigmine tartrate CAPS
				63
				rizatriptan benzoate TABS 10 MG
				.55
				rizatriptan benzoate TABS 5 MG ..
				55
				rizatriptan benzoate TBDP 10 MG
				.55
				rizatriptan benzoate TBDP 5 MG ..
				55
				roflumilast
				9
				romidepsin SOLR
				28
				ropinirole hydrochloride TABS
				29
				ropinirole hydrochloride TB24 2 MG, 4 MG, 6 MG
				29

ropinirole hydrochloride TB24 8 MG, 12 MG	29	scopolamine	18	simvastatin TABS	20
rosuvastatin calcium TABS	20	SECUADO	31	sirolimus TABS	57
ROTARIX SUSP	70	SELECT INSULIN SYRINGES ...	55	SIRTURO	24
ROTARIX SUSR	70	SELECT LANCETS	55	SIVEXTRO TABS	23
ROTATEQ SOLN	70	selegiline hcl CAPS	30	SKYLA	37
ROZLYTREK CAPS	28	selegiline hcl TABS	30	SKYRIZI PEN SOAJ	41
RUBRACA	28	selenium sulfide LOTN 2.5 %	41	SKYRIZI SOCT	49
rufinamide SUSP	13	SELZENTRY SOLN	32	SKYRIZI SOLN	49
rufinamide TABS 200 MG	13	SELZENTRY TABS 25 MG, 75 MG 32		SKYRIZI SOSY	41
rufinamide TABS 400 MG	13	SEREVENT DISKUS	10	SLYND	37
RUKOBIA	32	sertraline hcl CONC	15	SM PRENATAL VITAMINS TABS .	59
RUXIENCE	25	sertraline hcl TABS 100 MG	15	SODIUM ACETATE SOLN (sodium acetate)	56
RYBELSUS TABS	16	sertraline hcl TABS 25 MG, 50 MG 15		sodium acetate SOLN	56
salsalate	5	SERTRALINE HYDROCHLORIDE CAPS	15	sodium chloride (gu irrigant) 0.9 %	49
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT (octreotide acetate)	47	sevelamer carbonate PACK	49	sodium chloride (inhalant) NEBU 7 %	38
SANDOSTATIN LAR DEPOT KIT .	47	sevelamer carbonate TABS	49	sodium chloride SOLN IV 0.45 %, 0.9 %, 3 %, 4 MEQ/ML, 5 %	57
SANTYL OINT	43	SHINGRIX	70	sodium citrate & citric acid	49
sapropterin dihydrochloride PACK .	47	SIGNIFOR	47	sodium fluoride CHEW 0.25 MG, 0.5 MG, 1 MG, 2.2 MG	56
sapropterin dihydrochloride TABS .	47	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SOLN	35	sodium phenylbutyrate POWD	47
SAVELLA TABS	63	sildenafil citrate (pulmonary hypertension) SUSR	35	sodium phenylbutyrate TABS	47
SAVELLA TITRATION PACK MISC 63		sildenafil citrate (pulmonary hypertension) TABS	35	sodium polystyrene sulfonate POWD 58	
saxagliptin hcl	16	sildenafil citrate	35	sodium polystyrene sulfonate SUSP CO 15 GM/60ML	58
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG- 2.5 MG	16	silodosin	49	sodium sulfate-potassium sulfate- magnesium sulfate	52
saxagliptin-metformin hcl 1000 MG-5 MG, 500 MG-5 MG	16	silver sulfadiazine	41	SOFOSBUVIR/VELPATASVIR TABS	33
SCSEMBLIX 100 MG	28	SIMPONI ARIA SOLN	4	solifenacin succinate TABS	67
SCSEMBLIX 20 MG	28	SIMULECT	57		
SCSEMBLIX 40 MG	28				

SOLIQUA 100/33	16	SPRITAM TB3D	13	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 9 %-4.5 %	39
SOLOSEC	2	SPRYCEL (dasatinib)	28	sulfacetamide sodium-sulfur in urea vehicle EMUL 10 %-10 %-4 %	39
SOLU-CORTEF 100 MG, 500 MG, 1000 MG	38	stannous fluoride CONC	58	sulfadiazine TABS	65
SOLU-CORTEF 250 MG	38	stavudine CAPS	32	sulfamethoxazole-trimethoprim SOLN	22
SOLU-MEDROL 2 GM	38	STELARA 130 MG/26ML	49	STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	41
SOMAVERT 10 MG, 15 MG, 20 MG . 46		STELARA SOLN 45 MG/0.5ML ...	41	STELARA SOSY 45 MG/0.5ML ...	41
sorafenib tosylate	28	STELARA SOSY 90 MG/ML	41	STENDRA	35
SORBITOL 3 %	49	STIOLTO RESPIMAT	11	STIVARGA	28
SORBITOL/MANNITOL IRRIGATION	49	STRENSIQ	47	streptomycin sulfate SOLR	3
sotalol hcl (afib/af)	34	STRIBILD	32	STRIVERDI RESPIMAT	11
sotalol hcl TABS 240 MG	34	STRIVERDI RESPIMAT	11	SUBLOCADE SOSY	7
sotalol hcl TABS 80 MG, 120 MG, 160 MG	34	SUBSYS LIQD 100 MCG	6	SUBSYS LIQD 200 MCG, 400 MCG, 600 MCG	6
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE SUSP	70	SUBSYS LIQD 800 MCG, 1200 MCG, 1600 MCG	6	sucrafate SUSP	66
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSP	70	sucrafate TABS	66	sulconazole nitrate CREA	40
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2023-24 SUSY	70	sulconazole nitrate SOLN	40	sulfacetamide sodium (acne)	39
SPIKEVAX COVID-19 VACCINE/2024-25 SUSY	70	sulfacetamide sodium (ophth) SOLN . 60		sulfacetamide sodium w/ sulfur CREA 10 %-5 %	39
spinosad	44	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	39	sulfacetamide sodium w/ sulfur LIQD 10 %-5 %	39
SPIRIVA HANDIHALER CAPS (tiotropium bromide monohydrate) ..	9	SUNOSI 150 MG	2	SUNOSI 75 MG	2
SPIRIVA RESPIMAT AERS	9	SYMPAZAN FILM	12	SYNAREL	47
spironolactone & hydrochlorothiazide	45	SYNERA PTCH	44	SYNJARDY TABS	16
spironolactone TABS	45	SYNJARDY XR TB24 1000 MG-10 MG, 1000 MG-12.5 MG, 1000 MG-5			
SPRAVATO 56MG DOSE	14				
SPRAVATO 84MG DOSE	14				

MG	16	telmisartan	21	THERANATAL CORE NUTRITION TABS	59
SYNJARDY XR TB24 1000 MG-25 MG	16	telmisartan-amlodipine	22	THIOLA EC TBEC 100 MG (tiopronin)	49
SYNRIBO	28	telmisartan-hydrochlorothiazide ..	22	THIOLA EC TBEC 300 MG (tiopronin)	49
SYNTHROID TABS (levothyroxine sodium)	65	temazepam	52	thioridazine hcl	31
TABLOID	25	TEMODAR SOLR	24	thiotepa 15 MG	24
TABRECTA	28	temozolomide CAPS	24	thiothixene	31
tacrolimus (topical) OINT	44	temsirolimus	28	THYMOGLOBULIN	57
tacrolimus CAPS	57	TENIVAC INJ	65	THYROGEN 0.9 MG	44
tadalafil (pulmonary hypertension) TABS	35	tenofovir disoproxil fumarate TABS 32		tiagabine hcl	13
tadalafil 5 MG	35	terazosin hcl	21	TIBSOVO	28
TAFINLAR CAPS	28	terbinafine hcl TABS	19	tigecycline	65
tafluprost	61	terbutaline sulfate SOLN	11	timolol maleate (ophth) SOLG	60
TAGRISSO 40 MG	25	terbutaline sulfate TABS	11	timolol maleate (ophth) SOLN	60
TAGRISSO 80 MG	25	terconazole vaginal CREA	70	timolol maleate TABS	34
TAKHZYRO SOLN	50	terconazole vaginal SUPP	70	tiopronin TBEC 100 MG	49
TAKHZYRO SOSY	50	teriflunomide	64	tiopronin TBEC 300 MG	49
TALZENNA	28	TERIPARATIDE SOPN	46	tiotropium bromide monohydrate CAPS	9
tamoxifen citrate TABS	26	TESTOSTERONE CYPIONATE SOLN IJ 200 MG/ML	7	TIVICAY TABS	32
tamsulosin hcl	49	testosterone cypionate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl CAPS	59
TASIGNA 150 MG, 200 MG	28	testosterone enanthate SOLN IM ...	7	tizanidine hcl TABS	59
TASIGNA 50 MG	28	TETANUS/DIPHThERIA TOXOIDS- ADSORBED ADULT SUSP	66	tobramycin (ophth) SOLN	60
tavaborole	40	tetrabenazine	63	tobramycin NEBU	3
TAVALISSE	50	tetracycline hcl CAPS	65	tobramycin sulfate SOLN IJ 10 MG/ML, 40 MG/ML, 80 MG/2ML ...	3
tazarotene CREA 0.1 %	41	THALOMID	57	tobramycin-dexamethasone SUSP 61	
TAZVERIK	28	theophylline ELIX	11	TODAY SPONGE MISC	70
TDVAX SUSP	65	theophylline SOLN	11	tolcapone	29
TEFLARO	36	theophylline TB12	11		
TEGSEDI	64	theophylline TB24	11		

tolmetin sodium CAPS	4	travoprost SOLN	61	OINT 0.025 %, 0.1 %	43
tolmetin sodium TABS 600 MG	4	TRAZIMERA	25	triamcinolone acetonide (topical) OINT 0.5 %	43
TOLSURA CAPS	19	trazodone hcl TABS	15	triamcinolone acetonide SUSP 40 MG/ML, 200 MG/5ML, 400 MG/10ML	38
tolterodine tartrate CP24	67	TRECTOR	24	triamterene & hydrochlorothiazide CAPS 25 MG-37.5 MG	45
tolterodine tartrate TABS	67	TRELEGY ELLIPTA	11	triamterene & hydrochlorothiazide TABs	45
tolvaptan TABS	47	TRELSTAR MIXJECT	26	triamterene CAPS	45
topiramate CP24	13	TREMFYA SOAJ 100 MG/ML	41	triazolam	52
topiramate CPSP 15 MG	13	TREMFYA SOAJ 200 MG/2ML	41	TRICARE TABS	59
topiramate CPSP 25 MG	13	TREMFYA SOLN	41	trientine hcl 250 MG	57
topiramate CS24	13	TREMFYA SOSY 100 MG/ML	41	trifluoperazine hcl TABS	31
topiramate TABS 200 MG	13	TREMFYA SOSY 200 MG/2ML	41	trifluridine	61
topiramate TABS 25 MG, 100 MG	13	treprostinil SOLN IJ	35	trihexyphenidyl hcl SOLN	29
topiramate TABS 50 MG	13	tretinoin (chemotherapy)	28	trihexyphenidyl hcl TABS	29
topotecan hcl SOLN	29	tretinoin CREA 0.025 %, 0.05 %, 0.1 %	39	TRIJARDY XR 1000 MG-2.5 MG- 12.5 MG, 1000 MG-2.5 MG-5 MG	16
topotecan hcl SOLR	29	tretinoin GEL 0.01 %, 0.025 %	39	TRIJARDY XR 1000 MG-5 MG-10 MG, 1000 MG-5 MG-25 MG	16
toremifene citrate	26	tretinoin microsphere 0.1 %	39	TRIKAFTA TBPK	64
toremide TABS	45	TREXALL TABS 5 MG, 7.5 MG, 10 MG, 15 MG	25	trimethobenzamide hcl CAPS	18
TRACLEER TBSO	35	triamcinolone acetonide (mouth)	58	trimethoprim TABS	22
tramadol hcl TABS 50 MG	6	triamcinolone acetonide (nasal) AERO	60	trimipramine maleate CAPS	15
tramadol hcl TB24	6	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.025 %	43	TRINTELLIX	15
tramadol-acetaminophen	7	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.1 %	43	TRIUMEQ TABS	32
trandolapril 1 MG, 2 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) CREA 0.5 %	43	TRIZIVIR	32
trandolapril 4 MG	21	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.025 %	43	TROJAN MAGNUM MISC	53
trandolapril-verapamil hcl 180 MG-2 MG, 240 MG-1 MG	22	triamcinolone acetonide (topical) LOTN 0.1 %	43	TROJAN ULTRA THIN LUBRICATED MISC	53
trandolapril-verapamil hcl 240 MG-2 MG, 240 MG-4 MG	22	triamcinolone acetonide (topical) TROJAN ULTRA			
tranexamic acid SOLN 1000 MG/10ML	51				
tranexamic acid TABS	51				
tranylcypromine sulfate	14				

THIN/SPERMICIDAL LUBRICANT MISC	53	LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA STRENGTH MISC	54	UPTRAVI TABS 200 MCG	35
TROJAN-ENZ LUBRICATED MISC	53	TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	54	UPTRAVI TABS 400 MCG, 600 MCG, 800 MCG, 1000 MCG, 1200 MCG, 1400 MCG, 1600 MCG	35
TROJAN-ENZ W/SPERMICIDAL MISC	54	TRUSTEX NATURAL CONDOMS +LUBE/LUBRICATED MISC	54	UPTRAVI TITRATION PACK TBPK	35
tropicamide SOLN 0.5 %	60	TRUSTEX WITH NONOXYNOL-9/RIBBED/STUDED MISC	54	ursodiol CAPS	48
tropicamide SOLN 1 %	60	TRUSTEX/RIA LUBRICATED MISC .	54	ursodiol TABS	48
trosipium chloride CP24	67	TRUSTEX/RIA LUBRICATED	54	UVADEX	28
trosipium chloride TABS	67	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	54	valacyclovir hcl 1 GM, 1000 MG ...	33
TRUE COVER DEVI	54	TRUSTEX/RIA LUBRICATED SPERMICIDE MISC	54	valacyclovir hcl 500 MG	33
TRUE METRIX BLOOD GLUCOSETEST STRIPS STRP ...	44	TRUSTEX/RIA LUBRICATED/SPERMICIDE MISC	54	valganciclovir hcl TABS	32
TRUE METRIX CONTROL SOLUTION LEVEL 3 SOLN	55	TRUXIMA	25	valproate sodium SOLN OR 250 MG/5ML, 500 MG/10ML	13
TRUE METRIX SELF MONITORING BLOOD GLUCOSE STRIPS STRP	45	TUKYSA	25	valproic acid CAPS	13
TRUE TRACK TEST STRP	45	TURALIO	28	valrubicin	27
TRULICITY	16	TUZISTRA XR	38	valsartan TABS	21
TRUMENBA	67	TWINRIX SUSY	70	valsartan-hydrochlorothiazide	22
TRUSTEX COLOR CONDOMS + LUBE MISC	54	TWIRLA	37	VALTOCO 10 MG DOSE LIQD	12
TRUSTEX LUBRICATED EXTRALARGE MISC	54	TYBLUME CHEW	37	VALTOCO 15 MG DOSE LQPK ...	12
TRUSTEX LUBRICATED EXTRASTRENGTH MISC	54	TYBOST	32	VALTOCO 20 MG DOSE LQPK ...	12
TRUSTEX LUBRICATED MISC ...	54	TYMLOS	46	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12
TRUSTEX LUBRICATED/RIBBED/STUDED MISC	54	TYVASO REFILL KIT SOLN IN ...	35	VALTOCO 5 MG DOSE LIQD	12
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	54	TYVASO SOLN IN	35	vancomycin hcl CAPS	22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	54	TYVASO STARTER KIT SOLN IN	35	vancomycin hcl SOLR IV 1 GM, 10 GM, 500 MG, 1000 MG	22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	54	UBRELVY	55	vancomycin hcl SOLR OR 25 MG/ML, 50 MG/ML, 250 MG/5ML .	22
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	54	UCERIS (budesonide (intrarectal))	7	VAQTA	70
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	54	UDENYCA ONBODY SOSY	51	varenicline tartrate TABS	64
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	54	UDENYCA SOAJ	51	varenicline tartrate TBPK	64
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	54	UDENYCA SOSY	51	VARIVAX SUSR	70
TRUSTEX LUBRICATED/SPERMICIDE EXTRA LARGE MISC	54			VARUBI TBPK	18

VAXNEUVANCE	67	VIREAD TABS 150 MG, 200 MG, 250 MG	32	DIAPHRAGM KIT 85	54
VECAMYL	22	VISTOGARD	18	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 90	54
VECTIBIX 100 MG/5ML	25	VITAMIN D2 TABS 400 UNIT	71	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 95	54
VENLAFAXINE BESYLATE ER ...	15	VITATHELY/GINGER TABS	59	XALKORI CAPS	28
venlafaxine hcl CP24 150 MG	15	VITRAKVI CAPS	28	XARELTO STARTER PACK TBPK 11	
venlafaxine hcl CP24 37.5 MG	15	VITRAKVI SOLN	28	XARELTO SUSR	11
venlafaxine hcl CP24 75 MG	15	VIVITROL	18	XARELTO TABS 10 MG, 20 MG ..	11
venlafaxine hcl TABS	15	VIZIMPRO	25	XARELTO TABS 2.5 MG, 15 MG ..	11
venlafaxine hcl TB24 150 MG	15	VORAXAZE	29	XCOPRI TABS 50 MG, 100 MG, 150 MG, 200 MG	13
venlafaxine hcl TB24 37.5 MG, 75 MG, 225 MG	15	voriconazole TABS	19	XCOPRI TBPK	13
verapamil hcl CP24 100 MG, 200 MG, 300 MG	34	VOSEVI	33	XELJANZ SOLN	3
verapamil hcl CP24 120 MG, 180 MG, 240 MG, 360 MG	34	VOTRIENT (pazopanib hcl)	28	XELJANZ TABS 10 MG	3
verapamil hcl SOLN 2.5 MG/ML ...	34	VRAYLAR CAPS	30	XELJANZ TABS 5 MG	3
verapamil hcl TABS	34	VRAYLAR CPPK	30	XELJANZ XR TB24	3
verapamil hcl TBCR	34	VYNDAMAX	35	XELSTRYM	1
VEREGEN	39	VYNDAQEL	35	XERAVA	65
VERSACLOZ SUSP	31	VYVANSE CAPS	1	XGEVA SOLN	46
VERZENIO	28	warfarin sodium TABS	11	XHANCE EXHU	60
VICTOZA (liraglutide)	17	water for irrigation, sterile	58	XIFAXAN	22
vigabatrin PACK	13	WESTAB PLUS TABS	59	XIGDUO XR (dapagliflozin propanediol-metformin hcl)	16
vigabatrin TABS	13	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 60	54	XIGDUO XR 1000 MG-10 MG, 500 MG-10 MG, 500 MG-5 MG	16
VIIBRYD STARTER PACK KIT	15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 65	54	XIGDUO XR 1000 MG-2.5 MG, 1000 MG-5 MG	16
vilazodone hcl TABS	15	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 70	54	XOLAIR SOAJ 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9
vincristine sulfate	29	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 75	54	XOLAIR SOAJ 75 MG/0.5ML	9
vinorelbine tartrate 10 MG/ML	29	WIDE-SEAL SILICONE DIAPHRAGM KIT 80	54	XOLAIR SOLR	9
VIRACEPT TABS 250 MG	32	WIDE-SEAL SILICONE			
VIRACEPT TABS 625 MG	32				
VIREAD POWD	32				

XOLAIR SOSY 150 MG/ML, 300 MG/2ML	9	24000 UNIT-17000 UNIT-5000 UNIT, 42000 UNIT-32000 UNIT-10000 UNIT, 63000 UNIT-47000 UNIT- 15000 UNIT, 84000 UNIT-63000 UNIT-20000 UNIT	45	ZORBTIVE SC	46
XOLAIR SOSY 75 MG/0.5ML	9	ZENPEP CPEP 252600 UNIT- 189600 UNIT-60000 UNIT	45	ZTALMY	13
XOSPATA	28	zidovudine CAPS	32	ZUBSOLV SUBL	7
XPOVIO	26	zidovudine SYRP	32	ZULRESSO	14
XPOVIO 60 MG TWICE WEEKLY 26		zidovudine TABS	32	ZYDELIG	28
XPOVIO 80 MG TWICE WEEKLY 26		ZIEXTENZO	51	ZYPREXA RELPREVV	31
XTAMPZA ER	6	zileuton TB12	9		
XTANDI CAPS	26	ZIMHI SOSY	18		
XTANDI TABS 40 MG	26	ziprasidone hcl	30		
XTANDI TABS 80 MG	26	ziprasidone mesylate	30		
XULTOPHY 100/3.6	16	ZIRABEV	25		
XYNTHA	50	ZIRGAN GEL	61		
XYNTHA SOLOFUSE	50	ZOLADEX 10.8 MG	26		
YERVOY	25	ZOLADEX 3.6 MG	26		
YONSA	26	zoledronic acid CONC	46		
zafirlukast	9	zoledronic acid SOLN	46		
zaleplon 10 MG	52	ZOLINZA	28		
zaleplon 5 MG	52	zolmitriptan SOLN	56		
ZALTRAP 100 MG/4ML	25	zolmitriptan TABS	56		
ZANOSAR	24	zolmitriptan TBDP	56		
ZARXIO	51	zolpidem tartrate SUBL	52		
ZEJULA CAPS	28	zolpidem tartrate TABS	52		
ZEJULA TABS 100 MG	28	zolpidem tartrate TBCR	52		
ZEJULA TABS 200 MG, 300 MG ..	28	ZOLPIMIST SOLN	52		
ZELBORAF	28	ZONISADE SUSP	13		
ZENPEP CPEP 105000 UNIT-79000 UNIT-25000 UNIT, 14000 UNIT- 10000 UNIT-3000 UNIT, 168000 UNIT-126000 UNIT-40000 UNIT,		zonisamide CAPS	13		
		ZONTIVITY	50		

